

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH



NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT Á

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4103001665 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp lần đầu ngày 19/6/2003, số 0302963695 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 33 ngày 17/5/2023)

(Giấy phép thành lập và hoạt động lần đầu số 12/NH-GP ngày 09/5/2003, thay thế bằng Giấy phép số 55/GP-NHNN ngày 31/5/2019, Quyết định số 1835/QĐ – QLGS5 do Cục quản lý, giám sát tổ chức tín dụng – Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 01/8/2025 về việc sửa đổi nội dung địa chỉ đặt trụ sở chính tại Giấy phép thành lập và hoạt động của Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Á và Quyết định số 3186/QĐ – NHNN do Ngân hàng Nhà nước cấp ngày 18/9/2025 về việc sửa đổi nội dung về vốn điều lệ tại Giấy phép thành lập và hoạt động của Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Á)

NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

(Quyết định đăng ký niêm yết số:...../SGD...- QĐ do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội cấp ngày tháng năm)

Bản cáo bạch này và các phụ lục sẽ được cung cấp tại những địa điểm dưới đây từ ngày/...../.....:

1. Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Á (VAB)

Địa chỉ : Tầng 4 và 5, tòa nhà Samsora Premier, số 105 đường Chu Văn An, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội
Điện thoại : (84-24) 3933 3636
Website : <https://vietabank.com.vn/>

2. Công ty Cổ phần Chứng khoán MB (MBS)

Địa chỉ : Khu vực 1-Tầng 7-8, tòa nhà MB, số 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội
Điện thoại : (84-24) 7304 5688
Website : <https://mbs.com.vn/>

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên : Ông Nguyễn Văn Trọng
Chức vụ : Tổng Giám đốc
Số điện thoại : (84-24) 3933 3636



NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT Á

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4103001665 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp lần đầu ngày 19 tháng 6 năm 2003, số 0302963695 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 33 ngày 17 tháng 5 năm 2023

(Giấy phép thành lập và hoạt động lần đầu số 12/NH-GP ngày 09/5/2003, thay thế bằng Giấy phép số 55/GP-NHNN ngày 31/5/2019, Quyết định số 1835/QĐ – QLGS5 do Cục quản lý, giám sát tổ chức tín dụng – Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 01/8/2025 về việc sửa đổi nội dung địa chỉ đặt trụ sở chính tại Giấy phép thành lập và hoạt động của Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Á và Quyết định số 3186/QĐ – NHNN do Ngân hàng Nhà nước cấp ngày 18/9/2025 về việc sửa đổi nội dung về vốn điều lệ tại Giấy phép thành lập và hoạt động của Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Á)

NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU TRÊN SỔ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Tên trái phiếu	: Trái phiếu VAB phát hành ra công chúng
Loại trái phiếu	: Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có tài sản bảo đảm và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của VAB theo quy định của pháp luật hiện hành.
Mã trái phiếu	: VAB125029
Mệnh giá	: 100.000 đồng/trái phiếu (Một trăm nghìn đồng một trái phiếu)
Tổng số lượng trái phiếu đăng ký niêm yết	: 2.994.070 trái phiếu (Hai triệu chín trăm chín mươi tư nghìn không trăm bảy mươi trái phiếu)
Tổng giá trị trái phiếu đăng ký niêm yết theo mệnh giá	: 299.407.000.000 đồng (Hai trăm chín mươi chín tỷ bốn trăm linh bảy triệu đồng)
Lãi suất	: Lãi suất của Trái phiếu VAB phát hành ra công chúng Đợt 2 năm 2025 là lãi suất kết hợp. Lãi suất năm đầu là 7,6%/năm và Lãi suất từ năm thứ 2 trở đi là lãi suất thả nổi theo công thức: Lãi suất Trái phiếu = lãi suất tham chiếu cộng biên độ (*) .

(*) Biên độ và Lãi suất tham chiếu được xác định như sau:

- **Biên độ: 2,8%/năm**
- **Lãi suất tham chiếu (LSTC):** dùng để xác định lãi suất cho mỗi Kỳ Tính Lãi bằng bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng VND, kỳ hạn 12 tháng, trả lãi cuối kỳ (hoặc mức lãi suất của kỳ hạn tương đương) được công bố trên trang thông tin điện tử chính thức của bốn (04) Ngân hàng Thương mại Việt Nam bao gồm: BIDV, Vietinbank,

Agribank và Vietcombank tại Ngày Xác Định Lãi Suất.
Lãi suất tham chiếu sẽ được làm tròn đến hàng thập phân thứ hai.

Ngày Xác Định Lãi Suất: Đối với các Kỳ tính lãi tiếp theo sau Kỳ Tính Lãi đầu tiên, Ngày xác định lãi suất là ngày làm việc trước mỗi ngày tròn năm từ Ngày phát hành 07 (bảy) ngày làm việc

Kì hạn trái phiếu : 7 năm
Ngày phát hành : 14/10/2025
Ngày đáo hạn : 14/10/2032

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

Báo cáo tài chính năm 2023 được kiểm toán bởi:

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Địa chỉ trụ sở chính : Số 01 Lê Phụng Hiểu, phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội
Số điện thoại : (84-24) 3824 1990
Số Fax : (84-24) 3825 3973
Website : <https://aasc.com.vn/>

Báo cáo tài chính năm 2024 được kiểm toán bởi:

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học MOORE AISC

Địa chỉ trụ sở chính : 389A Điện Biên Phủ, Phường Bàn Cờ, Thành phố Hồ Chí Minh
Số điện thoại : (84-24) 3832 9129 – 3834 3346
Số fax : (84-24) 3834 2957
Website : <https://aisc.com.vn/>

TỔ CHỨC TƯ VẤN, ĐẠI LÝ PHÁT HÀNH, ĐẠI DIỆN NGƯỜI SỞ HỮU TRÁI PHIẾU:

Công ty Cổ phần Chứng khoán MB

Địa chỉ trụ sở chính : Khu vực 1 - Tầng 7-8, tòa nhà MB, số 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội
Số điện thoại : (84-24) 7304 5688
Số fax : 024.37262601
Website : <https://mbs.com.vn/>

TỔ CHỨC XẾP HẠNG TÍN NHIỆM:

Công ty Cổ phần Xếp hạng Tín nhiệm Đầu tư Việt Nam

Địa chỉ trụ sở chính : Phòng 2709, Tầng 27 – Tháp Tây, Tòa nhà Lotte Center Hà Nội, 54 Liễu Giai, phường Giảng Võ, thành phố Hà Nội.
Số điện thoại : (84.24) 2288 6000
Website : <https://visrating.com/>

MỤC LỤC

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH.....	8
1. Tổ chức niêm yết.....	8
2. Tổ chức Tư vấn	8
II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	9
1. Rủi ro về kinh tế	9
2. Rủi ro về luật pháp	12
3. Rủi ro đặc thù	13
4. Rủi ro về quản trị công ty	17
5. Rủi ro khác	17
III. CÁC KHÁI NIỆM.....	18
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT	20
1. Thông tin chung về tổ chức đăng ký niêm yết.....	20
2. Tóm tắt quá trình hình thành, phát triển của tổ chức đăng ký niêm yết	21
3. Cơ cấu tổ chức của tổ chức đăng ký niêm yết.....	26
4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của tổ chức đăng ký niêm yết.....	28
5. Thông tin về công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết	31
6. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của tổ chức đăng ký niêm yết	32
7. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành.....	40
8. Hoạt động kinh doanh.....	42
9. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông	85
10. Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng	87
11. Tình hình thanh toán gốc và lãi trái phiếu đã phát hành trong 03 năm liên tục liền trước năm đăng ký niêm yết và đến thời điểm hiện tại	105
12. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết.....	105
13. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ chức đăng ký niêm yết có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ chức đăng ký niêm yết	107
14. Thông tin về cam kết của tổ chức đăng ký niêm yết không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích.....	108
V. Kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính và dự kiến kế hoạch.....	109
1. Kết quả hoạt động kinh doanh.....	109
2. Tình hình tài chính.....	111
3. Ý kiến của tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của tổ chức đăng ký niêm yết	116

4.	Kế hoạch kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong các năm tiếp theo.....	117
VI.	TRÁI PHIẾU ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT	122
1.	Tên Trái Phiếu	122
2.	Loại trái phiếu	122
3.	Mệnh giá	122
4.	Tổng số trái phiếu đăng ký niêm yết	122
5.	Tổng giá trị trái phiếu đăng ký niêm yết theo mệnh giá	122
6.	Kỳ hạn trái phiếu	123
7.	Ngày phát hành.....	123
8.	Ngày đáo hạn.....	123
9.	Lãi suất.....	123
10.	Kỳ hạn trả lãi, trả gốc:	125
11.	Xếp hạng tín nhiệm.....	127
12.	Quyền của người sở hữu trái phiếu:	127
13.	Đại diện người sở hữu trái phiếu:.....	131
14.	Việc mua lại trái phiếu trước hạn:	132
15.	Phương pháp tính giá.....	134
16.	Phương pháp tính lợi suất khi đáo hạn	136
17.	Đánh giá tác động của tình hình lạm phát đối với trái phiếu niêm yết:.....	137
18.	Cam kết về bảo đảm	138
19.	Thông tin về các cam kết	138
20.	Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài:	139
21.	Các loại thuế có liên quan	139
VII.	CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT.....	142
VIII.	PHỤ LỤC.....	143
IX.	NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT, TỔ CHỨC TƯ VẤN.....	144

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1: Danh sách công ty con của VAB.....	31
Bảng 2: Quá trình tăng vốn của VAB.....	33
Bảng 3: Thông tin về cổ phiếu đang lưu hành của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết tại ngày 30/9/2025	40
Bảng 4: Danh sách trái phiếu đã phát hành và còn dư nợ tại VAB.....	41
Bảng 5: Tỷ lệ các sản phẩm, dịch vụ trong tổng doanh thu (hợp nhất).....	43
Bảng 6: Tỷ lệ các sản phẩm, dịch vụ trong tổng doanh thu (riêng lẻ).....	44
Bảng 7: Tỷ lệ các sản phẩm, dịch vụ trong lợi nhuận thuần (hợp nhất).....	44
Bảng 8: Tỷ lệ các sản phẩm, dịch vụ trong lợi nhuận thuần (riêng lẻ).....	45
Bảng 9: Cơ cấu huy động vốn của VAB (hợp nhất).....	51
Bảng 10: Cơ cấu huy động vốn của VAB (riêng lẻ).....	52
Bảng 11: Dư nợ cho vay theo kỳ hạn (hợp nhất)	59
Bảng 12: Dư nợ cho vay theo kỳ hạn (riêng lẻ)	60
Bảng 13: Phân loại chất lượng tín dụng VAB.....	60
Bảng 14: Tỷ lệ an toàn hoạt động và tỷ lệ nợ quá hạn tại VAB.....	61
Bảng 15: Tình hình trích lập dự phòng của VAB	62
Bảng 16: Thu nhập và lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối (hợp nhất).....	63
Bảng 17: Thu nhập và lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối (riêng lẻ).....	63
Bảng 18: Chứng khoán đầu tư và chứng khoán kinh doanh tại VAB (hợp nhất)	65
Bảng 19: Chứng khoán đầu tư và chứng khoán kinh doanh tại VAB (riêng lẻ)	65
Bảng 20: Danh mục đầu tư dài hạn của VAB	66
Bảng 21: Tài sản cố định hữu hình (hợp nhất).....	67
Bảng 22: Tài sản cố định hữu hình (riêng lẻ).....	68
Bảng 23: Tài sản cố định vô hình (hợp nhất).....	69
Bảng 24: Tài sản cố định vô hình (riêng lẻ).....	70
Bảng 25: Thị phần tổng tài sản và dư nợ cho vay của VAB trong 9 tháng đầu năm 2025.....	79
Bảng 26: So sánh kết quả kinh doanh của VAB với một số ngân hàng khác	79
Bảng 27: Dự án đã và đang triển khai của VAB trong giai đoạn 2023-2025	81
Bảng 28: Kế hoạch kinh doanh năm 2025 của VAB.....	85
Bảng 29: Danh sách cổ đông lớn nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết.....	86
Bảng 30: Số lượng cổ phần nắm giữ của người có liên quan của cổ đông lớn.....	87
Bảng 31: Danh sách Hội đồng Quản trị Ngân hàng TMCP Việt Á	87
Bảng 32: Danh sách Ban Kiểm soát Ngân hàng TMCP Việt Á.....	99
Bảng 33: Danh sách Tổng Giám Đốc, các Phó Tổng Giám Đốc và Kế Toán Trưởng.....	102
Bảng 34: Danh sách trái phiếu đã phát hành và còn dư nợ tại VAB	105
Bảng 35: Nghĩa vụ tiềm ẩn và cam kết khác của VAB	107
Bảng 36: Một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Ngân hàng năm 2023, 2024 và 9 tháng đầu năm 2025 – Hợp nhất	109
Bảng 37: Một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh năm 2023, 2024 và 9 tháng đầu năm 2025 – Riêng lẻ	109
Bảng 38: Tình hình công nợ các khoản phải thu – Hợp nhất.....	112
Bảng 39: Tình hình công nợ các khoản phải thu – Riêng lẻ	112
Bảng 40: Tình hình công nợ các khoản phải trả - Hợp nhất	112
Bảng 41: Tình hình công nợ các khoản phải trả - Riêng lẻ.....	112
Bảng 42: Chi tiết các khoản phải nộp theo luật định – Hợp nhất.....	113
Bảng 43: Chi tiết các khoản phải nộp theo luật định – Riêng lẻ	113
Bảng 44: Tình hình trích lập các quỹ của Ngân hàng – Hợp nhất	114
Bảng 45: Tình hình trích lập các quỹ của Ngân hàng – Riêng lẻ.....	114
Bảng 46: Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu – Hợp nhất	115

Bảng 47: Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu – Riêng lẻ.....	116
Bảng 48: Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận năm 2025.....	117
Bảng 49: Nguồn vốn chủ sở hữu sử dụng để tăng vốn cổ phần năm 2025.....	118
Bảng 50: Tình hình thực tế hoạt động kinh doanh của VAB trong 9 tháng đầu năm 2025.....	120

DANH MỤC HÌNH

Hình 1: Cơ cấu tổ chức của Tổ chức đăng ký niêm yết.....	26
Hình 2: Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ chức đăng ký niêm yết.....	28
Hình 3: Tổng tài sản các Ngân hàng thương mại niêm yết/đăng ký giao dịch tại ngày 30/9/2025	77

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức niêm yết

(Ông) **Phương Thành Long**

Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị

(Ông) **Nguyễn Văn Trọng**

Chức vụ: Tổng giám đốc

(Ông) **Nguyễn Thành Công**

Chức vụ: Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo không có thông tin hoặc số liệu sai sót mà có thể gây ảnh hưởng đối với các thông tin trong Bản cáo bạch.

2. Tổ chức Tư vấn

Công ty Cổ phần Chứng khoán MB

Đại diện được ủy quyền: (Bà) **Lê Thị Thu Hiền**

Chức vụ: Quyền Giám đốc Khối Dịch vụ Ngân hàng đầu tư

(Theo Giấy ủy quyền số 25/2025/MBS-UQ ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Người đại diện theo pháp luật Công ty cổ phần Chứng khoán MB).

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết do Công ty cổ phần Chứng khoán MB tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng cung cấp dịch vụ tư vấn hồ sơ đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng, đại lý phát hành và tư vấn đăng ký, niêm yết trái phiếu số 05/2025/MBS/IBHN-HĐTV ngày 12 tháng 5 năm 2025 với Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Á. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Á cung cấp.

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Nhà đầu tư nên xem xét cẩn trọng các nhân tố rủi ro và các nhân tố/sự kiện không chắc chắn được mô tả bên dưới, cùng với các thông tin trong Bản Cáo Bạch này. Hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính hoặc kết quả hoạt động của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết có thể bị ảnh hưởng bất lợi đáng kể bởi bất kỳ rủi ro nào trong số đó. Những rủi ro được mô tả dưới đây không phải là những rủi ro duy nhất liên quan đến Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết hoặc Trái Phiếu. Những rủi ro và những khả năng không chắc chắn khác mà Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết hiện không biết đến, hoặc cho là không quan trọng, cũng có thể ảnh hưởng bất lợi đến việc đầu tư vào Trái Phiếu.

1. Rủi ro về kinh tế

Thay đổi về điều kiện kinh tế, chính trị, pháp lý và chính sách tại Việt Nam có thể ảnh hưởng đáng kể và bất lợi đến công việc kinh doanh, tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết. Môi trường kinh doanh và sự tăng trưởng của nền kinh tế được coi là yếu tố vĩ mô quan trọng nhất ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng của hầu hết các ngành nghề, lĩnh vực của nền kinh tế. Các yếu tố như tốc độ tăng trưởng kinh tế (GDP), chỉ số lạm phát, lãi suất hay tỷ giá hối đoái khi có biến động đều có khả năng ảnh hưởng đến công việc kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và triển vọng của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết. Nền kinh tế có thể chịu ảnh hưởng từ một số rủi ro đến từ kinh tế thế giới và trong nước, cụ thể:

Tăng trưởng kinh tế trong nước và thế giới ảnh hưởng đáng kể đến tình hình kinh doanh và triển vọng phát triển của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết.

Năm 2024, các rủi ro tiềm ẩn từ môi trường kinh tế thế giới tiếp tục tác động tiêu cực lên triển vọng phục hồi tăng trưởng kinh tế của thế giới. Trong năm 2024, bối cảnh kinh tế thế giới còn nhiều bất ổn, như xung đột vũ trang giữa Nga và Ukraina tiếp tục kéo dài, bất ổn chính trị tại Trung Đông tiếp tục diễn biến căng thẳng; cạnh tranh chiến lược, địa chính trị giữa các nước lớn; thiên tai; dịch bệnh, ... Tuy nhiên nền kinh tế Việt Nam vẫn có những tăng trưởng đáng kể, GDP của Việt Nam tăng trưởng 7,09%¹ so với năm trước. Trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,27%, đóng góp 5,37%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,24%, đóng góp 45,17%; khu vực dịch vụ tăng 7,38%, đóng góp 49,46%. Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của Việt Nam đạt 786,29 tỷ USD, tăng 15,4% so với năm trước trong đó xuất khẩu tăng 14,3%; nhập khẩu tăng 16,7%. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) năm 2024 tăng 3,63% so với năm trước. Lạm phát ở mức được kiểm soát ở mức phù hợp và đạt mục tiêu Quốc hội đề ra, hỗ trợ tích cực cho tăng trưởng kinh tế.

Trong chín tháng năm 2025, tình hình thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường, cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn ngày càng gay gắt hơn, căng thẳng thương mại, xung đột quân sự, bất ổn chính trị tại một số quốc gia, khu vực tiếp tục lan rộng, kéo dài; thị trường tài chính, tiền tệ biến động, ảnh hưởng đến triển vọng tăng trưởng kinh tế toàn cầu. Mặc dù bất ổn kinh tế vĩ mô gia tăng liên quan đến các chính sách thương mại nhưng các điều kiện

¹ Nguồn: Tổng cục Thống kê tại: <https://datacollection.gso.gov.vn/tong-cuc-thong-ke-hop-bao-cong-bo-so-lieu-thong-ke-tinh-hinh-kinh-te-xa-hoi-nuoc-ta-quy-iv-va-ca-nam-2024>

tài chính toàn cầu đã thuận lợi hơn khi chính sách thuế quan thực tế của Hoa Kỳ thấp hơn so với công bố ban đầu, làm phát tiếp tục xu hướng giảm. Hầu hết các tổ chức quốc tế điều chỉnh tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2025 tăng nhẹ so với dự báo đưa ra trước đó do sản xuất phục vụ xuất khẩu được đẩy mạnh trước khi Hoa Kỳ dự kiến tăng thuế quan và chính sách thúc đẩy tăng trưởng của một số nền kinh tế lớn. Tại thời điểm tháng 9/2025, Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD)², Liên hợp quốc (UN)³ và Fitch Rating (FR)⁴ lần lượt dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2025 sẽ đạt 3,2%, 2,5% và 2,4%, điều chỉnh tăng tương ứng 0,3 điểm phần trăm, 0,1 điểm phần trăm và 0,2 điểm phần trăm so với dự báo trong tháng 6/2025. Tại thời điểm tháng 7/2025, Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF)⁵ dự báo tăng trưởng kinh tế thế giới đạt 3,0%, điều chỉnh tăng 0,2 điểm phần trăm so với dự báo trong tháng 4/2025. Trong nước, Tổng sản phẩm trong nước (GDP) quý III/2025 ước tính tăng 8,23% so với cùng kỳ năm trước, chỉ thấp hơn mức tăng 14,38% của cùng kỳ năm 2022 trong giai đoạn 2011-2025. GDP chín tháng năm 2025 ước tăng 7,85% so với cùng kỳ năm trước, chỉ thấp hơn tốc độ tăng 9,44% của cùng kỳ năm 2022 trong giai đoạn 2011-2025. Trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,83%, đóng góp 5,36% vào mức tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,69%, đóng góp 43,05%; khu vực dịch vụ tăng 8,49%, đóng góp 51,59%.

Tăng trưởng kinh tế có quan hệ mật thiết đến tăng trưởng tín dụng, hay nói cách khác tăng trưởng kinh tế là điều kiện thúc đẩy tăng trưởng tín dụng và tạo môi trường thuận lợi cho hoạt động kinh doanh của các ngân hàng phát triển. Khi nền kinh tế trong thời kỳ tăng trưởng và tương đối ổn định sẽ thúc đẩy sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, gia tăng đầu tư và đẩy mạnh tiêu dùng của người tiêu dùng, từ đó hoạt động huy động vốn, hoạt động tín dụng cũng như các dịch vụ thanh toán, tài trợ thương mại, sản phẩm dịch vụ khác của ngân hàng phát triển. Tuy nhiên tăng trưởng kinh tế lại chịu nhiều tác động từ các yếu tố bên ngoài như tình hình kinh tế thế giới, căng thẳng chính trị hay các chính sách hợp tác thương mại với các quốc gia khác trên thế giới. Khi nền kinh tế chịu những tác động tiêu cực hay các điều kiện không thuận lợi sẽ khiến cho sản xuất kinh doanh gặp khó khăn, người tiêu dùng có tâm lý lo ngại dẫn đến cắt giảm chi tiêu, gia tăng tiết kiệm, hoạt động đầu tư của các nhà đầu tư cũng giảm. Tất cả những thay đổi vừa đề cập sẽ dẫn đến hệ quả là hoạt động huy động vốn, hoạt động tín dụng gặp khó khăn, khả năng thu hồi nợ của ngân hàng giảm, tỷ lệ nợ xấu gia tăng, các dịch vụ và sản phẩm khác như thanh toán, tài trợ thương mại cũng bị ảnh hưởng tiêu cực.

² OECD (Tháng 9/2025), “Báo cáo sơ bộ Triển vọng kinh tế OECD: Tìm kiếm sự cân bằng trong thời điểm bất ổn”, https://www.oecd.org/content/dam/oecd/en/publications/reports/2025/09/oecd-economic-outlook-interim-report-september-2025_ae3d418b/67b10c01-en.pdf

³ UN (Tháng 9/2025), “Tình hình và triển vọng kinh tế thế giới, cập nhật tháng 9/2025”, <https://desapublications.un.org/publications/world-economic-situation-and-prospects-2025-september-update>

⁴ FR (Tháng 9/2025), “Triển vọng kinh tế toàn cầu tháng 9/2025”, <https://www.fitchratings.com/research/sovereigns/global-economic-outlook-september-2025-09-09-2025>

⁵ IMF (Tháng 7/2025), “Triển vọng kinh tế thế giới cập nhật – Nền kinh tế toàn cầu: Khả năng phục hồi mong manh giữa tình trạng bất ổn dai dẳng”, <https://www.imf.org/en/Publications/WEO/Issues/2025/07/29/world-economic-outlook-update-july-2025>

Tóm lại, tăng trưởng kinh tế tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động kinh doanh của ngân hàng nói chung và Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết nói riêng, tuy nhiên Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết không thể đảm bảo được tăng trưởng kinh tế sẽ luôn duy trì ổn định. Các yếu tố ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế có thể làm hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết xấu đi, các yếu tố này Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết không thể nhận diện, đo lường và kiểm soát toàn bộ.

Biến động về điều kiện kinh tế và các chính sách trên thị trường tiền tệ trên thế giới có thể chi phối điều kiện kinh doanh, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết.

Kinh tế nước ta vẫn chịu nhiều thách thức từ kinh tế thế giới. Trong khi đó, diễn biến thay đổi của kinh tế thế giới là không thể dự báo được và nó ảnh hưởng đến kinh tế trong nước do kinh tế Việt Nam có độ mở cao. Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết không đảm bảo rằng nền kinh tế sẽ luôn duy trì tốc độ tăng trưởng cao hay không thể chắc chắn được môi trường kinh tế sẽ ổn định, những biến động xấu đi của nền kinh tế sẽ ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết.

Những chính sách thắt chặt tiền tệ tại các quốc gia khác đã tác động ngay đến Việt Nam, đầu tiên là dự trữ ngoại hối. Trong năm 2024, Cục Dự trữ Liên bang Mỹ duy trì lãi suất cao khiến Ngân hàng Nhà nước phải can thiệp bán ngoại tệ để ổn định tỷ giá đồng VND trước áp lực mất giá. Theo ước tính của ABS, dự trữ ngoại hối kết thúc năm 2024 đạt 79 tỷ USD, sụt giảm 8,2 tỷ USD so với cuối năm 2023⁶. Biến động mạnh về tỷ giá, thay đổi tỷ lệ dự trữ ngoại hối đều có tác động trực tiếp đến hoạt động kinh doanh ngoại tệ của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết. Mặt khác, lãi suất tại các thị trường thế giới tăng làm dòng vốn dịch chuyển và có xu hướng chuyển ra ngoài Việt Nam, điều này sẽ ảnh hưởng đến hoạt động huy động vốn, chi phí huy động vốn và lợi nhuận kinh doanh của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết. Tóm lại, những biến động về thị trường trong nước và quốc tế đều có khả năng ảnh hưởng bất lợi đến hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết.

Chính sách tiền tệ thắt chặt và tỷ lệ lạm phát cao có thể ảnh hưởng bất lợi đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết.

Lạm phát có ảnh hưởng mạnh đến tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của các ngân hàng nói chung. Lạm phát có khả năng gia tăng tỷ lệ nợ xấu, tiềm ẩn rủi ro hệ thống.

Trong năm 2024, lạm phát toàn cầu đã có xu hướng giảm dần sau khi đạt đỉnh 8,8% vào năm 2022, nhờ các quốc gia đồng loạt tăng lãi suất và giá năng lượng giảm. Tuy nhiên, so với mục tiêu dài hạn, mức lạm phát hiện tại vẫn ở mức cao đối với nhiều quốc gia. Tại Mỹ, lạm phát tháng 11/2024 tăng 2,7% so với cùng kỳ năm trước, dẫn đến việc Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED) giảm lãi suất cơ bản xuống còn 4,25%-4,5%/năm vào ngày 18/12/2024. Trong cùng tháng, lạm phát của khu vực đồng Euro tăng 2,2% so với cùng kỳ năm trước, trong đó Tây Ban Nha tăng 2,4%; Đức tăng 2,2%; Pháp tăng 1,3%. Tại châu Á, lạm phát tháng 11-2024 của Ấn Độ tăng 5,5%; Nhật Bản tăng 2,9%; Philippines tăng 2,5%; Indonesia tăng

⁶ Nguồn: Tạp chí Tài chính điện tử tại: <https://tapchitaichinh.vn/du-tru-ngoai-hoi-ve-duoi-80-ty-usd-ty-gia-du-bao-tang-3-54-0-trong-2025.html>

1,6%; Hàn Quốc tăng 1,5%. Lạm phát của Việt Nam được kiểm soát ở mức phù hợp, trong mục tiêu được Quốc hội đề ra cho năm 2024 để hỗ trợ cho tăng trưởng kinh tế; CPI tháng 12-2024 tăng 2,94% so với cùng kỳ năm trước. Chỉ số giá tiêu dùng bình quân năm 2024 tăng 3,63% so với năm 2023.

Trong 9 tháng năm 2025, thị trường hàng hóa thế giới có nhiều biến động do ảnh hưởng bởi các yếu tố chính trị, kinh tế, xã hội của các quốc gia. Kinh tế toàn cầu ngày càng khó dự đoán khi tiếp tục đối mặt với nhiều rủi ro khó lường, đặc biệt là căng thẳng thuế quan và bảo hộ thương mại của Hoa Kỳ cùng với phản ứng đối phó của các nước. Việc Mỹ áp thuế cao với hơn 60 quốc gia đang tạo sự biến động mạnh trong chuỗi cung ứng toàn cầu, làm gia tăng nguy cơ, rủi ro trong sản xuất, chế biến và xuất khẩu. Căng thẳng thương mại giữa Mỹ, Trung Quốc và Liên minh châu Âu ảnh hưởng đến triển vọng tăng trưởng kinh tế toàn cầu. Bên cạnh đó, xung đột quân sự Nga – Ukraine, xung đột tại Trung Đông tiếp tục leo thang tác động bất lợi đến ổn định khu vực và kinh tế thế giới. Nhiều quốc gia tiếp tục duy trì chính sách tiền tệ thắt chặt, tổng cầu yếu khiến kinh tế toàn cầu tăng trưởng chậm. Lạm phát có xu hướng giảm nhưng các ngân hàng Trung ương vẫn tiếp tục theo dõi và điều chỉnh chính sách tiền tệ để đảm bảo tăng trưởng năm 2025. Lạm phát của Mỹ tháng 8/2025 tăng 2,9% so với cùng kỳ năm trước. Tại cuộc họp ngày 17/9/2025, Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED) đã quyết định giảm lãi suất điều hành 0,25 điểm phần trăm, đưa biên độ lãi suất xuống 4%-4,25%. Đây là lần cắt giảm đầu tiên trong năm, nhằm hỗ trợ tăng trưởng trong bối cảnh thị trường lao động có dấu hiệu chững lại. Lạm phát của Việt Nam được kiểm soát ở mức phù hợp để hỗ trợ cho tăng trưởng kinh tế, CPI tháng 9/2025 tăng 3,38% so với cùng kỳ năm trước.

Mặc dù tỷ lệ lạm phát vẫn được duy trì ở mức ổn định trong những năm gần đây, Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết không thể bảo đảm rằng nền kinh tế Việt Nam sẽ không lặp lại các giai đoạn lạm phát cao trong tương lai, đặc biệt là trước tình hình lạm phát cao ở các nước trên thế giới như tại Mỹ và EU. Nếu Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết không thể chuyển các chi phí/lãi suất đầu vào gia tăng vào lãi suất cho vay khách hàng thì các chi phí đó có thể tạo ra những ảnh hưởng bất lợi đáng kể đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết.

2. Rủi ro về luật pháp

Nhìn chung, nền kinh tế và thị trường tài chính Việt Nam đang trong quá trình phát triển. Tuy nhiên, khuôn khổ pháp luật và chính sách của Việt Nam vẫn chưa đồng bộ và ổn định như các nền kinh tế đã phát triển. Sự thay đổi trong chính sách hay trong cách hiểu và vận dụng pháp luật có thể dẫn đến những hậu quả không mong đợi mà có thể gây ảnh hưởng bất lợi đáng kể đến hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết.

Khung pháp lý và chính sách tác động đến nền kinh tế và điều chỉnh các hoạt động kinh doanh và thương mại đã và đang được triển khai kể từ thời điểm bắt đầu chính sách “đổi mới” vào năm 1986 và hiện nay vẫn đang trong giai đoạn hoàn thiện. Trong những năm gần đây, mặc dù các văn bản pháp luật của Việt Nam đã được soạn thảo công phu, minh bạch hơn để các nhà đầu tư dễ tiếp cận, nhưng sự không rõ ràng của một số quy định trong các văn bản luật như Bộ Luật Dân Sự, Luật Thương Mại, Luật Chứng Khoán, Luật Đầu Tư và Luật Doanh Nghiệp, Luật Các Tổ chức tín dụng và sự thi hành của các luật này phụ thuộc vào các văn bản hướng dẫn thi hành của Chính phủ và các bộ vẫn ảnh hưởng đến hoạt động

kinh doanh của các doanh nghiệp.

NHNN quản lý hoạt động kinh doanh của các ngân hàng thương mại và có khả năng tác động đến thị trường tài chính và ngân hàng nói chung. Các nhà đầu tư tiềm năng cần lưu ý rằng NHNN và các cơ quan quản lý nhà nước khác đang chuẩn bị ban hành và/hoặc thay đổi các chuẩn mực và đưa ra những hướng dẫn và các quy định giám sát đối với hoạt động của VAB. Bản chất và ảnh hưởng của các thay đổi chính sách pháp luật, quy định và pháp lý trong tương lai là không thể dự đoán trước và nằm ngoài tầm kiểm soát của VAB và các thay đổi chính sách pháp luật, quy định và pháp lý này có thể ảnh hưởng bất lợi đến điều kiện tài chính và kết quả hoạt động của VAB. Các nhà đầu tư dự kiến mua Trái Phiếu cũng nên lưu ý rằng các quy định pháp luật của Việt Nam có thể khác so với quy định tại các nước khác.

3. Rủi ro đặc thù

Bên cạnh những rủi ro vĩ mô, tình hình hoạt động kinh doanh còn có thể bị ảnh hưởng bởi những yếu tố đặc thù của ngành và của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết.

3.1. Rủi ro về tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro do khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng hoặc thỏa thuận với ngân hàng (trừ rủi ro tín dụng đối tác).

Nguyên nhân gây ra rủi ro tín dụng có thể xuất phát từ yếu tố chủ quan như thông tin được cung cấp không đầy đủ, trung thực; khách hàng sử dụng vốn sai mục đích, không thiện chí trong việc trả nợ, cố ý lừa đảo ngân hàng; việc sụt giảm hiệu quả kinh doanh của khách hàng hay từ yếu tố khách quan như sự suy giảm chung của nền kinh tế khu vực và toàn cầu;... Tất cả những rủi ro đó có thể ảnh hưởng đến khả năng thu hồi nợ vay của VAB và đòi hỏi VAB phải tăng chi phí trích lập dự phòng rủi ro tín dụng.

Trong những năm gần đây, hoạt động của doanh nghiệp và người dân vẫn chưa được phục hồi sau ảnh hưởng bởi dịch Covid-19, thêm vào đó là những diễn biến bất lợi của nền kinh tế và thiên tai, bão lũ thất thường do biến đổi khí hậu; nhiều khoản nợ tuy đã được ngân hàng hỗ trợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ nhưng vẫn có nguy cơ không có khả năng trả được nợ khi đến hạn theo thời hạn cơ cấu, tiềm ẩn khả năng chuyển nợ xấu, công tác thu hồi nợ đến hạn, nợ xấu, nợ đã xử lý rủi ro vẫn gặp nhiều khó khăn.

Rủi ro tín dụng được coi là rủi ro lớn nhất đối với các Ngân hàng thương mại (NHTM) tại Việt Nam nói chung và VAB nói riêng do các khoản vay khách hàng thường chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng tài sản của các NHTM, nguồn thu từ hoạt động tín dụng cũng chiếm một tỷ trọng lớn trong tổng nguồn thu và đóng góp phần lớn vào lợi nhuận của các NHTM. Rủi ro tín dụng có thể dẫn tới tổn thất về tài sản, sụt giảm thu nhập, lợi nhuận và giảm khả năng thanh toán của Ngân hàng. Do đó, VAB thường xuyên và chú trọng công tác đo lường, quản lý rủi ro tín dụng, xác định giới hạn, hạn mức rủi ro hợp lý, đồng thời luôn chủ động và kịp thời áp dụng các biện pháp quản trị nhằm duy trì rủi ro tín dụng trong mức giới hạn, đảm bảo an toàn hiệu quả.

Để quản trị rủi ro tín dụng, VAB đã không ngừng hoàn thiện hệ thống văn bản khung cho hoạt động cấp tín dụng và xử lý nợ xấu. Từ tháng 7/2024, Quốc hội, Chính phủ và NHNN

ban hành cùng lúc hàng loạt các văn bản pháp luật (Luật Các tổ chức tín dụng, Luật Kinh doanh bất động sản, Luật Đất đai, Luật Nhà ở 2024 và các Nghị định, Thông tư), VAB đã nỗ lực nghiên cứu và kịp thời ban hành gần 30 văn bản từ quy chế, quy định, quy trình đến các văn bản hướng dẫn liên quan đến hoạt động tín dụng nhằm đáp ứng tuân thủ quy định pháp luật và phù hợp với tình hình hoạt động thực tế. Các văn bản được xây dựng, điều chỉnh theo hướng phù hợp với định hướng kinh doanh của VAB, góp phần tạo thuận lợi cho các đơn vị trong hoạt động thực tiễn, tránh chồng chéo, ách tắc hoạt động kinh doanh của VAB; đồng thời cũng tạo cơ sở để đo lường, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro tín dụng.

3.2. Rủi ro về thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro do biến động bất lợi của lãi suất, tỷ giá, giá chứng khoán và giá hàng hóa trên thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm: a) Rủi ro lãi suất là rủi ro do biến động bất lợi của lãi suất trên thị trường đối với giá trị của giấy tờ có giá, công cụ tài chính có lãi suất, sản phẩm phái sinh lãi suất trên sổ kinh doanh của ngân hàng; b) Rủi ro ngoại hối là rủi ro do biến động bất lợi của tỷ giá trên thị trường khi ngân hàng có trạng thái ngoại tệ; c) Rủi ro giá cổ phiếu là rủi ro do biến động bất lợi của giá cổ phiếu trên thị trường đối với giá trị của cổ phiếu, giá trị chứng khoán phái sinh trên sổ kinh doanh của ngân hàng; d) Rủi ro giá hàng hóa là rủi ro do biến động bất lợi của giá hàng hóa trên thị trường đối với giá trị của sản phẩm phái sinh hàng hóa, giá trị của sản phẩm trong giao dịch giao ngay chịu rủi ro giá hàng hóa của ngân hàng.

Nhằm kiểm soát rủi ro thị trường, VAB thiết lập khẩu vị rủi ro và hạn mức rủi ro thị trường bao gồm các chỉ số như: Lãi/lỗ theo giá trị thị trường, trạng thái, hạn mức giá trị chịu rủi ro (Value at Risk – Var), hạn mức độ nhạy đối với sự thay đổi của lãi suất (PV01), hạn mức trạng thái/số dư đối với loại tiền tệ, đối tác thuộc danh mục tự doanh. Các chỉ số được đo lường giám sát, báo cáo hằng ngày, kịp thời báo cáo nguy cơ rủi ro phát sinh vượt ngưỡng chấp nhận của VAB.

VAB thường xuyên nghiên cứu, phát triển các công cụ đo lường và cảnh báo, ước lượng chính xác mức độ rủi ro, giám sát liên tục mức độ tổn thất có khả năng xảy ra, từ đó đưa ra các cảnh báo giúp nâng cao công tác quản lý các hạn mức quy mô, hạn mức ngăn lỗ phù hợp và hiệu quả.

3.3. Rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng

Rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng là rủi ro do biến động bất lợi của lãi suất đối với thu nhập, giá trị tài sản, giá trị nợ phải trả và giá trị cam kết ngoại bảng của ngân hàng phát sinh do:

- a) Chênh lệch thời điểm ấn định mức lãi suất mới hoặc kỳ xác định lại lãi suất;
- b) Thay đổi mối quan hệ giữa các mức lãi suất của các công cụ tài chính khác nhau nhưng có cùng thời điểm đáo hạn;
- c) Thay đổi mối quan hệ giữa các mức lãi suất ở các kỳ hạn khác nhau;
- d) Tác động từ các sản phẩm quyền chọn lãi suất, các sản phẩm có yếu tố quyền chọn lãi suất.

Nhằm kiểm soát chênh lệch kỳ hạn định giá lại, kiểm soát tác động của thay đổi lãi suất tới

thu nhập lãi thuần (NII) và giá trị kinh tế (EVE) của VAB trong phạm vi cho phép, VAB cân đối cơ cấu tỷ trọng, kỳ hạn các tài sản nợ và tài sản có trên sổ ngân hàng nhằm hạn chế ảnh hưởng tiêu cực của biến động lãi suất đến NII và EVE của ngân hàng, đặc biệt trong thời điểm có nhiều biến động về lãi suất giúp nâng cao công tác quản lý các hạn mức quy mô, hạn mức ngăn lỗ phù hợp và hiệu quả.

Mức độ rủi ro lãi suất và tình hình tuân thủ các chỉ số hạn mức rủi ro lãi suất được phân tích báo cáo Ban lãnh đạo tại các cuộc họp Hội đồng rủi ro hàng quý, Hội đồng ALCO hàng tháng nhằm kịp thời nhận diện xu hướng thay đổi cơ cấu chênh lệch kỳ hạn định giá lại, mức độ tác động tới NII/EVE và kịp thời có những điều chỉnh để đảm bảo thực hiện mục tiêu lợi nhuận của Ngân hàng.

3.4. Rủi ro hoạt động

Rủi ro hoạt động là rủi ro do các quy trình nội bộ quy định không đầy đủ hoặc có sai sót, do yếu tố con người, do các lỗi, sự cố của hệ thống hoặc do các yếu tố bên ngoài làm tổn thất về tài chính, tác động tiêu cực phi tài chính đối với ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (bao gồm cả rủi ro pháp lý). Rủi ro hoạt động không bao gồm: (a) Rủi ro danh tiếng; (b) Rủi ro chiến lược. VAB chú trọng xây dựng hệ thống quy định, quy trình nghiệp vụ kinh doanh và vận hành đầy đủ; có hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ từ Trụ sở chính đến Chi nhánh; thiết lập và duy trì ổn định hệ thống công nghệ thông tin để phục vụ hoạt động kinh doanh an toàn, hiệu quả.

Để quản trị rủi ro hoạt động, VAB triển khai khung quản lý rủi ro hoạt động đáp ứng yêu cầu của Thông tư 13/2018/TT-NHNN ngày 18/5/2018 của NHNN Quy định về Hệ thống kiểm soát nội bộ của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và các văn bản sửa đổi bổ sung liên quan, bao gồm:

- Hoàn thiện hệ thống văn bản chính sách về chiến lược, nguyên tắc quản lý rủi ro hoạt động: Ban hành Quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân nhằm thực hiện các mục tiêu đảm bảo hệ thống dữ liệu cá nhân tại VAB được bảo vệ đầy đủ, kịp thời, an toàn, tuân thủ theo quy định Pháp luật; Quy trình, hướng dẫn xử lý phòng ngừa, ngăn chặn gian lận, lừa đảo trong hoạt động mở tài khoản ngân hàng.
- Xây dựng quy trình, hướng dẫn xử lý các giao dịch bất thường trên kênh Ngân hàng số, từ đó kịp thời thực hiện các biện pháp kiểm soát rủi ro hiệu quả; Xây dựng quy trình quản lý rủi ro về rửa tiền và phân loại khách hàng theo mức độ rủi ro về rửa tiền để đảm bảo an toàn hoạt động cho Ngân hàng và tuân thủ đúng quy định của pháp luật hiện hành.
- Triển khai các công cụ quản lý rủi ro hoạt động một cách toàn diện trên toàn hệ thống với mô hình ba tuyến phòng thủ độc lập tương ứng với quy mô, phù hợp với định hướng hoạt động kinh doanh của ngân hàng nhằm giám sát, vận hành quản lý rủi ro hoạt động hiệu quả bao gồm:
 - Công cụ Tự đánh giá kiểm soát rủi ro hoạt động (RCSA) được xác định là công cụ quan trọng, cốt lõi của khung quản lý rủi ro nhằm nhận diện và đánh giá các rủi ro tiềm ẩn, ngăn chặn trước các nguy cơ xảy ra sự cố rủi ro hoạt động. Quy trình RCSA được thực hiện đầy đủ gồm việc tự đánh giá rủi ro hiện hữu, tiềm ẩn, đánh giá hiệu quả chốt kiểm soát với các rủi ro đã được nhận diện và đưa ra kế hoạch hành động kiểm soát rủi ro.

- Công cụ Giám sát thường xuyên được xây dựng nhằm tăng cường kiểm soát, ngăn ngừa rủi ro hoạt động, đưa ra các chốt kiểm soát đối với một số nghiệp vụ trọng yếu của ngân hàng. VAB thực hiện giám sát, rà soát, điều chỉnh bộ công cụ Giám sát thường xuyên hằng năm nhằm phù hợp với thực tế vận hành khi có sự thay đổi của quy định, quy trình nội bộ.
- Công cụ Thu thập dữ liệu tổn thất được xác định là việc thu thập các dữ liệu tổn thất tài chính và phi tài chính VAB triển khai hoạt động báo cáo và thu thập dữ liệu tổn thất một cách nhanh chóng, chủ động, hiệu quả theo các tiêu chí như tổn thất phát sinh trong nội bộ (bao gồm dữ liệu tổn thất phát sinh trong hoạt động kinh doanh), tổn thất bên ngoài (số liệu tổn thất từ các sự kiện rủi ro tại các Tổ chức tín dụng khác và các dữ liệu tổn thất có liên quan đến hoạt động ngân hàng).
- Công cụ Sơ đồ hóa các quy trình nghiệp vụ nhằm nhận diện, xác định rủi ro trong từng bước quy trình, đánh giá các chốt kiểm soát hiện tại, xác định rủi ro còn lại và đề xuất các chốt kiểm soát bổ sung phù hợp nhằm giảm thiểu rủi ro có thể xảy ra.
- Công cụ cảnh báo giao dịch bất thường nhằm chủ động nhận diện, cảnh báo và ngăn ngừa rủi ro đối với các giao dịch trên kênh Ngân hàng số, kịp thời ngăn chặn hiệu quả các rủi ro có thể phát sinh
- Ngoài ra, VAB đã tổ chức các buổi truyền thông, đào tạo về QLRR hoạt động để CBNV và các Đơn vị liên quan hiểu rõ về trách nhiệm của mình, đảm bảo truyền thông kiến thức và triển khai công tác QLRR hoạt động hiệu quả trên phạm vi toàn Ngân hàng; Thiết lập và phát triển văn hóa quản trị rủi ro hoạt động nhất quán trên toàn hệ thống; đảm bảo mỗi CBNV của Ngân hàng đều hiểu biết và có nhận thức rõ ràng về rủi ro hoạt động và quản trị rủi ro hoạt động.

3.5. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh toán là rủi ro do: (a) Ngân hàng không có khả năng thực hiện các nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn; hoặc (b) Ngân hàng có khả năng thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn nhưng phải trả chi phí cao hơn mức chi phí bình quân của thị trường theo quy định nội bộ của ngân hàng. Đây là rủi ro có thể khiến các ngân hàng đổ vỡ nhanh nhất và thông thường là hậu quả của các rủi ro khác, do đó, bên cạnh việc làm tốt công tác quản trị với các loại rủi ro khác, quản trị rủi ro thanh toán tại VAB được đặc biệt quan tâm.

Để quản lý rủi ro thanh toán toàn diện theo tiêu chuẩn quốc tế, VAB đã ban hành Quy trình đánh giá nội bộ về mức độ đủ vốn (ICAAP, Thông tư 13/2018/TT-NHNN ngày 18/5/2018), trong đó bao gồm đầy đủ các bước nhận dạng và đo lường các rủi ro trọng yếu là Rủi ro tín dụng, Rủi ro hoạt động, Rủi ro thị trường và Rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng, Rủi ro tập trung theo Basel II... cùng với việc thiết lập và thực hiện các kịch bản kiểm tra sức chịu đựng phù hợp, phản ánh được tác động về vốn trong điều kiện bình thường và điều kiện căng thẳng, từ đó giúp VAB sẽ luôn sẵn sàng chủ động xử lý được các căng thẳng tài chính (nếu có), phân bổ vốn phù hợp; đồng thời luôn duy trì được các chỉ số an toàn ở mức tối ưu nhất.

Tình hình cân đối vốn và các chỉ tiêu an toàn thanh khoản, hạn mức rủi ro thanh khoản được theo dõi hằng ngày, giám sát chặt chẽ đảm bảo tuân thủ các giới hạn theo quy định của

NHNN. Định kỳ hàng tháng và hàng quý, tại các cuộc họp Hội đồng rủi ro, Hội đồng Alco, tình hình cân đối vốn và thanh khoản, tình hình tuân thủ các chỉ số hạn mức rủi ro được rà soát, báo cáo và đề xuất định hướng điều hành cân đối vốn đảm bảo thanh khoản an toàn và tối ưu hiệu quả sử dụng vốn.

3.6. Rủi ro tập trung

Theo số liệu, hiện nay, dư nợ cấp tín dụng của VAB tập trung vào một số mũi nhọn trọng điểm như nhóm ngành tài chính và nhóm ngành năng lượng – sản xuất. Do vậy, sự suy thoái của một số ngành kinh tế có thể dẫn đến việc gia tăng nợ xấu của VAB. Điều này có thể có ảnh hưởng bất lợi đến kết quả hoạt động kinh doanh và tình trạng tài chính của VAB. Đối với các hoạt động giao dịch tự doanh, VAB quản lý rủi ro thông qua một số các nguyên tắc như: xác lập hạn mức giao dịch đối tác theo sản phẩm giao dịch, loại ngoại tệ giao dịch...

3.7. Rủi ro từ các hoạt động ngoại bảng

Hoạt động ngoại bảng của ngân hàng là các nghiệp vụ kinh doanh được phản ánh trên mục “Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán” của ngân hàng như bảo lãnh, thư tín dụng,... Rủi ro của hoạt động này phát sinh khi khách hàng mất khả năng thanh toán cho người thụ hưởng, khi đó ngân hàng sẽ phải thay khách hàng thực hiện các nghĩa vụ đã cam kết và các nghĩa vụ này sẽ được hạch toán như các khoản tín dụng nội bảng.

4. Rủi ro về quản trị công ty

VAB thiết lập các cơ chế nội bộ để đảm bảo hoạt động điều hành và kiểm soát diễn ra minh bạch, hiệu quả giữa Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị và các cổ đông, cũng như các bên có quyền lợi liên quan.

5. Rủi ro khác

Ngoài các rủi ro trình bày trên, VAB còn có thể phải chịu các rủi ro bất khả kháng như động đất, thiên tai, bão lụt, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh, khủng bố, nếu xảy ra sẽ ít nhiều tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động kinh doanh của VAB.

DANH MỤC CÁC NHÂN TỐ RỦI RO NÊU TRÊN KHÔNG PHẢI LÀ BẢNG LIỆT KÊ HAY GIẢI THÍCH ĐẦY ĐỦ VỀ TẤT CẢ CÁC RỦI RO LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC ĐẦU TƯ VÀO TRÁI PHIẾU.

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

III. CÁC KHÁI NIỆM

BCTC	: Báo cáo tài chính
BĐH	: Ban Điều hành
BKS	: Ban Kiểm soát
CBTT	: Công bố thông tin
CBNV	: Cán bộ, nhân viên
CN	: Chi nhánh
CNTT	: Công nghệ thông tin
CTTV	: Công ty thành viên
ĐHĐCĐ	: Đại hội đồng cổ đông
Điều lệ	: Điều lệ của Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Á
HĐQT	: Hội đồng Quản trị
KH	: Khách hàng
KHCL	: Khách hàng chiến lược
KHCN	: Khách hàng cá nhân
KHDN	: Khách hàng doanh nghiệp
KHĐCTC	: Khách hàng định chế tài chính
LNST	: Lợi nhuận sau thuế
LNTT	: Lợi nhuận trước thuế
Ngân hàng, VAB	: Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Á
NHNN	: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
NHTM	: Ngân hàng thương mại
NHS	: Ngân hàng số
PGD	: Phòng giao dịch
QTCT	: Quản trị công ty
QLRR	: Quản lý rủi ro
SGDCK	: Sở giao dịch chứng khoán
SME	: Khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ
SMEFP	: Small & Medium Enterprise Finance Program I (sản phẩm cho vay vốn trung dài hạn ưu đãi dành cho khách hàng SME)
TCĐKNY	: Tổ chức đăng ký niêm yết, Ngân hàng TMCP Việt Á
TCTD	: Tổ chức tín dụng

Thuế TNDN	:	Thuế Thu nhập doanh nghiệp
TKTT	:	Tài khoản thanh toán
TSCĐ	:	Tài sản cố định
TSĐB	:	Tài sản đảm bảo
TTCK	:	Thị trường chứng khoán
UBCKNN	:	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
VĐL	:	Vốn điều lệ
VSDC	:	Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT**1. Thông tin chung về tổ chức đăng ký niêm yết**

Tên đầy đủ bằng Tiếng Việt	: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Á
Tên gọi tắt bằng Tiếng Việt	: Ngân hàng TMCP Việt Á
Tên viết tắt	: VAB
Tên viết tắt bằng tiếng nước ngoài	: VietNam – Asia Commercial Joint Stock Bank
Địa chỉ trụ sở chính	: Tầng 4 và 5, tòa nhà Samsora Premier, số 105 đường Chu Văn An, Phường Hà Đông, TP. Hà Nội
Điện thoại	: (84-24) 3933 3636
Fax	: (84-24) 3933 6426
Website	: https://vietabank.com.vn/
Giấy chứng nhận ĐKKD	: Giấy đăng ký kinh doanh số 4103001665 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp lần đầu ngày 19/6/2003, số 0302963695 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 33 ngày 17/5/2023.
Giấy phép hoạt động	: Giấy phép thành lập và hoạt động số 55/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 31/5/2019; Quyết định số 1835/QĐ – QLGS5 do Cục quản lý, giám sát tổ chức tín dụng – Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 01/8/2025 về việc sửa đổi nội dung địa chỉ đặt trụ sở chính tại Giấy phép thành lập và hoạt động của Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Á. Quyết định số 3186/QĐ – NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 18/9/2025 về việc sửa đổi nội dung về vốn điều lệ tại Giấy phép thành lập và hoạt động của Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Á.
Vốn điều lệ đăng ký và thực góp	: 8.163.606.720.000 VNĐ (Bằng chữ: Tám nghìn một trăm sáu mươi ba tỷ sáu trăm linh sáu triệu bảy trăm hai mươi nghìn đồng).
Người đại diện theo pháp luật	: Phương Thành Long – Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Mã cổ phiếu	: VAB
Sàn niêm yết cổ phiếu	: Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE)

Ngành nghề kinh doanh : Ngành nghề kinh doanh theo Giấy phép thành lập và hoạt động ngân hàng thương mại số 55/GP-NHNN ngày 31/5/2019 của VAB gồm: Hoạt động trung gian tiền tệ khác, dịch vụ ngân hàng và các hoạt động khác của loại hình ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật và NHNN.

2. Tóm tắt quá trình hình thành, phát triển của tổ chức đăng ký niêm yết

Ngân hàng TMCP Việt Á được thành lập ngày **04/7/2003** trên cơ sở hợp nhất hai tổ chức tài chính tín dụng đã hoạt động lâu năm trên thị trường tiền tệ, tài chính Việt Nam là Ngân hàng thương mại cổ phần nông thôn Đà Nẵng và Công ty tài chính cổ phần Sài Gòn theo Quyết định số 440/QĐ-NHNN của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 09/5/2003. Trải qua hơn 22 năm hoạt động & phát triển đến nay VAB đã có 97 điểm giao dịch (24 chi nhánh và 73 phòng giao dịch); 01 công ty con trên cả nước cùng hơn 1.612 cán bộ nhân viên làm việc.

Với mục tiêu lấy sự hài lòng của khách hàng làm trọng tâm của hoạt động kinh doanh, VAB liên tục hoàn thiện cơ chế hoạt động, đào tạo đội ngũ cán bộ nhân viên toàn hệ thống nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ, phục vụ ngày càng tốt hơn nhu cầu đa dạng của khách hàng. VAB luôn nỗ lực để khẳng định vị trí là ngân hàng uy tín cao trên thị trường, cùng với chất lượng dịch vụ tốt và mặt bằng lãi suất hấp dẫn, qua đó cung cấp cho khách hàng các sản phẩm dịch vụ có chất lượng tốt, an toàn và linh hoạt.

Trong các năm qua, VAB đã nhận được những giải thưởng uy tín như: Bằng khen của Thống đốc NHNN, Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam, Thương hiệu mạnh ASEAN, Thương hiệu mạnh Việt Nam... Đặc biệt, VAB được các tổ chức quốc tế như Global Banking and Finance Review, Global Business Outlook vinh danh với các giải thưởng: Ngân hàng phát triển bền vững nhất Việt Nam, Dịch vụ khách hàng doanh nghiệp tốt nhất Việt Nam, Ngân hàng có sản phẩm tiết kiệm tốt nhất Việt Nam... VAB sẽ không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm - dịch vụ, hệ thống ngân hàng điện tử, chất lượng phục vụ và chăm sóc khách hàng để nâng tầm thương hiệu trở thành một doanh nghiệp Việt Nam phát triển vững mạnh trong thị trường tài chính.

Những danh hiệu trên là kết quả ghi nhận sự cố gắng không ngừng nghỉ của tập thể lãnh đạo và cán bộ nhân viên ngân hàng trong suốt thời gian qua, nhằm mang đến khách hàng những sản phẩm, dịch vụ tiện ích và chất lượng. Sự yêu mến, tin tưởng và lựa chọn của quý khách hàng là động lực để VAB tiếp tục hoàn thiện cơ chế hoạt động. Mục tiêu của VAB trong thời gian tới là tiếp tục mở rộng mạng lưới hoạt động, tăng cường năng lực tài chính, nâng cao uy tín trên thị trường dựa trên việc chấp hành nghiêm chỉnh luật pháp của Nhà nước nói chung và quy chế ngành nói riêng.

❖ Các giải thưởng và thành tựu đạt được

Thời gian	Chi tiết
2012	▪ "Thương hiệu Việt được yêu thích nhất 2012" do Báo đọc báo Sài Gòn Giải Phóng bình chọn.

Thời gian	Chi tiết
	▪ “Thương hiệu mạnh Việt Nam năm 2012” do Thời báo kinh tế Việt Nam phối hợp với Bộ Công Thương về việc bình chọn và trao giải thưởng. ▪ Top 1000 Doanh nghiệp nộp thuế lớn nhất Việt Nam.
2013	▪ Giải “Sao Vàng Đất Việt” do Hội Doanh nhân trẻ Việt Nam bình chọn. ▪ “Thương hiệu Việt được yêu thích nhất 2013” do Bạn đọc báo Sài Gòn Giải Phóng bình chọn. ▪ “Thương hiệu mạnh Việt Nam năm 2013” do Thời báo kinh tế Việt Nam phối hợp với Bộ Công Thương về việc bình chọn và trao giải thưởng. ▪ Top 1000 Doanh nghiệp nộp thuế lớn nhất Việt Nam. ▪ Giải thưởng “Doanh nghiệp phát triển bền vững” do Hội đồng Viện Doanh nghiệp Việt Nam và Tổ chức Quốc tế InterConformity Việt Nam (CHLB Đức – Châu Âu) chứng nhận. ▪ Trao thưởng 1 trong 20 đơn vị chấp hành tốt Quy chế hoạt động thông tin tín dụng của NHNN.
2014	▪ Đạt chỉ số tín nhiệm “Doanh nghiệp phát triển bền vững – Sustainable Development Business 2014” do Hội đồng Viện Doanh nghiệp Việt Nam và Tổ chức Quốc tế InterConformity Việt Nam (CHLB Đức – Châu Âu) chứng nhận. ▪ “Thương hiệu Việt được yêu thích nhất 2014” do Bạn đọc báo Sài Gòn Giải Phóng bình chọn. ▪ “Thương hiệu mạnh Việt Nam năm 2014” do Thời báo kinh tế Việt Nam phối hợp với Bộ Công Thương về việc bình chọn và trao giải thưởng. ▪ “Ngân hàng điện tử được yêu thích – My Ebank” do Báo điện tử VNExpress tổ chức trao giải. ▪ “Doanh Nghiệp Xuất Sắc nhất năm 2014” dựa trên kết quả nghiên cứu và đánh giá độc lập của VietNam Report. ▪ “Thương hiệu Vàng Việt Nam năm 2014” do Liên hiệp các Hội Khoa học & Kỹ thuật Việt Nam, Hội tiêu chuẩn và Bảo vệ Người tiêu dùng Việt Nam phối hợp cùng Báo Người Tiêu Dùng tiến hành khảo sát và bình chọn. ▪ “Thương hiệu nổi tiếng trong Hội nhập kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương” do sự bảo trợ của Cục Xúc Tiến Thương Mại – Bộ Công Thương, Trung tâm Empretec Việt Nam – Trung tâm đầu tiên tại Châu Á trong chương trình quản lý của Tổ chức Liên Hiệp Quốc về Thương mại và Phát triển (UNCTAD), VCCI, Trung tâm Kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương phối hợp tổ chức và trao giải.
2015	▪ Giải “Sao Vàng Đất Việt” do Hội Doanh nhân trẻ Việt Nam bình chọn.

Thời gian	Chi tiết
	▪ Đạt chỉ số tín nhiệm “Doanh nghiệp phát triển bền vững – Sustainable Development Business 2015” do Hội đồng Viện Doanh nghiệp Việt Nam và Tổ chức Quốc tế InterConformity Việt Nam (CHLB Đức – Châu Âu) chứng nhận. ▪ “Thương hiệu Việt được yêu thích nhất 2015” do Báo đọc báo Sài Gòn Giải Phóng bình chọn.
	▪ “Thương hiệu mạnh Việt Nam năm 2015” do Thời báo kinh tế Việt Nam phối hợp với Bộ Công Thương về việc bình chọn và trao giải thưởng. ▪ Giải thưởng “Thương hiệu vì cộng đồng”.
2016	▪ Đạt chỉ số tín nhiệm “Doanh nghiệp phát triển bền vững - Sustainable Development Business 2016” do Hội đồng Viện Doanh nghiệp Việt Nam và Tổ chức Quốc tế InterConformity Việt Nam (CHLB Đức - Châu Âu) chứng nhận. ▪ Giải thưởng “Top 20 nhãn hiệu hàng đầu Việt Nam” do Hội sở hữu trí tuệ Việt Nam vinh danh. ▪ Giải thưởng “Thương hiệu mạnh Việt Nam 2016” do Thời báo kinh tế Việt Nam phối hợp với Cục xúc tiến thương mại (Bộ Công thương) bình chọn và trao thưởng.
2017	▪ Giải thưởng “Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam” do Công ty cổ phần Báo cáo Đánh giá Việt Nam (VietNam Report) và báo điện tử Vietnamnet bình chọn. ▪ Giải thưởng “Thương hiệu mạnh Việt Nam 2017” do Thời báo kinh tế Việt Nam phối hợp với Cục xúc tiến thương mại (Bộ Công thương) trao tặng. ▪ Giải thưởng “Top 10 Thương hiệu tín nhiệm” do Viện chất lượng Việt Nam kết hợp cùng Tổng cục tiêu chuẩn đo lường chất lượng, Trung tâm phát triển tài sản trí tuệ - Cục Sở hữu trí tuệ trao tặng.
2018	▪ Giải thưởng “Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam 2018” do Công ty cổ phần Báo cáo Đánh giá Việt Nam (VietNam Report) và báo điện tử Vietnamnet bình chọn. ▪ Bằng khen của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. ▪ Giải thưởng “Ngân hàng Phát triển bền vững nhất Việt Nam 2018” (Best Bank for Sustainable Development Vietnam 2018) do Tạp chí Global Banking and Finance Review (Vương quốc Anh) bình chọn và trao tặng.
2019	▪ Danh hiệu Sao Khuê do Hiệp hội Phần mềm và Dịch vụ CNTT Việt Nam trao tặng.

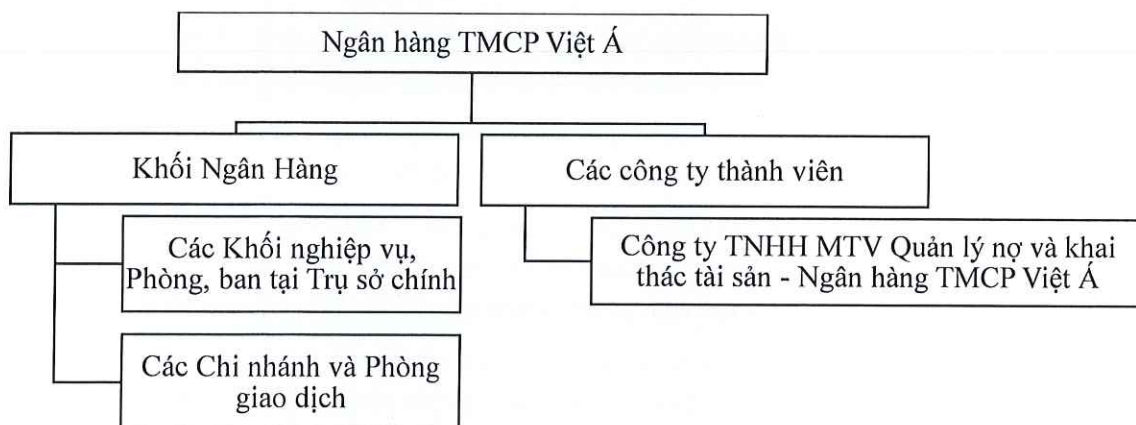
Thời gian	Chi tiết
	▪ Giải thưởng "Ngân hàng Phát triển bền vững nhất Việt Nam 2019" (Best Bank for Sustainable Development Vietnam 2019) do Tạp chí Global Banking and Finance Review (Vương quốc Anh) bình chọn và trao tặng. ▪ Giải thưởng Ngân hàng có sản phẩm tiết kiệm tốt nhất (Best Savings Bank) do Global Business Outlook (Vương quốc Anh) bình chọn. ▪ Chứng thư thẩm định tín nhiệm doanh nghiệp, Top 10 Doanh nghiệp tín nhiệm nhất Việt Nam cùng hệ thống ngành kinh tế năm 2018 do Trung tâm thẩm định tín nhiệm doanh nghiệp trao tặng. ▪ Top 100 Sản phẩm – Dịch vụ được Tin & Dùng do Thời báo Kinh tế Việt Nam trao tặng.
2020	▪ Thương hiệu mạnh ASEAN được trao bởi Trung tâm Nghiên cứu Phát triển Doanh nghiệp Châu Á. ▪ Bằng khen vì thành tích trong sự nghiệp phát triển hợp tác kinh tế Việt Nam ASEAN được trao bởi Hội Hợp tác phát triển kinh tế Việt Nam – ASEAN ▪ Best Mobile Banking Application Vietnam 2020 - Ngân hàng có ứng dụng di động tốt nhất Việt Nam 2020 được trao bởi Tạp chí Global Business Outlook (Tạp chí tài chính nổi tiếng của Vương quốc Anh). ▪ Ngân hàng có sản phẩm tiết kiệm tốt nhất Việt Nam 2020 được trao bởi tạp chí Global Business Outlook (Tạp chí tài chính nổi tiếng của Vương quốc Anh). ▪ Ngân hàng phát triển bền vững nhất Việt Nam 2020 được trao bởi Global Banking and Finance Review (Tạp chí tài chính nổi tiếng của Vương quốc Anh).
2021	▪ Thương hiệu mạnh Việt Nam 2021 được trao bởi Tạp chí Kinh tế Việt Nam. ▪ Thương hiệu hàng đầu Việt Nam 2021 được trao bởi Trung tâm nghiên cứu Phát triển Doanh nghiệp Châu Á. ▪ Giải thưởng "Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam 2018" do Công ty cổ phần Báo cáo Đánh giá Việt Nam (VietNam Report) và báo điện tử Vietnamnet bình chọn. ▪ Ngân hàng có sản phẩm tiết kiệm tốt nhất Việt Nam 2021 được trao bởi Tạp chí Global Business Outlook (Tạp chí tài chính nổi tiếng của Vương quốc Anh). ▪ Dịch vụ Ngân hàng Doanh nghiệp tốt nhất Việt Nam được trao bởi Tạp chí Global Business Outlook (Tạp chí tài chính nổi tiếng của Vương quốc Anh)

Thời gian	Chi tiết
	▪ Ngân hàng phát triển bền vững nhất Việt Nam 2021 được trao bởi Global Banking and Finance Review (Tập chí tài chính nổi tiếng của Vương quốc Anh).
2022	▪ Xếp hạng tín nhiệm B2 và đánh giá triển vọng ổn định do tổ chức xếp hạng tín nhiệm uy tín hàng đầu thế giới Moody's công bố. ▪ “Ngân hàng Phát triển bền vững nhất Việt Nam” – Best Bank for Sustainable Development do Global Banking & Finance Review (Vương Quốc Anh) trao tặng. ▪ “Ngân hàng có sản phẩm tiết kiệm tốt nhất Việt Nam 2022” – Best Savings Bank do Global Outlook - GBO (Vương Quốc Anh) bình chọn. ▪ Thương hiệu mạnh ASEAN được trao bởi Trung tâm Nghiên cứu Phát triển Doanh nghiệp Châu Á. ▪ Thăng hạng trong Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam 2021 được trao bởi Công ty cổ phần Báo cáo Đánh giá Việt Nam và báo điện tử Vietnamnet. ▪ Top 1 nhà tuyển dụng được cán bộ nhân viên yêu thích nhất năm 2022 trong các công ty có quy mô từ 1000-4000 nhân sự...
2023	▪ Năm thứ 2 liên tiếp xếp hạng tín nhiệm B2 và đánh giá triển vọng ổn định do tổ chức xếp hạng tín nhiệm uy tín hàng đầu thế giới Moody's công bố. ▪ “Ngân hàng có sản phẩm tiết kiệm tốt nhất Việt Nam 2023” – Best Savings Bank do Global Outlook - GBO (Vương Quốc Anh) bình chọn. ▪ Thăng hạng trong Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam 2022 được trao bởi Công ty cổ phần Báo cáo Đánh giá Việt Nam và báo điện tử Vietnamnet. ▪ Thương hiệu dẫn đầu Việt Nam 2023 do Liên hiệp Khoa học Phát triển Doanh nghiệp Việt Nam bình chọn.
2024	▪ Năm thứ 3 liên tiếp xếp hạng tín nhiệm B2 và đánh giá triển vọng ổn định do tổ chức xếp hạng tín nhiệm uy tín hàng đầu thế giới Moody's công bố. ▪ Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam 2023 được trao bởi Công ty cổ phần Báo cáo Đánh giá Việt Nam và báo điện tử Vietnamnet. ▪ Sản phẩm, Dịch vụ Đổi mới – Sáng tạo – Hiệu quả của năm ngành Ngân hàng (Products of the year - POY) do Công ty CP Nghiên cứu Kinh doanh Việt Nam (Viet Research) và Báo Đầu tư bình chọn. ▪ Ngân hàng phát triển bền vững nhất Việt Nam (Best Bank for Sustainable Development Vietnam 2024) được trao bởi Tập chí Global Banking and Finance Review (Vương quốc Anh).

Thời gian	Chi tiết
	▪ Top 10 Thương hiệu Xanh Việt Nam do Hiệp hội Công nghiệp Môi trường Việt Nam bình chọn. ▪ Top 5 Nhà tuyển dụng được yêu thích nhất Ngành Tài chính - Ngân hàng - Chứng khoán và Top 33 Nhà tuyển dụng yêu thích nhất toàn ngành theo kết quả khảo sát Employer of Choice 2024 do CareerViet phối hợp cùng công ty nghiên cứu thị trường Amco Việt Nam tổ chức.
2025	▪ Năm thứ 4 liên tiếp xếp hạng tín nhiệm B2 và đánh giá triển vọng ổn định do tổ chức xếp hạng tín nhiệm uy tín hàng đầu thế giới Moody's công bố ▪ Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam 2024 được trao bởi Công ty cổ phần Báo cáo Đánh giá Việt Nam và báo điện tử Vietnamnet. ▪ Top 10 Ngân hàng xanh – Thân Thiện – Thông minh do Viện Kinh tế và Văn hóa trao tặng ▪ Top 10 Ngân hàng - ESG Việt Nam Xanh 2025 ngành ngân hàng (nhóm các ngân hàng có vốn điều lệ dưới 30.000 tỷ đồng) do báo Đầu tư và VietResearch bình chọn ▪ Top 10 nhãn hiệu được yêu thích nhất 2025 do Trung tâm nghiên cứu phát triển Doanh nghiệp Châu Á trao tặng ▪ “Ngân hàng đồng hành cùng doanh nghiệp nhỏ và vừa tiêu biểu” do IDG Vietnam và Hiệp hội ngân hàng Việt Nam bình chọn ▪ Fitch Ratings lần đầu xếp hạng tín nhiệm VIETABANK ở mức “B+”, triển vọng Ổn định

3. Cơ cấu tổ chức của tổ chức đăng ký niêm yết

Hình 1: Cơ cấu tổ chức của Tổ chức đăng ký niêm yết



Nguồn: Ngân hàng TMCP Việt Á

Đến thời điểm của Bản Cáo Bạch này, cơ cấu tổ chức của VAB bao gồm:

❖ **Khối Ngân hàng (Công ty mẹ) gồm có:**

01 Trụ sở chính đặt tại Tầng 4 và 5, tòa nhà Samsora Premier, số 105 đường Chu Văn An, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội.

97 điểm giao dịch (24 chi nhánh, 73 phòng giao dịch) khắp cả nước.

❖ **Công ty thành viên**

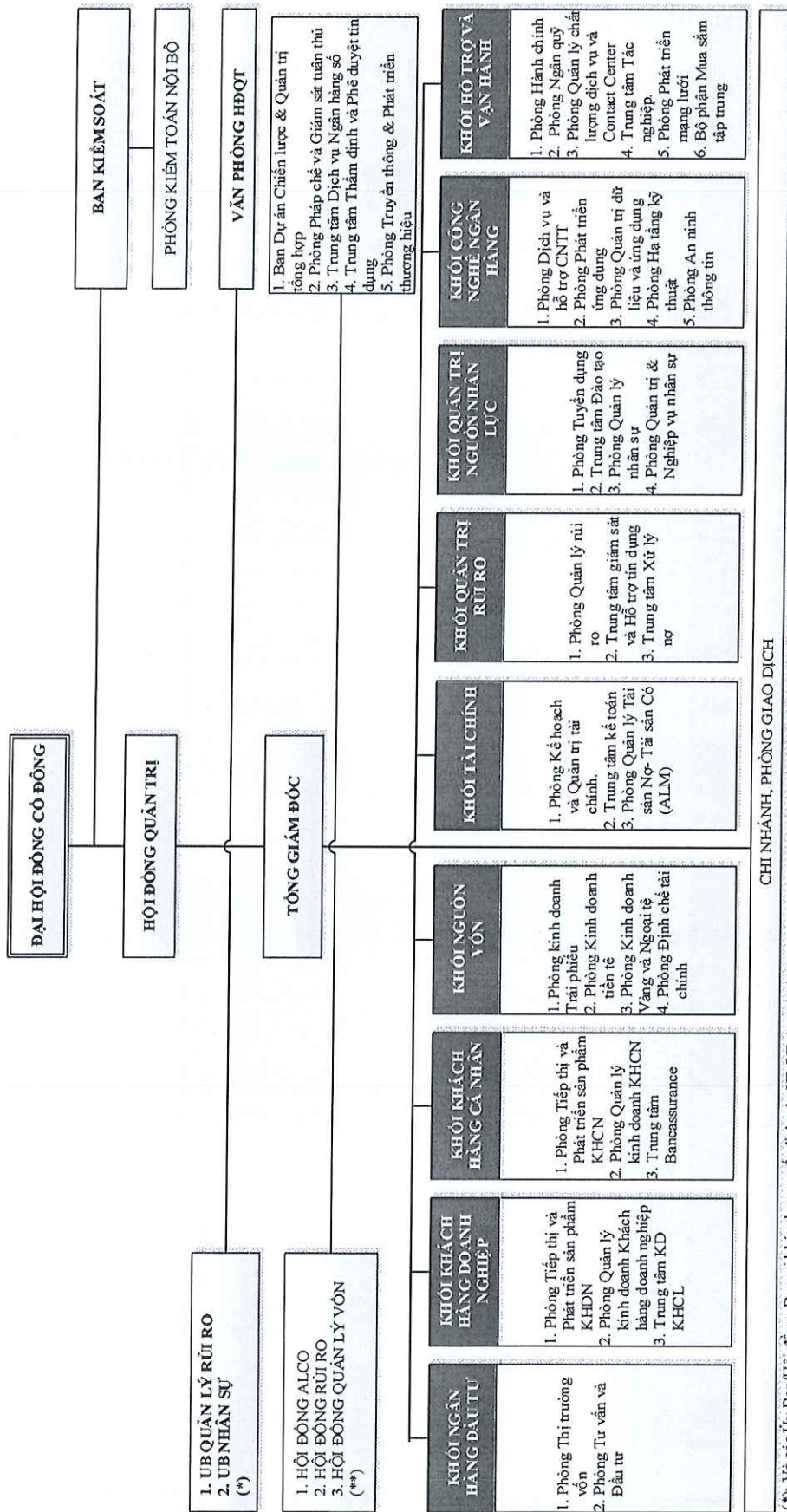
VAB có một (1) công ty thành viên như sau:

STT	Tên Công ty thành viên	Tỷ lệ sở hữu của VAB tại thời điểm 30/9/2025
1	Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và khai thác tài sản - Ngân hàng TMCP Việt Á	100%

[Phần còn lại của trang này được cố ý để trống]

4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của tổ chức đăng ký niêm yết

Hình 2: Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ chức đăng ký niêm yết



(*) Và các Ủy Ban/Hội đồng, Đơn vị khác theo quyết định của HĐQT từng thời kỳ.
(**): Các Hội đồng trực thuộc TGDĐ khác (nếu có) theo quyết định của TGDĐ từng thời kỳ.

Nguồn: VAB

4.1. Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng Cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của VAB. Nhiệm vụ và quyền hạn của ĐHĐCĐ được thực hiện theo các quy định của Pháp luật và Điều lệ của VAB.

4.2. Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị là cơ quan quản trị của VAB, có toàn quyền nhân danh VAB để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của VAB, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông. Hội đồng quản trị thực hiện các nhiệm vụ, công việc do Đại hội đồng cổ đông phân công, phân cấp, giao/ủy quyền triển khai thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. HĐQT tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát việc thực hiện nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của VAB. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do pháp luật, Điều lệ Ngân hàng và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông quy định. Hội đồng Quản trị VAB hiện tại có 07 thành viên.

4.3. Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát là cơ quan đại diện cho ĐHĐCĐ giám sát toàn bộ hoạt động của VAB. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát, đánh giá việc chấp hành quy định của pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ và Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị VAB. Thành phần, nhiệm vụ, cơ chế hoạt động của Ban Kiểm soát và các Đơn vị trực thuộc Ban Kiểm soát được thực hiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ, Quy chế Tổ chức hoạt động của Ban Kiểm soát và các quy định khác có liên quan của VAB. Giúp việc cho Ban Kiểm soát là Phòng Kiểm toán nội bộ. Ban Kiểm soát VAB nhiệm kỳ 2023 - 2028 có 03 thành viên.

4.4. Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc của VAB gồm Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và bổ nhiệm.

Tổng Giám đốc Ngân hàng là người quản lý điều hành mọi hoạt động kinh doanh của Ngân hàng, chịu trách nhiệm quản lý công việc hàng ngày của VAB theo Điều lệ của VAB. Ban Tổng Giám đốc chịu sự giám sát của Hội đồng Quản trị, Đại hội đồng cổ đông và pháp luật về trách nhiệm quản lý, điều hành Ngân hàng. Tổng Giám đốc thành lập các hội đồng là Hội đồng ALCO, Hội đồng Rủi ro và Hội đồng Quản lý vốn.

4.5. Các khối chức năng tại Trụ sở chính

Trụ sở chính của VAB được tổ chức theo 09 khối chức năng bao gồm:

Khối Ngân hàng đầu tư: Triển khai và quản lý các hoạt động huy động vốn trung dài hạn, mở rộng hợp tác với các định chế tài chính và đối tác chiến lược nhằm đa dạng hóa nguồn vốn và nâng cao năng lực tài chính cho ngân hàng. Tham mưu chính sách và tổ chức thực hiện hoạt động đầu tư bảo đảm hiệu quả sử dụng vốn, phù hợp với quy định pháp luật và khẩu vị rủi ro của ngân hàng. Tư vấn và cung cấp giải pháp tài chính tổng thể cho khách

hàng mục tiêu, các tập đoàn và doanh nghiệp lớn, hỗ trợ phát triển hệ sinh thái đối tác và tăng cường hiệu quả kinh doanh toàn hàng. Nghiên cứu, phân tích thị trường vốn và đầu tư, cung cấp cơ sở dữ liệu phục vụ ra quyết định và xây dựng chiến lược tăng trưởng bền vững cho VAB

Khối khách hàng doanh nghiệp: Chịu trách nhiệm xây dựng chiến lược kinh doanh, tổ chức, phát triển và quản lý các hoạt động kinh doanh của VAB đối với phân khúc KHDN trên toàn hệ thống. Tạo lập doanh thu trong phạm vi rủi ro cho phép thông qua việc cung cấp sản phẩm, dịch vụ ngân hàng chuyên biệt cho các loại hình KHDN.

Khối khách hàng cá nhân: Chịu trách nhiệm xây dựng chiến lược kinh doanh, tổ chức, phát triển và quản lý các hoạt động kinh doanh của VAB với KHCN gồm: Cá nhân, Hộ kinh doanh và các phân khúc KHCN khác theo quy định của VAB trong từng thời kỳ. Tạo lập doanh thu trong phạm vi rủi ro cho phép thông qua việc cung cấp sản phẩm và dịch vụ ngân hàng chuyên biệt cho các đối tượng KHCN.

Khối Nguồn vốn: Quản lý Bảng cân đối vốn của VAB, sử dụng và điều hòa vốn trong hệ thống VAB để đảm bảo thanh khoản cho toàn hệ thống. Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện các hoạt động kinh doanh tiền tệ, vàng và ngoại tệ. Quản lý và thực hiện các hoạt động đầu tư tài chính vào chứng khoán nợ, không bao gồm Trái phiếu doanh nghiệp được thành lập theo Luật Doanh nghiệp. Phát triển và quản lý các hoạt động kinh doanh của VAB với khách hàng là các Định chế tài chính. Tạo lập doanh thu trong phạm vi rủi ro cho phép thông qua việc cung cấp sản phẩm, dịch vụ ngân hàng chuyên biệt cho các loại hình kinh doanh tại Khối Nguồn vốn.

Khối Tài chính: Xây dựng và thực hiện các chính sách, công cụ quản lý công tác tài chính, kế hoạch và chuẩn mực kế toán. Tổ chức, quản lý công tác lập kế hoạch, phân bổ chi tiêu kế hoạch kinh doanh và tài chính hàng năm của VAB, phân tích và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Ngân hàng, quản trị hệ thống thông tin quản lý. Quản lý, kiểm soát chất lượng kế toán đối với hệ thống kế toán tập trung, kiểm soát sau kế toán các giao dịch Ngân hàng. Xây dựng chính sách về đầu tư, mua sắm, chi tiêu nội bộ, thuế. Quản lý Tài sản Nợ và Tài sản Có của VAB. Đầu mối tổ chức triển khai xây dựng kế hoạch kinh doanh của VAB và công ty con trực thuộc hàng năm.

Khối Quản trị rủi ro: Tổ chức xây dựng, phát triển và quản lý các chính sách, quy định, phương pháp, công cụ, hệ thống quản lý rủi ro và thực hiện quản lý các rủi ro trọng yếu, giám sát việc thực hiện. Đầu mối thực hiện việc quản lý, phân loại tài sản “Có” và lập kế hoạch trích lập dự phòng rủi ro theo quy định; Xây dựng và triển khai các chính sách, quy trình, thủ tục liên quan đến việc giám sát và quản lý các khoản tín dụng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Giám sát tình hình hoạt động tín dụng toàn hệ thống, tổ chức, triển khai hoạt động kiểm tra, giám sát tín dụng tại ĐVKD, bảo đảm tuân thủ quy định, quy trình, hồ sơ tín dụng, phạm vi và nội dung phê duyệt. Quản lý và tổ chức thực hiện công tác hỗ trợ tín dụng tập trung trên toàn hệ thống bảo đảm tuân thủ nội dung phê duyệt, hồ sơ tín dụng đầy đủ, hợp lệ, đúng quy định. Quản lý danh mục nợ xấu, nợ thuộc phạm vi phụ trách, theo dõi, thu hồi nợ quá hạn, thực hiện các giải pháp xử lý, thu hồi nợ và tài sản bảo đảm nhằm hạn chế tổn thất cho ngân hàng.

Khối Công nghệ ngân hàng: Triển khai và quản trị hệ thống Công nghệ Thông tin (CNTT):

Quản lý, cung cấp và giám sát chất lượng dịch vụ CNTT, hỗ trợ kỹ thuật, xử lý sự cố; Quản trị cơ sở dữ liệu, bảo đảm an toàn – toàn vẹn dữ liệu; Quản trị hạ tầng kỹ thuật, bảo mật hệ thống, kiểm soát truy cập, giám sát rủi ro công nghệ và bảo đảm tuân thủ an toàn thông tin; Quản lý, nâng cấp, phát triển và triển khai các ứng dụng phần mềm; Lập kế hoạch, tổ chức triển khai và giám sát tiến độ các dự án CNTT.

Khối Quản trị Nguồn nhân lực: Quản lý, điều hành hệ thống trong lĩnh vực: hoạch định, xây dựng chính sách tổ chức, nhân sự, tiền lương, tuyển dụng. Quản lý, đánh giá và phát triển năng lực, hiệu quả, năng suất lao động của nguồn nhân lực trên toàn hệ thống. Quản lý, đào tạo, phát triển đội ngũ cán bộ, nhân viên trên toàn hệ thống.

Khối Hỗ trợ và vận hành: Tổ chức thực hiện các nghiệp vụ hỗ trợ kinh doanh bao gồm: công tác hành chính tổng hợp; văn thư lưu trữ; quản lý tài sản, mua sắm tập trung, ... Tổ chức hoạt động thanh toán trong nước và quốc tế, công tác hỗ trợ vận hành tác nghiệp cho các ĐVKD tại Trụ sở chính và công tác ngân quỹ tập trung theo quy định của NHNN và quy định của VAB. Tổ chức hoạt động quản lý kho quỹ tiền mặt, ngoại tệ, vàng, chứng từ có giá, hồ sơ thế chấp; hồ sơ, tài sản cầm cố, ... và các dịch vụ ngân quỹ khác. Thực hiện công tác quản lý chất lượng dịch vụ toàn hệ thống và công tác chăm sóc khách hàng qua điện thoại (Call Center). Xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện công tác phát triển mạng lưới phù hợp với định hướng phát triển của VAB trong từng thời kỳ.

5. **Thông tin về công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết.**

Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty mà Tổ chức đăng ký niêm yết nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký niêm yết và đến thời điểm hiện tại như sau:

- 5.1. **Danh sách Công ty mẹ của VAB, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc chi phối đối với VAB trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký niêm yết và đến thời điểm đăng ký niêm yết.**

Không có.

- 5.2. **Danh sách Công ty con của VAB, những công ty mà VAB nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký niêm yết và đến thời điểm đăng ký niêm yết.**

[Phần còn lại của trang này được cố ý để trống]

Bảng 1: Danh sách công ty con của VAB

STT	Danh sách công ty con	Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết tại thời điểm 31/12/2023	Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết tại thời điểm 31/12/2024	Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết tại thời điểm 30/9/2025
1	Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản - Ngân hàng TMCP Việt Á	100%	100%	100%

Nguồn: Ngân hàng TMCP Việt Á

❖ Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Việt Á

Tên đầy đủ : Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Việt Á

Ngày thành lập : 18/11/2010

Giấy phép thành lập và hoạt động số : 2764/QĐ-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 18/11/2010

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp : 0310540710 được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 27/12/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 26/6/2023

Vốn điều lệ đã đăng ký : 500.000.000.000 đồng

Vốn điều lệ thực góp : 500.000.000.000 đồng

Tỷ lệ sở hữu của VAB : 100%
tại công ty này tại ngày 30/9/2025

Tỷ lệ sở hữu của công ty này tại VAB : 0%
tại ngày 30/9/2025

Hoạt động kinh doanh chính : Nắm giữ tài sản; tư vấn, môi giới, đầu giá bất động sản, đầu giá quyền sử dụng đất; xây dựng nhà các loại

6. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của tổ chức đăng ký niêm yết

Ngày 04/7/2003, VAB được thành lập trên cơ sở hợp nhất giữa Ngân hàng TMCP Nông thôn Đà Nẵng và Công ty Tài chính cổ phần Sài Gòn theo Quyết định số 440/QĐ-NHNN ngày 09/5/2003 của Thống đốc NHNN với mức vốn điều lệ ban đầu là 75.729 triệu đồng. Năm 2007, Ngân hàng TMCP Việt Á đã được chấp thuận đăng ký công ty đại chúng. Trong quá trình hình thành và phát triển, VAB chưa thực hiện giảm vốn điều lệ và đã trải qua các đợt tăng vốn cụ thể như sau:

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

Bảng 2: Quá trình tăng vốn của VAB

Thời điểm tăng vốn	Vốn điều lệ trước khi tăng (nghìn đồng)	Vốn tăng (nghìn đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng (nghìn đồng)	Hình thức tăng vốn	Đơn vị chấp thuận
Năm 2003	75.729.000	0	75.729.000	Vốn góp thành lập cổ phần	- Giấy phép số 12/NH-GP do Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam ("NHNN") cấp ngày 09/5/2003; - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. HCM cấp ngày 19/6/2003
Năm 2003	75.729.000	39.709.000	115.438.000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu	- Số 1141/NHNN-HCM.02 ngày 02/12/2003 của NHNN Chi nhánh TP. HCM về việc chấp thuận cho VAB thay đổi mức vốn điều lệ từ 75,729 tỷ đồng lên 150,729 tỷ đồng; - Số 037/NHNN-HCM.02 ngày 07/01/2004 của NHNN CN. TP. HCM v/v VAB xin gia hạn thời gian thay đổi mức vốn điều lệ; - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. HCM cấp thay đổi lần 3 ngày 25/12/2003.
Năm 2004	115.438.000	17.807.000	133.245.000	Phát hành cho Cổ đông hiện hữu	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. HCM cấp thay đổi lần 4 ngày 20/5/2004.
Năm 2004	133.245.000	57.194.000	190.439.000	Phát hành cho Cổ đông hiện hữu	- Số 953/NHNN-HCM.02 ngày 18/6/2004 của NHNN CN TP. HCM v/v chấp thuận cho VAB thay đổi mức VDL từ 133,245 tỷ đồng lên 200,245 tỷ đồng; - Số 1713/NHNN-HCM.02 ngày 20/10/2004 của NHNN CN TP. HCM v/v VAB xin gia hạn thời gian thay đổi mức VDL lên 200,245 tỷ đồng; - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở Kế

Bản cáo bạch niên yết trái phiếu

Thời điểm tăng vốn	Vốn điều lệ trước khi tăng (nghìn đồng)	Vốn tăng (nghìn đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng (nghìn đồng)	Hình thức tăng vốn	Đơn vị chấp thuận
					hoạch và Đầu tư TP. HCM cấp thay đổi lần 5 ngày 09/12/2004.
Năm 2005	190.439.000	59.902.000	250.341.000	Phát hành cho Cổ đông hiện hữu, cổ đông chiến lược	- Số 1486/NHNN-HCM.02 ngày 08/7/2005 của NHNN CN TP. HCM v/v chấp thuận cho VAB thay đổi mức VDL lên 250,439 tỷ đồng; - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. HCM cấp thay đổi lần 7 ngày 13/12/2005.
Năm 2006	250.341.000	70.011.000	320.352.000		- Số 749/NHNN-HCM.02 ngày 08/7/2005 của NHNN CN TP. HCM v/v VAB xin thay đổi mức VDL lên 500,341 tỷ đồng;
Năm 2006	320.352.000	91.278.000	411.630.000	- Phát hành cho Cổ đông hiện hữu: 232,313 tỷ đồng - Phát hành từ nguồn vốn chủ sở hữu (Quỹ dự trữ bổ sung VDL) 17,687 tỷ đồng	- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. HCM cấp thay đổi lần 8 ngày 10/8/2006; - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. HCM cấp thay đổi lần 9 ngày 27/9/2006; - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. HCM cấp thay đổi lần 10 ngày 27/12/2005.
Năm 2006	411.630.000	88.700.000	500.330.000		
Năm 2007	500.330.000	249.670.000	750.000.000	- Phát hành cổ phiếu thường từ nguồn vốn chủ sở hữu (Quỹ dự trữ bổ sung VDL và thặng dư	- Số 1001/NHNN-HCM.02 ngày 09/7/2007 của NHNN CN TP. HCM v/v thay đổi VDL từ 500,330 tỷ đồng lên 1.125 tỷ đồng của VAB; - Công văn số 1208/UBCK-QLPH không phản đối về nguyên tắc việc phát hành cổ phiếu từ nguồn thặng
Năm 2007	750.000.000	250.000.000	1.000.000.000		

Tổ chức tư vấn
Công ty cổ phần Chứng khoán MB

Thời điểm tăng vốn	Vốn điều lệ trước khi tăng (nghìn đồng)	Vốn tăng (nghìn đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng (nghìn đồng)	Hình thức tăng vốn	Đơn vị chấp thuận
				vốn cổ phần năm 2006): 150.204 tỷ đồng - Phát hành cho cổ đông hiện hữu: 249,670 tỷ đồng - Phát hành cho Đối tác chiến lược trong nước: 99,795 tỷ đồng.	- đư vốn cổ phần; - Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chứng số 198/UBCK-GCN; - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. HCM cấp thay đổi lần 11 ngày 28/11/2007; - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. HCM cấp thay đổi lần 12 ngày 31/12/2007
Năm 2008	1.000.000.000	104.834.860	1.104.834.860	Phát hành tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu: - Phát hành chia cổ tức bằng cổ phiếu từ Nguồn Lợi nhuận sau thuế năm 2007: 104,834 tỷ đồng. - Phát hành cổ phiếu thường từ Thăng dư vốn cổ phần năm 2007: 250 tỷ đồng.	- Số 1051/NHNN-HCM.02 ngày 26/6/2008 của NHNN CN TP.HCM v/v thay đổi VDL từ 1.000 tỷ đồng lên 1.354.834.860.000 đồng của VAB; - Số 10069/NHNN-CNH ngày 12/11/2008 của NHNN v/v chấp thuận cho VAB tăng vốn từ nguồn thặng dư vốn cổ phần năm 2006; - Số 2079/NHNN-HCM.02 ngày 18/11/2008 của NHNN CN TP. HCM v/v VAB tăng VDL từ 1.354.834.860.000 đồng; - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. HCM cấp thay đổi lần 13 ngày 15/11/2008; - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. HCM cấp thay đổi lần 14 ngày 31/12/2008.
Năm 2008	1.104.834.860	255.000.000	1.359.834.860		
Năm 2009	1.359.834.860	155.502.050	1.515.336.910	Phát hành cho cổ đông hiện hữu	- Nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2009 số 40D/2009/NQ-ĐHCĐ ngày 14/3/2009;

Tổ chức tư vấn
Công ty cổ phần Chứng khoán MB

Bản cáo bạch niên yết trái phiếu

Thời điểm tăng vốn	Vốn điều lệ trước khi tăng (nghìn đồng)	Vốn tăng (nghìn đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng (nghìn đồng)	Hình thức tăng vốn	Đơn vị chấp thuận
Năm 2010	1.515.336.910	116.464.920	1.631.801.830	- Phát hành cổ phiếu chia cổ tức từ nguồn vốn chủ sở hữu (Lợi nhuận chưa phân phối năm 2009); - Phát hành cho cổ đông hiện hữu; - Phát hành riêng lẻ cho các nhà đầu tư chiến lược	- Số 243/NHNN-HCM.08 ngày 29/01/2010 của NHNN CN TP. HCM v/v gia hạn thời gian hay đổi mức VDL của VAB; - Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 445/UBCK-GCN ngày 03/11/2009; - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. HCM cấp thay đổi lần 15 ngày 11/12/2009; - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. HCM cấp thay đổi lần 16 ngày 03/02/2010.
Năm 2010	1.631.801.830	455.793.170	2.087.595.000		- Số 5531/NHNN-TTGSNH ngày 26/7/2010 của NHNN v/v tăng VDL năm 2010 của VAB lên 3.000 tỷ đồng; - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. HCM cấp thay đổi lần 17 ngày 01/11/2010. - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. HCM cấp thay đổi lần 18 ngày 29/12/2010.
Năm 2010	2.087.595.000	849.289.200	2.936.893.200		
Năm 2011	2.936.893.200	161.106.800	3.098.000.000	Chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu	- Số 2922/QĐ-NHNN ngày 06/12/2010 của NHNN về thời hạn chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu của VAB để thực hiện tăng vốn điều lệ (161.106.800.000 đồng); - Số 296/QĐ-NHNN ngày 17/02/2012 của NHNN v/v sửa đổi VDL ghi trong Giấy phép hoạt động của

Tổ chức tư vấn
Công ty cổ phần Chứng khoán MB

Thời điểm tăng vốn	Vốn điều lệ trước khi tăng (nghìn đồng)	Vốn tăng (nghìn đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng (nghìn đồng)	Hình thức tăng vốn	Đơn vị chấp thuận
					VAB (VĐL 3.098.000.000.000 đồng); - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. HCM cấp thay đổi lần 19 ngày 28/02/2011.
Năm 2015	3.089.000.000	401.990.470	3.499.990.470	- Phát hành từ nguồn vốn chủ sở hữu (Thặng dư vốn cổ phần và Quỹ Dự trữ bổ sung VĐL): 170,690 tỷ đồng; - Phát hành cổ phiếu chào bán riêng lẻ cho đối tác chiến lược: 231,300 tỷ đồng	- Nghị quyết ĐHCĐ số 077A/NQ-ĐHCĐ/14 ngày 25/4/2014 của VAB; - Nghị quyết số 046/NQ-HĐQT/15 của HĐQT VAB; - Nghị quyết số 076/NQ-HĐQT/15 ngày 21/4/2015 của HĐQT VAB; - Nghị quyết số 76-2/NQ-HĐQT/15 ngày 21/4/2015 của HĐQT VAB; - Số 3423/NHNN-TTGSNH ngày 19/5/2015 của NHNN v/v VAB tăng vốn từ 3/098 tỷ đồng lên 3.500 tỷ đồng; - Số 7354/UBCK-QLPH ngày 24/11/2015 v/v đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ, phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu; - Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu số 061/CV-HĐQT/15 ngày 18/12/2015 của VAB. - Báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu riêng lẻ số 5960/VN-VAB/15 ngày 24/12/2015 của VAB; - Công văn số 8003/UBCK-QLPH ngày 28/12/2015 của UBCKNN về báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu và chào bán cổ phiếu riêng lẻ;

Bản cáo bạch niên yết trái phiếu

Thời điểm tăng vốn	Vốn điều lệ trước khi tăng (nghìn đồng)	Vốn tăng (nghìn đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng (nghìn đồng)	Hình thức tăng vốn	Đơn vị chấp thuận
					- Số 333/QĐ-NHNN ngày 01/3/2018 của NHNN v/v sửa đổi nội dung Giấy phép hoạt động của VAB; - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.Hà Nội cấp thay đổi lần 25 ngày 07/11/2017
Năm 2020	3.499.990.470	949.645.200	4.449.635.670	Phát hành cho Cổ đông hiện hữu	- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 151/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/6/2020; - Công văn số 10088/NHNN-TTGSNH ngày 25/12/2019 của NHNN; - Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 45/GCN-UBCK ngày 26/3/2020; - Công văn số 7191/UBCK-QLCB ngày 07/12/2020 của UBCKNN; - Quyết định số 949/QĐ-NHNN ngày 02/6/2021 của NHNN; - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở KH&ĐT Tp. Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 28 ngày 16/6/2021.
Năm 2022	4.449.635.670	949.964.760	5.399.600.430	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức	- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 02/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/4/2021; - Công văn số 905/NHNN-TTGDNH ngày 23/12/2021 của NHNN; - Công văn số 9154/UBCK-QLCB ngày 31/12/2021; - Công văn số 672/UBCK-QLCB ngày 14/02/2022 của UBCKNN v/v Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức; - Quyết định số 314/QĐ-NHNN ngày 08/3/2022 của

Tổ chức tư vấn
Công ty cổ phần Chứng khoán MB

Thời điểm tăng vốn	Vốn điều lệ trước khi tăng (nghìn đồng)	Vốn tăng (nghìn đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng (nghìn đồng)	Hình thức tăng vốn	Đơn vị chấp thuận
					NHNN; - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do SỞ KH&ĐT TP. Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 32 ngày 15/3/2022.
Năm 2025	5.399.600.430	2.764.006.290	8.163.606.720	Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu	- NHNN chấp thuận tăng vốn điều lệ đợt 1 - năm 2025 (CV 5269/NHNN-QLGS của NHNN ngày 24/6/2025); - UBCKNN thông báo về việc nhận đầy đủ tài liệu báo cáo phát hành để trả cổ tức bằng cổ phiếu, phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu (CV 3526/UBCK-QLCB ngày 17/7/2025); - Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu số 3313/2025/BC-VAB ngày 21/8/2025 của VAB. - Công văn của UBCKNN số 4696/UBCK-QLCB v/v Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu của VAB. - Quyết định 3186/QĐ-NHNN ngày 18/9/2025 của NHNN về việc sửa đổi nội dung về vốn điều lệ tại Giấy phép thành lập và hoạt động của VAB.

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

7. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành

7.1. Cổ phiếu phổ thông

Bảng 3: Thông tin về cổ phiếu đang lưu hành của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết tại ngày 30/9/2025

TT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
I	Cổ đông trong nước	12.454	815.333.322	99,87%
1	Cổ đông tổ chức (*)	40	176.238.457	21,59%
2	Cổ đông cá nhân	12.414	639.094.865	78,29%
II	Cổ đông nước ngoài	39	1.027.350	0,13%
1	Cổ đông tổ chức	6	699.988	0,09%
2	Cổ đông cá nhân	33	327.362	0,04%
3	Tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ	-	-	0,00%
	Tổng cộng	12.493	816.360.672	100,00%

(*): Không bao gồm tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ

Nguồn: VAB

7.2. Cổ phiếu ưu đãi

Không có

7.3. Các loại chứng khoán khác

Ngoài các cổ phiếu phổ thông đang lưu hành nói trên, VAB còn các loại chứng khoán khác đang lưu hành.

- Tính đến thời điểm của Bản cáo bạch này, khối lượng trái phiếu riêng lẻ đang lưu hành là: 1.000.000.000.000 đồng (Một nghìn tỷ đồng)
- Tính đến thời điểm của Bản cáo bạch này, khối lượng trái phiếu phát hành ra công chúng đang lưu hành là: 599.407.000.000 đồng (Năm trăm chín mươi chín tỷ bốn trăm linh bảy triệu đồng)

Thông tin chi tiết trái phiếu đang lưu hành tại VAB cụ thể như sau:

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

Bảng 4: Danh sách trái phiếu đã phát hành và còn dư nợ tại VAB

TT	Mã Trái phiếu	Số dư trái phiếu (trái phiếu)	Tổng mệnh giá trái phiếu (triệu đồng)	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Loại trái phiếu	Lãi suất trái phiếu tại thời điểm PH (%/năm)	Lãi suất trái phiếu kỳ hiện tại (%/năm)	Kỳ hạn (năm)
Trái phiếu riêng lẻ									
Năm 2023									
1	VABCLH 2330001	5.000	500.000	27/12/2023	27/12/2030	Trái phiếu không chuyển đổi, không có tài sản bảo đảm, không kèm chứng quyền, là nợ thứ cấp và thỏa mãn các điều kiện để được tính vào vốn cấp 2 của VAB	8,5	8,5	7
Năm 2024									
2	VABCLH 2431001	2.300	230.000	16/4/2024	16/4/2031	Trái phiếu không chuyển đổi, không có tài sản bảo đảm, không kèm chứng quyền, là nợ thứ cấp và thỏa mãn các điều kiện để được tính vào vốn cấp 2 của VAB	7,2	7,2	7
3	VABLH 2431002	2.700	270.000	24/12/2024	24/12/2031	Trái phiếu không chuyển đổi, không có tài sản bảo đảm, không kèm chứng quyền, là nợ thứ cấp và thỏa mãn các điều kiện để được tính vào vốn cấp 2 của VAB	7,5	7,5	7
Trái phiếu phát hành ra công chúng									
4	VAB125 020	3.000.000	300.000	13/8/2025	13/8/2032	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có tài sản bảo đảm và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của VAB theo quy định của pháp luật hiện hành	7,6	7,6	7
5	VAB125 029	2.994.070	299.407	14/10/2025	14/10/2032	Trái phiếu không chuyển đổi, không	7,6	7,6	7

					kèm chứng quyền, không có tài sản bảo đảm và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của VAB theo quy định của pháp luật hiện hành			
		Tổng	1.599.407					

Nguồn: VAB

8. Hoạt động kinh doanh

8.1. Đặc điểm hoạt động kinh doanh

8.1.1. Loại sản phẩm và dịch vụ

VAB thuộc loại hình NHTM theo quy định của pháp luật và chịu sự quản lý trực tiếp của NHNN. Cũng như các NHTM khác, VAB đã và đang kinh doanh các nghiệp vụ huy động vốn, dịch vụ cho vay, hoạt động đầu tư và các dịch vụ khác dựa trên nền tảng công nghệ hiện đại và hiệu quả. Cụ thể các sản phẩm và dịch vụ như sau:

- Sản phẩm huy động vốn dùng cho KHDN. Cụ thể các sản phẩm gồm:
 - o Tài khoản ký quỹ
 - o Tài khoản thanh toán
 - o Tiền gửi có kỳ hạn truyền thống, tiền gửi trả lãi trước, tiền gửi lẻ ngày...
 - o Dịch vụ chuyển tiền theo mã định danh
 - o Tài trợ thương mại
 - o Dịch vụ thu tiền thuế điện tử
- Sản phẩm huy động vốn dùng cho KHCN
 - o Tài khoản thanh toán, TKTT số tự chọn, định danh tài khoản thanh toán.
 - o Tiền gửi tiết kiệm truyền thống và online
 - o Tiền gửi tiết kiệm Đặc Lợi, tiết kiệm Đặc Lợi, Dịch vụ Ngân hàng số
- Sản phẩm tín dụng dành cho KHDN. Cụ thể các sản phẩm gồm:
 - o Tài trợ doanh nghiệp xuất khẩu
 - o Cho vay theo dự án SMEFP
 - o Cho vay trung dài hạn
 - o Cho vay OTO linh hoạt 12h
 - o Tài trợ vốn kinh doanh 12 tháng trả vốn linh hoạt

- Cho vay vốn lưu động
- Cho vay Doanh nghiệp SME
- Thấu chi KHDN
- Cho vay gián tiếp Quỹ Doanh nghiệp nhỏ và vừa
- Bảo lãnh
- Sản phẩm tín dụng dành cho KHCN. Cụ thể các sản phẩm gồm:
 - Cho vay mua bất động sản
 - Cho vay xây dựng sửa chữa nhà
 - Cho vay tiêu dùng thế chấp
 - Cho vay sản xuất kinh doanh bổ sung vốn lưu động và đầu tư tài sản cố định
 - Cho vay thấu chi thế chấp và tín chấp
 - Cho vay mua nhà dự án
 - Cho vay cầm cố sổ dư tiền gửi do VAB phát hành
 - Cho vay CBNV có tài sản bảo đảm
 - Cho vay mua ô tô
- Sản phẩm giao dịch ngoại tệ. Cụ thể các sản phẩm gồm:
 - Giao dịch ngoại tệ giao ngay
 - Giao dịch ngoại tệ có kỳ hạn

❖ **Tỷ trọng sản phẩm, dịch vụ trong tổng doanh thu, thu nhập thuần**

Bảng 5: Tỷ lệ các sản phẩm, dịch vụ trong tổng doanh thu (hợp nhất)

Chỉ tiêu	Năm 2023		Năm 2024		9 tháng đầu năm 2025	
	Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	8.852	91,68	7.290	94,21	6.372	95,85
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	110	1,14	163	2,11	111	1,67
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	62	0,64	55	0,71	26	0,39
Thu nhập từ mua bán chứng khoán kinh doanh	-	0,00	-	0,00	-	0,00

Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	413	4,27	43	0,55	3	0,05
Thu nhập từ hoạt động khác	208	2,15	179	2,31	131	1,97
Thu nhập từ góp vốn mua cổ phần	11	0,11	8	0,11	5	0,08
Tổng	9.655	100,00	7.737	100,00	6.648	100,00

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2023, 2024 và BCTC hợp nhất Quý 3 năm 2025

Bảng 6: Tỷ lệ các sản phẩm, dịch vụ trong tổng doanh thu (riêng lẻ)

Chỉ tiêu	Năm 2023		Năm 2024		9 tháng đầu năm 2025	
	Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	8.852	92,50	7.290	95,36	6.372	96,31
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	71	0,74	137	1,79	102	1,54
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	62	0,65	55	0,72	26	0,39
Thu nhập từ mua bán chứng khoán kinh doanh	-	0,00	-	0,00	-	0,00
Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	413	4,31	43	0,56	3	0,05
Thu nhập từ hoạt động khác	161	1,69	112	1,46	108	1,63
Thu nhập từ góp vốn mua cổ phần	11	0,12	8	0,11	5	0,08
Tổng	9.569	100,00	7.644	100,00	6.616	100,00

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2023, 2024 và BCTC riêng Quý 3 năm 2025

Bảng 7: Tỷ lệ các sản phẩm, dịch vụ trong lợi nhuận thuần (hợp nhất)

Chỉ tiêu	Năm 2023		Năm 2024		9 tháng đầu năm 2025	
	Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)
Thu nhập từ lãi thuần	1.810	72,01	2.328	87,44	1.794	89,34
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	77	3,05	129	4,83	90	4,48
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	6	0,25	(1,47)	(0,06)	13	0,65
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	-	0,00	(0,04)	(0,001)	-	0,00
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư và đầu tư dài hạn	410	16,33	40	1,50	(15)	(0,75)
Lãi thuần từ hoạt động khác	199	7,93	159	5,97	121	6,03
Thu nhập từ góp vốn mua cổ phần	11	0,44	8	0,31	5	0,25
Tổng	2.513	100,00	2.662	100,00	2.008	100,00

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2023, 2024 và BCTC hợp nhất Quý 3 năm 2025

Bảng 8: Tỷ lệ các sản phẩm, dịch vụ trong lợi nhuận thuần (riêng lẻ)

Chỉ tiêu	Năm 2023		Năm 2024		9 tháng đầu năm 2025	
	Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)
Thu nhập lãi thuần	1.810	74,54	2.323	90,60	1.790	90,77
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	38	1,55	102	3,98	81	4,11
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	6	0,26	(1,47)	(0,06)	13	0,66
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	-	0,00	(0,04)	(0,001)	-	0,00
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư và đầu tư dài hạn	410	16,91	40	1,56	(15)	(0,76)
Lãi thuần từ hoạt động khác	153	6,29	92	3,59	98	4,97
Thu nhập từ góp vốn mua cổ phần	11	0,46	8	0,32	5	0,25
Tổng	2.427	100,00	2.564	100,00	1.972	100,00

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2023, 2024 và BCTC riêng Quý 3 năm 2025

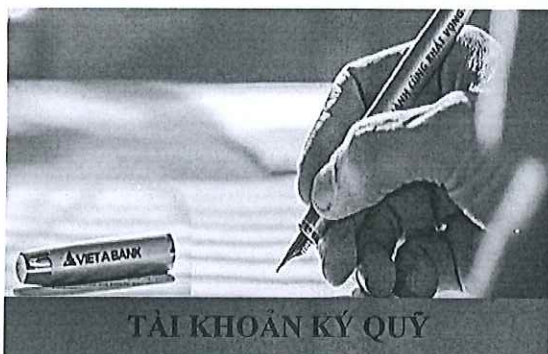
8.1.2. Huy động vốn

Hoạt động huy động vốn luôn được xem là hoạt động cốt lõi của ngân hàng thương mại. Hoạt động huy động vốn của VAB có sự tăng trưởng mạnh mẽ, đáp ứng nhu cầu sử dụng vốn và đảm bảo an toàn thanh khoản của hệ thống.

Các sản phẩm huy động vốn của VAB được xây dựng đa dạng và linh hoạt với các kỳ hạn, lãi suất và hình thức huy động khác nhau nhằm đem đến sự lựa chọn tối ưu cho các đối tượng khách hàng khác nhau. Các sản phẩm huy động vốn của VAB được phân loại theo các đối tượng khách hàng cụ thể như sau:

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

❖ Sản phẩm dùng cho khách hàng doanh nghiệp



Tài khoản ký quỹ là sản phẩm đáp ứng nhu cầu cho các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh có điều kiện và phải mở tài khoản ký quỹ để hoàn chỉnh hồ sơ/thủ tục thành lập doanh nghiệp hoặc đảm bảo duy trì kinh doanh trong suốt quá trình hoạt động của doanh nghiệp theo đúng quy định của Pháp luật. Các tiện ích:

- Lãi suất hấp dẫn, được sử dụng tiền lãi phát sinh trên số tiền ký quỹ;
- Thủ tục đơn giản – thời gian xử lý nhanh chóng, đáp ứng kịp thời nhu cầu của khách hàng;
- Được tư vấn bởi đội ngũ nhân viên nhiệt tình, chuyên nghiệp.

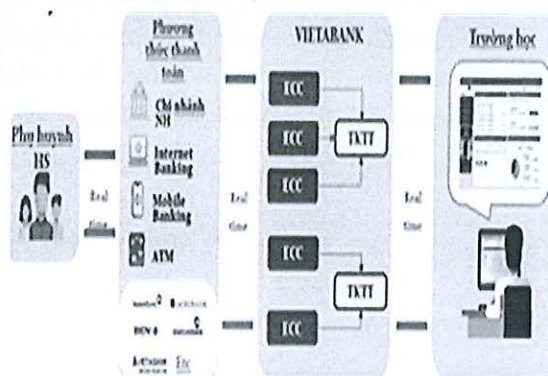


VAB cung cấp sản phẩm “Tiền gửi có kỳ hạn” với lãi suất hấp dẫn tương ứng với từng kỳ hạn nhằm đáp ứng nhu cầu sinh lời tối đa cho doanh nghiệp. Các sản phẩm tiền gửi tiết kiệm của doanh nghiệp bao gồm:



Nhằm gia tăng lợi ích cho Doanh nghiệp có nhu cầu giao dịch thường xuyên, Ngân hàng Việt Á triển khai sản phẩm Gói Tài khoản thanh toán V-Flex với nhiều ưu đãi vượt trội. Các tiện ích của tài khoản V-Flex:

- Tặng tài khoản số đẹp loại 3;
- Giảm 25% phí dịch vụ thu ngân sách nhà nước tại quầy;
- Miễn phí chuyển khoản trong và ngoài hệ thống thông qua Internet Banking;
- Miễn phí dịch vụ SMS banking;
- Truy vấn thông tin dễ dàng thông qua Internet Banking;
- Miễn phí dịch vụ chi lương & nhiều ưu đãi khác cho CBNV của Doanh nghiệp sử dụng dịch vụ.



DỊCH VỤ CHUYỂN TIỀN THEO MÃ ĐỊNH DANH

Chuyển tiền theo mã định danh” là dịch vụ hỗ trợ quản lý dòng tiền thông qua mã số định danh cho KHDN, khi bên thanh toán thực hiện chuyển tiền cho doanh nghiệp theo mã định danh được cấp, toàn bộ số tiền sẽ được báo có trực tiếp vào TKTT của Doanh

- **Tiền gửi trả lãi trước:** VAB thực hiện trả lãi trước cho KH đối với các khoản tiền gửi tham gia sản phẩm.
- **Tiền gửi lễ ngày:** tối thiểu là 31 ngày, tối đa 455 ngày.
- **Tiền gửi online** giúp doanh nghiệp tối đa hóa lợi nhuận từ nguồn vốn nhàn rỗi, tiết kiệm thời gian và bảo mật tuyệt đối mọi thông tin giao dịch.

nh nghiệp. Dịch vụ mang lại nhiều lợi ích cho doanh nghiệp:

- Quản lý dòng tiền, theo dõi công nợ theo thời gian thực;
- Tiết kiệm thời gian, chi phí quản lý và đối chiếu các khoản phải thu, công nợ;
- Thao tác đơn giản, ghi nhớ dễ dàng;
- Chủ động quản lý bên thanh toán bằng mã định danh;
- Tiền được báo có trực tiếp vào tài khoản thanh toán của doanh nghiệp liên kết với mã định danh.

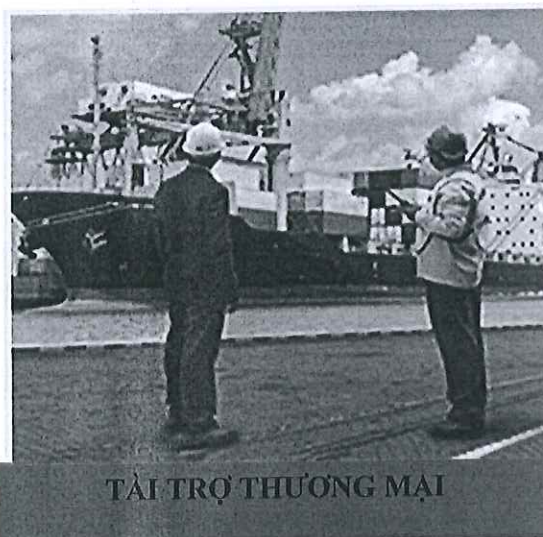


DỊCH VỤ THU THUẾ ĐIỆN TỬ

Là hình thức do VAB hợp tác với Tổng cục Thuế, để cung cấp dịch vụ nộp thuế điện tử cho khách hàng với các ưu điểm:

- Nhanh chóng;
- Tiết kiệm;
- Chính xác;
- Nộp thuế tại bất cứ địa điểm nào có kết nối Internet hoặc tại quầy giao dịch của VAB;

Được xác nhận hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế ngay khi khách hàng trích nợ thành công trên tài khoản tại VAB.



TÀI TRỢ THƯƠNG MẠI

Đáp ứng mọi nhu cầu tài trợ của khách hàng, VAB cung cấp các sản phẩm tài trợ thương mại phục vụ cho hoạt động sản xuất của Doanh nghiệp không chỉ trên lãnh thổ Việt Nam, cụ thể:

- Dịch vụ chuyển tiền quốc tế;
- Tài trợ xuất khẩu;
- Tài trợ nhập khẩu;
- Tài trợ LC nội địa.

❖ **Sản phẩm dùng cho khách hàng cá nhân**

- Tài khoản số tự chọn:
 - ✓ Tài khoản thanh toán số tự chọn chỉ gồm 08 chữ số ngắn gọn, dễ nhớ. Khách hàng có thể chọn các loại tài khoản số đẹp với dãy số trùng nhau, số tiến, số lặp, tam hoa, tứ quý, ngũ quý, ... hoặc các dãy số khác theo nhu cầu KH phù hợp với sở thích, phong thủy, độ tuổi, nghề nghiệp, ... của từng KH.
 - ✓ Khi mở tài khoản số tự chọn, KH được sử dụng các loại TKTT như Thịnh Vượng, Phú Quý, Phát Lộc, Phát Tài, Như Ý với nhiều ưu đãi như: Miễn phí dịch vụ IB/MB, tin nhắn OTT, SOFT OTP, phí rút tiền tại ATM, phí chuyển khoản nội bộ, phí thường niên thẻ ATM, phí chuyển khoản liên ngân hàng trên kênh IB/MB, dịch vụ SMS Banking...
- Định danh TKTT (Nickname)
 - ✓ KH có thể tùy biến tên tài khoản bằng chữ cái, dãy số theo sở thích, ngày sinh, biệt danh, số may mắn... Nickname này sẽ thay thế số tài khoản thông thường trong việc chuyển và nhận tiền trên kênh ngân hàng số hoặc tại bất kỳ điểm giao dịch trong hệ thống VAB và liên ngân hàng. Độ dài của nickname từ 4-20 ký tự, không có ký tự đặc biệt, ký tự trống, dấu cách, không phân biệt chữ hoa, chữ thường, không chứa ký tự chữ có dấu. Nhờ đó, tài khoản nickname trở nên ngắn gọn, dễ nhớ, dễ chia sẻ, đem lại sự tiện lợi cho cả người nhận và người chuyển tiền.
 - ✓ Khi sử dụng dịch vụ định danh tài khoản, KH được sử dụng các loại TKTT như Thịnh Vượng, Phú Quý, Phát Lộc, Phát Tài, Như Ý.... Với nhiều ưu đãi như: Miễn phí dịch vụ IB/MB, tin nhắn OTT, SOFT OTP, phí rút tiền tại ATM, phí chuyển khoản nội bộ, phí thường niên thẻ ATM, phí chuyển khoản liên ngân hàng trên kênh IB/MB, dịch vụ SMS Banking...
- TKTT thông thường:

VAB có nhiều loại TKTT với nhiều ưu đãi, tiện ích cho từng đối tượng KH như sau:

Tên loại TKTT	Đối tượng
Tài khoản Silver	Cơ bản/dành cho mọi KH, đặc biệt KH đứng tuổi/công nhân/người lao động/học sinh sinh viên...
Tài khoản Gold	KH ưa thích công nghệ, thích nhiều tiện ích ngân hàng điện tử/dân văn phòng/KH trẻ...
Tài khoản Diamond	KH thường xuyên sử dụng TKTT và các dịch vụ đi kèm của VAB. KH có dòng tiền lớn và thường xuyên duy trì số dư lớn trên TKTT của VAB.
Tài khoản tiểu thương	KH kinh doanh, có dòng tiền thường xuyên và yêu thích công nghệ.
Tài khoản Payroll	KH sử dụng dịch vụ trả lương qua VAB
Tài khoản Thịnh	Dành cho tất cả KH là cá nhân đặc biệt là KH tham gia TKTT

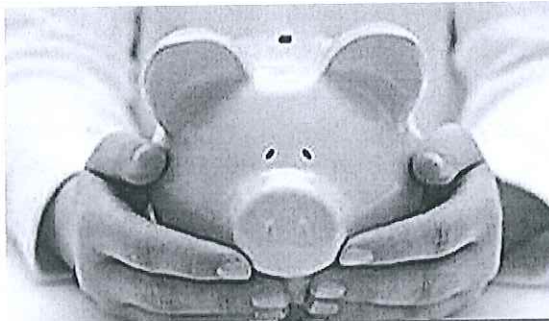
Vượng, Phát Tài, Phát Lộc, Như Ý, Phú Quý	số tự chọn của VAB.
---	---------------------

Tiện ích:

- Miễn phí rút tiền tại ATM trên toàn quốc;
- Miễn phí quản lý tài khoản (nếu đạt số dư tối thiểu theo quy định);
- Miễn phí đăng ký dịch vụ SMS Banking, dịch vụ NHS.
- Miễn phí ngưng, hủy dịch vụ SMS Banking, dịch vụ NHS.
- Miễn phí dịch vụ tin nhắn OTT, Soft OTP.
- Miễn phí chuyển khoản nội bộ trên kênh NHS.

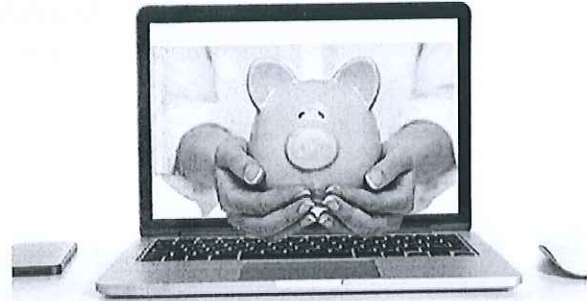
• **Tiền gửi tiết kiệm**

Các sản phẩm tiền gửi tiết kiệm VAB đang cung cấp cho KHCN bao gồm:



TIẾT KIỆM TRUYỀN THỐNG

Tiết kiệm truyền thống cung cấp sự đa dạng về kỳ hạn gửi và mức tiền gửi, đồng thời mang lại nhiều lợi ích quan trọng, đặc biệt lý tưởng cho những ai ưu tiên sự an toàn và đơn giản trong quản lý tài chính.



TIẾT KIỆM ONLINE

Tiết kiệm online là một hình thức gửi tiết kiệm thông qua các ứng dụng Mobile Banking hoặc Internet Banking. So với tiết kiệm truyền thống, tiết kiệm online mang lại nhiều ưu điểm vượt trội, đặc biệt phù hợp với xu hướng hiện đại và sự phát triển của công nghệ tài chính.

TIẾT KIỆM ĐẶC LỢI

- Lãi suất tốt nhất (*)
- Giao dịch nhanh chóng
- Nhận lãi ngay khi gửi tiền

TIẾT KIỆM ĐẶC LỢI

VIETABANK

TIẾT KIỆM ĐẶC LỘC

Lãi suất cộng thêm hàng tháng lên tới **0.25%** quí tháng

- Lãi suất tăng tự động (*)
- Gửi tiết kiệm/Online
- Giao dịch nhanh chóng

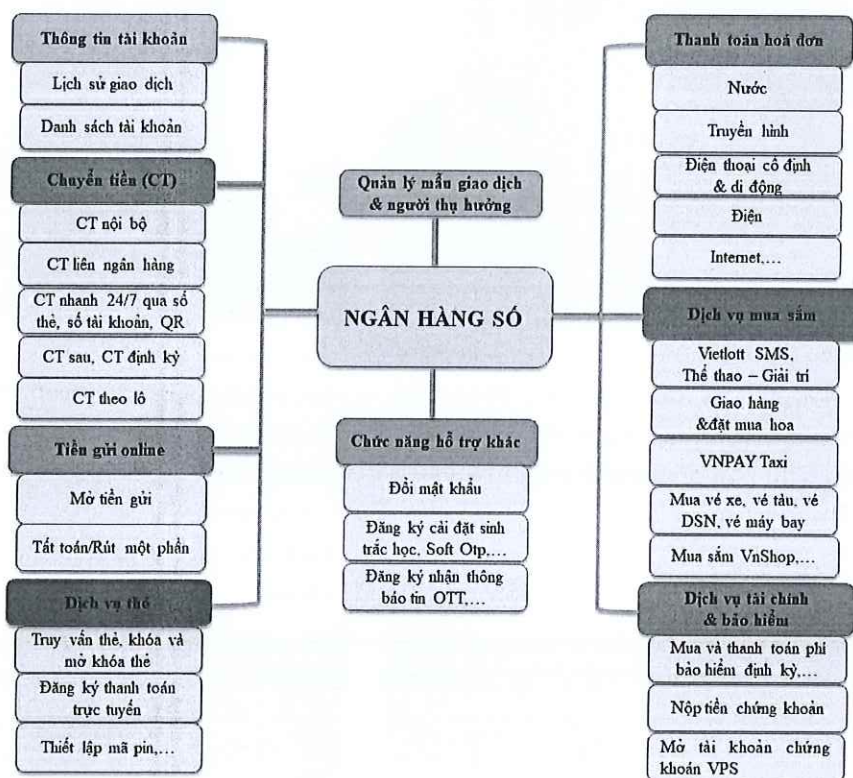
TIẾT KIỆM ĐẶC LỘC

Chương trình tiết kiệm đặc lợi là sản phẩm tiền gửi tiết kiệm trả lãi trước được thiết kế nhằm mang lại lợi ích tối ưu cho khách hàng với lãi suất hấp dẫn và kỳ hạn gửi linh hoạt (3, 6, 7, 12, 13, 15 tháng). Sản phẩm cho phép khách hàng gửi tiền và nhận lãi suất cố định trong suốt thời gian gửi.

Chương trình Tiết Kiệm Đặc Lợi được thiết kế dành cho khách hàng duy trì số dư CASA ổn định trong tài khoản thanh toán. Dựa trên mức duy trì hàng tháng, khách hàng sẽ được hưởng lãi suất tiết kiệm ưu đãi tăng thêm, lên đến 0,25%/năm. Chương trình hỗ trợ đa dạng hình thức gửi tiền, bao gồm gửi tại quầy và trực tuyến.

• **Dịch vụ Ngân hàng số:**

Dịch vụ Ngân hàng Số cung cấp các giải pháp tài chính trực tuyến thông qua nền tảng công nghệ, cho phép khách hàng thực hiện các giao dịch ngân hàng một cách tiện lợi và an toàn mà không cần đến quầy giao dịch. Các dịch vụ này bao gồm:



- **Dịch vụ Thẻ:** VAB cung cấp đa dạng các sản phẩm thẻ nhằm đáp ứng nhu cầu thanh toán, chi tiêu và quản lý tài chính linh hoạt cho nhiều phân khúc khách hàng, bao gồm:

✓ **Thẻ ghi nợ nội địa (VietABank VCCS):** với 2 loại thẻ Classic, Gold

- Tính năng nổi bật:
 - + Thanh toán hàng hóa, dịch vụ tại hàng ngàn điểm chấp nhận thẻ nội địa trên toàn quốc.
 - + Rút tiền mặt tại tất cả ATM trong liên minh Napas.
 - + Quản lý chi tiêu tiện lợi qua Mobile App VietABank.

- Ưu điểm: An toàn bảo mật chip EMV, liên kết tài khoản giao dịch linh hoạt, công nghệ thanh toán Contactless, giao dịch thuận tiện 24/7.
- ✓ **Thẻ tín dụng nội địa VietABank (TDND): có 02 hạng thẻ Classic, Platinum**
 - Tính năng nổi bật:
 - + Hạn mức tín dụng hấp dẫn, miễn lãi lên đến 50 ngày.
 - + Mua trước – trả sau linh hoạt.
 - + Thanh toán qua POS, QR Code, và Internet nhanh chóng.
 - + Quản lý chi tiêu tiện lợi qua Mobile App VietABank.
- ✓ **Thẻ tín dụng quốc tế VietABank Visa: có 2 hạng thẻ Visa Classic, Visa Platinum**
 - Tính năng nổi bật:
 - + Sử dụng toàn cầu tại hàng triệu điểm chấp nhận Visa.
 - + Mua sắm trực tuyến, đặt vé máy bay, khách sạn toàn cầu.
 - + Chi tiêu trước, trả tiền sau, miễn lãi lên đến 50 ngày
 - + Tính năng bảo mật nâng cao với 3D Secure.
 - + Quản lý chi tiêu tiện lợi qua Mobile App VietABank.
 - Ưu đãi đặc biệt: Ưu đãi đặt phòng, khách sạn, du lịch, ưu đãi sân golf, du lịch, chăm sóc sức khỏe...

Theo BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2024, tổng giá trị huy động vốn của VAB tại 31/12/2024 đạt xấp xỉ 108.638 tỷ đồng, tăng 7,47% so cùng kỳ năm 2023. Trong đó tiền gửi của khách hàng năm 2024 tăng 4,15% so với năm 2023. Khả năng huy động vốn ổn định và đa dạng từ nhiều kênh đã giúp VAB kiểm soát tốt rủi ro thanh khoản, đảm bảo hoạt động kinh doanh của VAB. Đến 30/09/2025, tổng huy động vốn hợp nhất đạt 123.009 tỷ đồng, tăng 13,23% so với cuối năm 2024. Tiền gửi khách hàng tiếp tục chiếm tỷ trọng chủ yếu (79,66%) với 97.984 tỷ đồng, trong khi huy động từ các tổ chức tín dụng và phát hành giấy tờ có giá tăng mạnh, lần lượt đạt 14.982 tỷ đồng và 5.100 tỷ đồng. Các khoản vay từ Chính phủ và NHNN cũng mở rộng lên 4.939 tỷ đồng, cho thấy cơ cấu huy động ngày càng đa dạng và linh hoạt.

Bảng 9: Cơ cấu huy động vốn của VAB (hợp nhất)

Chỉ tiêu	Tại 31/12/2023		Tại 31/12/2024		Tại 30/9/2025	
	Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)
I. Loại vốn huy động						
Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà Nước	-	0,00	2.089	1,92	4.939	4,02
Tiền gửi và vay các TCTD khác	13.884	13,74	14.106	12,98	14.982	12,18
Tiền gửi của khách hàng	86.695	85,77	90.289	83,11	97.984	79,66

Chỉ tiêu	Tại 31/12/2023		Tại 31/12/2024		Tại 30/9/2025	
	Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	17	0,02	9	0,01	3	0,00
Phát hành giấy tờ có giá	486	0,48	2.145	1,97	5.100	4,15
Tổng	101.082	100,00	108.638	100,00	123.009	100,00
II. Trong nước/nước ngoài						
Khách hàng trong nước	100.900	99,82	108.411	99,79	122.820	99,84
Khách hàng nước ngoài	182	0,18	226	0,21	189	0,16
Tổng	101.082	100,00	108.638	100,00	123.009	100,00

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2023, 2024 và BCTC hợp nhất Quý 3 năm 2025

Bảng 10: Cơ cấu huy động vốn của VAB (riêng lẻ)

Chỉ tiêu	Tại 31/12/2023		Tại 31/12/2024		Tại 30/9/2025	
	Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)
I. Loại vốn huy động						
Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà Nước	-	0,00	2.089	1,92	4.939	4,01
Tiền gửi và vay các TCTD khác	13.884	13,73	14.106	12,97	14.982	12,17
Tiền gửi của khách hàng	86.702	85,77	90.371	83,12	98.056	79,67
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	17	0,02	9	0,01	3	0,00
Phát hành giấy tờ có giá	486	0,48	2.145	1,97	5.100	4,14
Tổng	101.089	100,00	108.719	100,00	123.080	100,00
II. Trong nước/nước ngoài						
Khách hàng trong nước	100.907	99,82	108.493	99,79	122.891	99,85
Khách hàng nước ngoài	182	0,18	226	0,21	189	0,15
Tổng	101.089	100,00	108.719	100,00	123.080	100,00

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2023, 2024 và BCTC riêng Quý 3 năm 2025

8.1.3. Hoạt động tín dụng

VAB theo đuổi định hướng phát triển tín dụng an toàn và bền vững, đảm bảo hài hòa mục

tiêu an toàn quản lý rủi ro và chất lượng tín dụng hiệu quả.

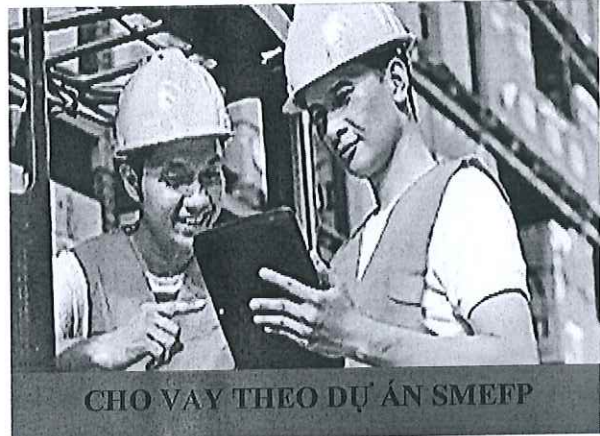
❖ **Sản phẩm dành cho KHDN**

Với cam kết luôn đồng hành cùng KHDN, VAB phát hành gói tín dụng “Đồng Hành – Phát Triển” tổng hạn mức 1.000 tỷ đồng với lãi suất vay chỉ từ 7,9%, đây là chương trình nhằm hỗ trợ các Doanh nghiệp tiếp cận nguồn vốn giá rẻ để bổ sung nguồn vốn lưu động phát triển kinh doanh và mở rộng quy mô sản xuất. Các gói sản phẩm tín dụng được VAB xây dựng đa dạng về lãi suất, kỳ hạn, hình thức vay và các phương thức đảm bảo khác nhau nhằm đáp ứng tốt nhất các nhu cầu vốn của khách hàng. Một số gói sản phẩm tín dụng của VAB bao gồm:



TÀI TRỢ CÁC DN XUẤT KHẨU

Đồng hành cùng doanh nghiệp, VAB triển khai các gói sản phẩm tài trợ dành riêng cho từng ngành hàng, với điều kiện linh hoạt và lãi suất ưu đãi phù hợp với đặc điểm, nhu cầu của doanh nghiệp trong ngành. VAB xem xét nhận TSDB là hàng hóa và quyền phải thu từ các hợp đồng xuất khẩu. Đặc biệt, VAB hiện đang cung cấp gói giải pháp tài chính cho các doanh nghiệp xuất nhập khẩu, theo đó tài trợ cho các doanh nghiệp từ khâu thu mua, dự trữ đến các khâu trước và sau giao hàng.



CHO VAY THEO DỰ ÁN SMEFP

SMEFP III (Small & Medium Enterprise Finance Program) là sản phẩm cho vay vốn trung dài hạn ưu đãi dành cho khách hàng SME do VAB phối hợp với Ban Quản lý các dự án tín dụng quốc tế ODA – NHNN và Cơ quan hợp tác quốc tế Nhật Bản thực hiện. Với sản phẩm này, VAB cam kết cung cấp giải pháp tài chính trung dài hạn ưu đãi nhất cho khách hàng để đầu tư mở rộng, phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh.



CHO VAY TRUNG DÀI HẠN



CHO VAY MUA ÔTÔ LINH HOẠT 12H

Tài trợ trung dài hạn là giải pháp tài chính hữu ích mà VAB hỗ trợ quý doanh nghiệp trong việc chủ động đầu tư mua sắm tài sản cố định hoặc mở rộng sản xuất kinh doanh với mức chi phí hợp lý.



TÀI TRỢ VỐN KINH DOANH 12 THÁNG TRẢ GỐC LINH HOẠT

Sản phẩm cho vay ngắn hạn bổ sung vốn lưu động, với tiện ích nổi bật về phương thức trả nợ gốc linh hoạt, phù hợp với dòng tiền và tình hình kinh doanh thực tế của Doanh nghiệp.

Với sản phẩm “Cho vay mua ô tô linh hoạt 12 giờ” của VAB, KHDN có thêm nhiều lựa chọn trong việc mua sắm xe ô tô với tài sản bảo đảm (TSBD) linh hoạt, thời gian xử lý nhanh chóng chỉ sau 12 giờ làm việc.



CHO VAY VỐN LƯU ĐỘNG

Với sản phẩm truyền thống này, VAB hỗ trợ doanh nghiệp trong việc bổ sung nguồn vốn lưu động tạm thời thiếu hụt trong ngắn hạn với nhiều hình thức linh hoạt, giá cả cạnh tranh.



CHO VAY THẤU CHI KHDN

Là hình thức cho vay của VAB dành cho khách hàng chi vượt số dư Có trên tài khoản thanh toán của khách hàng nhưng không vượt quá hạn mức thấu chi được VAB cấp trong thời hạn hiệu lực của hạn mức thấu chi

CHƯƠNG TRÌNH CHO VAY GIÁN TIẾP
NGUỒN VỐN CỦA QUỸ PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA

Tài sản bảo đảm	Lãi suất
Cổ định	1.2% / năm
Lãi suất thả nổi	4.4% / năm

Hạn mức lên đến 80% phương án kinh doanh

Ưu đãi:

- Thời gian vay tối đa 12 tháng
- Không tính lãi suất phạt sinh trong ngày
- Giảm lãi đã lãi vay ngay khi thanh toán lãi
- Thu gốc linh hoạt theo dòng tiền của khách hàng
- Lãi suất, phí cạnh tranh
- Tài sản bảo đảm đa dạng, linh hoạt

VIETABANK
ĐỒNG HÀNH CÙNG KHÁT VỌNG

Hotline: 1600 856 850
www.vietabank.com.vn

CHO VAY GIÁN TIẾP TỪ QUỸ PHÁT TRIỂN DNNV

Là hình thức do VAB hợp tác với Quỹ phát triển doanh nghiệp Nhỏ và vừa để hỗ trợ cho vay đối với các Doanh nghiệp với lãi suất vay ưu đãi:

- Lãi suất ưu đãi: ngắn hạn 1,2%/ năm trung dài hạn 4,4%/năm;
- Khách hàng đáp ứng điều kiện Doanh nghiệp nhỏ và vừa;
- Khách hàng thực hiện kinh doanh trong

ngành nghề kinh doanh theo hướng dẫn của Ủy;

- Thời gian vay: tối đa 7 năm;

- Tài sản đảm bảo: linh hoạt đa dạng theo quy định VAB từng thời kỳ.



VAB đồng hành cùng KHDN vừa và nhỏ (SMEs) thông qua các giải pháp tài chính linh hoạt, lãi suất cạnh tranh và quy trình phê duyệt nhanh chóng. Với các sản phẩm cho vay vốn lưu động, vay đầu tư tài sản cố định, bảo lãnh ngân hàng và nhiều dịch vụ hỗ trợ tài chính khác, giúp doanh nghiệp chủ động nguồn vốn, tối ưu hiệu quả kinh doanh và phát triển bền vững.



VAB cung cấp các sản phẩm bảo lãnh với mức phí ưu đãi, thủ tục nhanh chóng, an toàn:

- Bảo lãnh dự thầu;
- Bảo lãnh thực hiện hợp đồng;
- Bảo lãnh hoàn tạm ứng;
- Bảo lãnh thanh toán;
- Bảo lãnh bảo hành;
- Bảo lãnh thanh toán thuế;
- Bảo lãnh nhà ở hình thành trong tương lai.

❖ Sản phẩm tín dụng dành cho khách hàng cá nhân

Hiện nay, VAB đang triển khai nhiều sản phẩm cho vay KHCN đáp ứng các nhu cầu tiêu dùng, sản xuất của các cá nhân, hộ kinh doanh cá thể. Các khoản vay đều được sử dụng đa dạng các loại TSĐB, lãi suất linh hoạt, thời hạn vay có thể lên đến 30 năm, tỷ lệ tài trợ lên đến 100% nhu cầu vốn của KH. Một số Chương trình ưu đãi và sản phẩm cho vay như sau:

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

**Lãi Suất Vàng
KINH DOANH RỘN RÀNG**

Ưu đãi cho vay chỉ 5%/năm

✓ Lãi suất hấp dẫn nhất trên thị trường
✓ Miễn phí trả nợ trước hạn

Hệ kinh doanh để giải quyết nhu cầu vay kinh doanh

VIETABANK
Hotline: 1900 555 590
www.vietabank.com.vn

Quản lý để bạn không bị mất mát chương trình

Chương trình ưu đãi lãi vay ngắn hạn “Lãi Suất Vàng – Kinh Doanh Rộn Ràng” mang đến mức lãi suất cực kỳ hấp dẫn chỉ từ 5%/năm. Đây là chương trình được VAB thiết kế đặc biệt dành cho KHCN có nhu cầu vay vốn ngắn hạn để bổ sung vốn lưu động.

Ngoài lãi suất cạnh tranh, khách hàng còn được tận hưởng nhiều ưu đãi khác như:

- ✓ Miễn phí phạt trả nợ trước hạn.
- ✓ Thủ tục hồ sơ đơn giản, thuận tiện.
- ✓ Thời gian phê duyệt nhanh chóng, tiết kiệm thời gian.

Chương trình giúp khách hàng dễ dàng tiếp cận nguồn vốn với chi phí hợp lý, tối ưu hóa lợi nhuận trong hoạt động kinh doanh.

CHO VAY MUA BẤT ĐỘNG SẢN

**Vay Ưu Đãi
LÃI TRI ÂN**

Dành cho cá nhân vay mua/sửa chữa nhà, kinh doanh, tiêu dùng

Lãi suất chỉ từ 3%/năm

Áp dụng khoản vay TỪ 60 THÁNG

Án hạn gốc tối đa 12 THÁNG

VIETABANK
Hotline: 1900 555 590
www.vietabank.com.vn

Chương trình ưu đãi lãi vay trung và dài hạn “Vay Ưu Đãi – Lãi Tri Ân” mang đến mức lãi suất đặc biệt chỉ từ 3%/năm, được VAB thiết kế dành riêng cho KHCN với các nhu cầu như: mua hoặc xây sửa nhà, vay tiêu dùng, đầu tư tài sản cố định phục vụ sản xuất kinh doanh, mở rộng và phát triển hoạt động kinh doanh...

Bên cạnh lãi suất ưu đãi tri ân, khách hàng còn được trải nghiệm các sản phẩm và dịch vụ vượt trội khác từ VAB như:

- ✓ Tài khoản số tự chọn, linh hoạt theo ý thích.
- ✓ Tài khoản nickname cá nhân hóa, dễ nhớ và độc đáo.

Chương trình giúp khách hàng tối ưu hóa chi phí vay, đồng thời tận hưởng trọn vẹn các tiện ích ngân hàng hiện đại.

CHO VAY XÂY DỰNG/SỬA CHỮA NHÀ

Sản phẩm tín dụng của VAB hỗ trợ khách hàng mua bất động sản (nhà, đất và tài sản gắn liền trên đất) với các ưu điểm vượt trội:

- ✓ Hạn mức vay: Lên đến 100% nhu cầu vốn.
- ✓ Thời gian vay: Tối đa 360 tháng (30 năm).
- ✓ Phương thức trả nợ: Trả góp gốc và lãi hàng tháng.
- ✓ Tài sản bảo đảm:
 - + Có thể sử dụng chính tài sản trong phương án vay.
 - + Hoặc tài sản khác đáp ứng quy định của VAB.

Ưu đãi đặc biệt dành cho khách hàng trẻ (22-35 tuổi):

- ✓ Phương thức trả gốc linh hoạt, chia thành 4 giai đoạn, giúp giảm áp lực tài chính.
- ✓ Thời gian ân hạn gốc lên đến 24 tháng, tạo điều kiện thuận lợi để ổn định tài chính ban đầu.

Sản phẩm được thiết kế linh hoạt, đáp ứng nhu cầu sở hữu bất động sản và tối ưu hóa kế hoạch tài chính của khách hàng.



Sản phẩm vay tiêu dùng của VAB được thiết kế để nhanh chóng đáp ứng mọi nhu cầu tài chính của khách hàng, bao gồm:

VAB cung cấp sản phẩm vay vốn xây dựng và sửa chữa nhà với các điều kiện hấp dẫn:

- ✓ Hạn mức vay: Tối đa 100% nhu cầu vốn.
- ✓ Thời gian vay: Lên đến 240 tháng (20 năm).
- ✓ Phương thức trả nợ: Trả góp gốc và lãi hàng tháng, phù hợp với kế hoạch tài chính của khách hàng.
- ✓ Tài sản bảo đảm:
 - + Có thể sử dụng chính tài sản trong phương án vay.
 - + Hoặc tài sản khác đáp ứng quy định của VAB.

Sản phẩm mang đến giải pháp tài chính linh hoạt, giúp khách hàng hiện thực hóa kế hoạch xây dựng hoặc sửa chữa ngôi nhà mơ ước.



Sản phẩm vay đáp ứng nhu cầu bổ sung vốn lưu động và đầu tư tài sản cố định của cá nhân và hộ kinh doanh với các điều kiện linh hoạt:

- ✓ Hạn mức vay: Lên đến 100% nhu cầu vốn.
- ✓ Thời hạn vay:
 - + Đối với hạn mức bổ sung vốn lưu động: Tối đa 12 tháng.
 - + Đối với khoản vay bổ sung vốn lưu động từng lần: Tối đa 60 tháng.

mua sắm trang thiết bị, hàng hóa, dịch vụ; thanh toán học phí, chi phí sinh hoạt; du lịch, khám chữa bệnh và các mục đích tiêu dùng khác.

- ✓ Hạn mức vay: Đáp ứng tối đa 100% nhu cầu vốn.
- ✓ Thời gian vay: Lên đến 120 tháng, mang lại sự linh hoạt trong việc trả nợ.
- ✓ Hỗ trợ tài chính linh hoạt: Bao gồm các khoản vay bù đắp vốn tự có đã sử dụng, áp dụng cho các giao dịch phát sinh trong vòng 90 ngày từ ngày thanh toán/ký hợp đồng đến ngày đề nghị vay vốn.

Với thiết kế linh hoạt, sản phẩm này giúp tối ưu hóa tài chính, mang đến sự thuận tiện và hỗ trợ tốt nhất cho khách hàng



Sản phẩm vay đầu tư tài sản cố định phục vụ sản xuất kinh doanh của VAB được thiết kế để hỗ trợ các cá nhân và hộ kinh doanh trong việc mở rộng quy mô hoạt động, nâng cấp cơ sở vật chất và đầu tư vào các hạng mục dài hạn

- ✓ Hạn mức vay: Tài trợ tối đa lên đến 100% nhu cầu vốn, giúp khách hàng thực hiện dự án mà không gặp rào cản tài chính.

+ Đối với khoản vay đầu tư tài sản cố định: Tối đa 180 tháng.

- ✓ Phương thức vay: Linh hoạt giữa vay từng lần hoặc vay theo hạn mức.

Sản phẩm được thiết kế để hỗ trợ khách hàng tối ưu nguồn vốn, đáp ứng kịp thời các nhu cầu bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh



Sản phẩm vay thấu chi theo hạn mức của VAB là giải pháp tài chính linh hoạt, giúp khách hàng cá nhân sử dụng vượt quá số dư TKTT với thời hạn tối đa 12 tháng. Sản phẩm hỗ trợ nhiều hình thức bảo đảm linh hoạt, bao gồm cả có tài sản hoặc không có tài sản bảo đảm.

Với thiết kế tiện lợi, sản phẩm giúp khách hàng quản lý dòng tiền hiệu quả và đáp ứng nhanh chóng các nhu cầu tài chính ngắn hạn.



- ✓ Thời hạn vay: Lên đến 180 tháng, mang lại sự linh hoạt trong việc lên kế hoạch trả nợ và quản lý dòng tiền.
- ✓ Phương thức giải ngân linh hoạt: Giải ngân một lần hoặc nhiều lần tùy theo tiến độ thực hiện dự án.

Sản phẩm này là giải pháp tài chính toàn diện, giúp khách hàng hiện thực hóa các kế hoạch đầu tư, đồng thời đảm bảo sự phát triển bền vững trong hoạt động sản xuất kinh doanh

Sản phẩm tín dụng của VAB hỗ trợ khách hàng mua nhà tại các dự án hợp tác liên kết với ngân hàng.

- ✓ Hạn mức vay: Tối đa 85% nhu cầu vốn.
- ✓ Thời gian vay: Lên đến 300 tháng (25 năm).
- ✓ Phương thức trả nợ: Trả góp gốc và lãi hàng tháng, phù hợp với khả năng tài chính của khách hàng.
- ✓ Tài sản bảo đảm:
 - + Có thể sử dụng chính tài sản trong phương án vay.
 - + Hoặc tài sản khác đáp ứng quy định của VAB.

Sản phẩm mang đến giải pháp tài chính tối ưu, hỗ trợ khách hàng dễ dàng sở hữu ngôi nhà mơ ước.

❖ Tổng dư nợ cho vay

Theo số liệu hợp nhất đã kiểm toán tại thời điểm 31/12/2024, tổng dư nợ cho vay khách hàng tại VAB đạt 79.916 tỷ đồng, tăng 15,72% so với cùng kỳ năm 2023. Đến 30/9/2025, dư nợ cho vay hợp nhất tiếp tục tăng lên 86.831 tỷ đồng, tương ứng tăng 8,65% so với cuối năm 2024. Cơ cấu tín dụng duy trì tập trung ở nợ ngắn hạn với 61.121 tỷ đồng (chiếm 70,39%), trong khi nợ trung hạn và dài hạn lần lượt đạt 16.784 tỷ đồng (19,33%) và 8.926 tỷ đồng (10,28%). Sự dịch chuyển này cho thấy VAB vẫn ưu tiên các khoản vay ngắn hạn, đồng thời từng bước mở rộng quy mô cho vay trung và dài hạn để đa dạng hóa danh mục tín dụng.

Bảng 11: Dư nợ cho vay theo kỳ hạn (hợp nhất)

Chỉ tiêu	Tại 31/12/2023		Tại 31/12/2024		Tại 30/9/2024	
	Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)
Nợ ngắn hạn	40.174	58,17	57.617	72,10	61.121	70,39
Nợ trung hạn	24.713	35,79	14.239	17,82	16.784	19,33
Nợ dài hạn	4.171	6,04	8.060	10,09	8.926	10,28
Tổng dư nợ cho vay	69.059	100,00	79.916	100,00	86.831	100,00

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2023, 2024 và BCTC hợp nhất Quý 3 năm 2025

Bảng 12: Dư nợ cho vay theo kỳ hạn (riêng lẻ)

Chỉ tiêu	Tại 31/12/2023		Tại 31/12/2024		Tại 30/9/2025	
	Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)
Nợ ngắn hạn	40.174	58,17	57.617	72,10	61.121	70,39
Nợ trung hạn	24.713	35,79	14.239	17,82	16.784	19,33
Nợ dài hạn	4.171	6,04	8.060	10,09	8.926	10,28
Tổng dư nợ cho vay	69.059	100,00	79.916	100,00	86.831	100,00

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2023, 2024 và BCTC riêng Quý 3 năm 2025

VAB tăng trưởng tín dụng trên cơ sở phù hợp với định hướng của Chính phủ, NHNN và các giá trị kinh doanh cốt lõi. Chiến lược kinh doanh của VAB đảm bảo chất lượng hoạt động tín dụng được đặt lên hàng đầu và là cơ sở tạo nên nền tảng khách hàng ổn định, phát triển lâu dài.

❖ **Chất lượng danh mục tín dụng và tỷ lệ nợ xấu (nợ khó đòi)**

Việc kiểm soát chất lượng nợ cho vay là một trong những công tác VAB đặc biệt chú trọng. Chính sách của VAB luôn trích lập dự phòng ngay khi cần thiết trên cơ sở thận trọng và phù hợp với các quy định của NHNN.

Hoạt động cho vay của VAB phát triển theo nguyên tắc phát triển tín dụng an toàn và bền vững, đảm bảo hài hòa mục tiêu an toàn quản lý rủi ro và chất lượng tín dụng hiệu quả.

VAB luôn coi việc tăng trưởng và phát triển quy mô dư nợ tín dụng phải dựa trên nguyên tắc đảm bảo chất lượng tín dụng tốt nhất, danh mục tín dụng của VAB luôn được kiểm soát chặt chẽ.

Tỷ lệ nợ xấu theo số liệu hợp nhất đã kiểm toán tại 31/12/2024 là 1,37%, giảm 0,23% so với cuối năm 2023. Đến 30/9/2025, tổng dư nợ cho vay đạt 86.831 tỷ đồng, trong đó nợ xấu ghi nhận 1.556 tỷ đồng, tương ứng tỷ lệ 1,79%. Cơ cấu tín dụng tiếp tục duy trì tỷ trọng cao ở nhóm nợ đủ tiêu chuẩn (98,21%), trong khi các khoản nợ dưới tiêu chuẩn, nghi ngờ và có khả năng mất vốn đều ở mức thấp.

Bảng 13: Phân loại chất lượng tín dụng VAB

Chỉ tiêu	Tại 31/12/2023		Tại 31/12/2024		Tại 30/9/2025	
	Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)
Nợ đủ tiêu chuẩn	67.290	97,44	78.491	98,22	84.763	97,62
Nợ cần chú ý	669	0,97	334	0,42	513	0,59
Nợ dưới tiêu chuẩn	575	0,83	14	0,02	27	0,03
Nợ nghi ngờ	22	0,03	558	0,70	1.052	1,21

Nợ có khả năng mất vốn	504	0,73	519	0,65	477	0,55
Tổng dư nợ	69.059	100,00	79.916	100,00	86.831	100,00

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2023, 2024 và BCTC hợp nhất Quý 3 năm 2025

❖ Tỷ lệ an toàn vốn

Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu của VAB tại thời điểm 30/9/2025 là 9,23%. Tỷ lệ này qua các năm đều đáp ứng quy định hiện hành của NHNN.

Bảng 14: Tỷ lệ an toàn hoạt động và tỷ lệ nợ quá hạn tại VAB

Khoản mục	Tại 31/12/2023	Tại 31/12/2024	Tại 30/9/2025
Tổng dư nợ (tỷ đồng)	69.059	79.916	86.831
Tỷ lệ nợ xấu (%)	1,59	1,37	1,79
Tỷ lệ nợ quá hạn (%)	2,56	1,78	2,38
Tỷ lệ an toàn vốn CAR (%)	9,27	9,32	9,23

Nguồn: Ngân hàng TMCP Việt Á

❖ Rủi ro lãi suất và tình hình trích lập dự phòng rủi ro tín dụng của VAB

Rủi ro lãi suất được VAB thực hiện kiểm soát thông qua việc xác định mức lãi suất cho vay theo nguyên tắc đảm bảo bù đắp chi phí vốn, các chi phí quản lý và trên cơ sở xem xét các yếu tố rủi ro, mặt bằng lãi suất thị trường nhằm đảm bảo khả năng cạnh tranh và hiệu quả kinh doanh của Ngân hàng. Để giảm thiểu rủi ro lãi suất có thể phát sinh, Ngân hàng áp dụng đồng bộ các biện pháp như: quy định chính sách lãi suất thả nổi cho các khoản cho vay trung, dài hạn; quy định các điều khoản phòng ngừa rủi ro lãi suất trong hợp đồng tín dụng để đảm bảo Ngân hàng luôn chủ động trước những biến động của thị trường....

VAB tuân thủ và thực hiện theo quy định của NHNN về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và sử dụng dự phòng rủi ro trong hoạt động của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Theo đó, VAB chủ động sàng lọc khách hàng để phản ánh chất lượng nợ phù hợp với năng lực tài chính thực tế của khách hàng. Với các biện pháp quản lý các khoản nợ sát sao, đa dạng các ứng xử tín dụng, chất lượng nợ của VAB luôn được duy trì ở mức đảm bảo trong các năm qua.

Nguyên tắc trích lập dự phòng rủi ro cụ thể được xác định bằng dư nợ sau khi trừ đi giá trị TSDB đã được khấu trừ nhân với tỷ lệ dự phòng theo kết quả phân loại nhóm nợ tại ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Dự phòng chung tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 được lập với mức bằng 0,75% tổng số dư của các khoản nợ trừ các khoản tiền gửi và cho vay các TCTD khác và các khoản nợ được phân loại vào nhóm nợ có khả năng mất vốn. Đến 30/9/2025, tổng quỹ dự phòng (hợp nhất) của VAB đạt 1.019.711 triệu đồng, tăng 34,44% so với cuối năm 2024.

Bảng 15: Tình hình trích lập dự phòng của VAB

Khoản mục	Tại 31/12/2023 (triệu đồng)	Tại 31/12/2024 (triệu đồng)	Tại 30/9/2025 (triệu đồng)
Dự phòng chung	514.165	595.174	647.654
Dự phòng cụ thể	232.505	163.298	372.057
Tổng quỹ dự phòng	746.670	758.473	1.019.711

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2023, 2024 và BCTC hợp nhất Quý 3 năm 2025

Trên nguyên tắc thận trọng cùng mục tiêu đảm bảo danh mục tín dụng lành mạnh, trong tầm kiểm soát, VAB luôn thực hiện trích lập đầy đủ dự phòng theo quy định của pháp luật.

8.1.4. Hoạt động kinh doanh ngoại tệ và thanh toán

❖ Hoạt động kinh doanh ngoại tệ

Dịch vụ mua bán ngoại tệ của VAB đáp ứng mọi nhu cầu hợp pháp của khách hàng với tỷ giá hấp dẫn. Các dịch vụ mua bán ngoại tệ hiện đang được VAB triển khai bao gồm:

Giao dịch ngoại tệ giao ngay (SPOT): Là giao dịch hai bên thực hiện mua/bán một lượng ngoại tệ theo tỷ giá giao ngay tại thời điểm giao dịch và kết thúc thanh toán trong ngày hoặc trong vòng 02 ngày làm việc tiếp theo kể từ ngày mua bán.

Giao dịch ngoại tệ có kỳ hạn (FORWARD): Là giao dịch hai bên cam kết sẽ mua/bán với nhau một lượng ngoại tệ theo mức tỷ giá được xác định tại thời điểm giao dịch và việc thanh toán sẽ được thực hiện vào thời điểm xác định trong tương lai.

Áp dụng tỷ giá kỳ hạn:

- Tỷ giá được xác định tại thời điểm giao dịch trên cơ sở:
 - Tỷ giá giao ngay
 - Chênh lệch lãi suất giữa hai đồng tiền giao dịch
 - Kỳ hạn của hợp đồng

Kỳ hạn thanh toán:

- Giao dịch giữa VND với ngoại tệ:
 - Tối thiểu: 03 ngày làm việc
 - Tối đa: 365 ngày kể từ ngày giao dịch
- Giao dịch giữa hai ngoại tệ khác nhau:
 - Tối thiểu: 03 ngày làm việc kể từ ngày giao dịch
 - Theo thỏa thuận giữa VAB và khách hàng

Tổng doanh số giao dịch của VAB có xu hướng giảm từ năm 2023 sang năm 2024. Theo

báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2024, thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối hợp nhất năm 2024 đạt 55 tỷ đồng, giảm 11,29% so với năm 2023. Trong năm 2024, chi phí kinh doanh ngoại tệ giao ngay tăng 117,5% so với năm 2023, khiến cho chi phí hoạt động kinh doanh ngoại hối tăng cao và VAB chịu lỗ từ hoạt động kinh doanh ngoại hối trong năm 2024. Trong 9 tháng đầu năm 2025, hoạt động kinh doanh ngoại hối ghi nhận sự cải thiện rõ rệt khi thu nhập đạt 26,2 tỷ đồng và lợi nhuận thuần đạt 12,9 tỷ đồng.

Bảng 16: Thu nhập và lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối (hợp nhất)

Đơn vị: triệu đồng

Khoản mục	Năm 2023	Năm 2024	9 tháng đầu năm 2025
Thu về kinh doanh ngoại tệ	28.260	24.743	17.419
Thu về kinh doanh vàng	521	-	-
Thu từ các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	33.240	30.418	8.874
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	62.021	55.161	26.292
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	6.212	(1.467)	12.892

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2023, 2024 và BCTC hợp nhất Quý 3 năm 2025

Bảng 17: Thu nhập và lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối (riêng lẻ)

Đơn vị: triệu đồng

Khoản mục	Năm 2023	Năm 2024	9 tháng đầu năm 2025
Thu về kinh doanh ngoại tệ	28.260	24.743	17.419
Thu về kinh doanh vàng	521	-	-
Thu từ các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	33.240	30.418	8.875
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	62.021	55.161	26.294
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	6.212	(1.467)	12.892

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2023, 2024 và BCTC riêng Quý 3 năm 2025

❖ Thanh toán trong nước

VAB cung cấp dịch vụ thanh toán trong nước thông qua mạng lưới các điểm giao dịch.

Các dịch vụ thanh toán mà ngân hàng cung cấp bao gồm:

- **Thư tín dụng nhập khẩu/Xuất khẩu (L/C):** VAB thực hiện phát hành L/C theo yêu cầu của doanh nghiệp (người nhập khẩu) để cam kết thanh toán ngay hoặc thanh toán vào một thời hạn nhất định trị giá của L/C cho người hưởng lợi khi người hưởng lợi xuất trình bộ chứng từ phù hợp với các điều kiện nêu trong L/C. Ở chiều ngược lại, VAB

kiểm tra tính chân thực bề ngoài của L/C hoặc sửa đổi L/C và thông báo đến doanh nghiệp. Bộ chứng từ sẽ được VAB hỗ trợ kiểm tra, hướng dẫn sửa chữa, chiết khấu (nếu có nhu cầu) và gửi đi nước ngoài yêu cầu thanh toán.

- Nhờ thu Nhập khẩu/Xuất khẩu: VAB với vai trò ngân hàng nhờ thu sẽ chuyển bộ chứng từ xuất khẩu của khách hàng đi nước ngoài nhờ thu hộ, theo dõi, nhắc nhở thanh toán, chuyển tiền vào tài khoản của khách hàng khi đối tác thanh toán. Ở chiều ngược lại, VAB nhận ủy quyền của người nhập khẩu để kiểm tra, thông báo chứng từ do ngân hàng của người xuất khẩu chuyển đến và thanh toán tiền theo yêu cầu của người xuất khẩu.
- Dịch vụ chuyển tiền trong nước: Với mạng lưới chi nhánh và các điểm giao dịch trải rộng trên toàn quốc, VAB cam kết dịch vụ chuyển tiền đi/đến của khách hàng được thực hiện một cách nhanh chóng, an toàn và thuận lợi.

❖ Thanh toán quốc tế

VAB cung cấp dịch vụ thanh toán quốc tế bao gồm:

- Chuyển tiền quốc tế: Nhu cầu thanh toán tiền hàng nhập khẩu, phí dịch vụ, hoa hồng... cho đối tác hay muốn chuyển lợi nhuận, doanh thu được chia và thu nhập hợp pháp về nước (đối với các nhà đầu tư nước ngoài) ... của khách hàng sẽ được đáp ứng tốt nhất với dịch vụ chuyển tiền từ Việt Nam ra nước ngoài của VAB. Nhu cầu nhận tiền thanh toán bằng điện chuyển tiền (Telegraphic Transfer) của đối tác cho các hợp đồng xuất khẩu hàng hóa, dịch vụ của khách hàng sẽ được đáp ứng một cách nhanh chóng, an toàn và hiệu quả thông qua dịch vụ chuyển tiền từ nước ngoài về Việt Nam của VAB.
- Dịch vụ chi trả kiểu hối Western Union: Dịch vụ nhận tiền từ nước ngoài gửi về qua Western Union được cung cấp bởi VAB với dịch vụ chuyên nghiệp, nhanh chóng, thuận lợi, an toàn và hoàn toàn không thu phí người nhận tiền.

8.1.5. Hoạt động ngân hàng đại lý

VAB đã xây dựng mạng lưới ngân hàng đại lý phủ khắp toàn cầu nhằm đáp ứng nhu cầu giao dịch quốc tế, đặc biệt trong các lĩnh vực chuyển tiền và tài trợ thương mại. Hệ thống này giúp khách hàng thực hiện giao dịch với các thị trường quốc tế một cách nhanh chóng, an toàn và hiệu quả.

Hiện VAB có quan hệ với 280 ngân hàng đại lý tại 50 thị trường trọng điểm ở Châu Á, Châu Âu, Châu Mỹ, Châu Úc và Trung Đông. Việc hợp tác với các ngân hàng lớn tại những khu vực này cho phép VAB duy trì luồng giao dịch thông suốt thông qua mạng lưới đối tác toàn cầu.

Trong thời gian tới, VAB sẽ tập trung mở rộng và nâng cấp quan hệ với các đối tác đại lý chiến lược, đồng thời tiếp cận các thị trường tiềm năng nhằm tăng cường huy động vốn hiệu quả, tối ưu hóa chi phí lãi suất và mở rộng cơ sở khách hàng.

8.1.6. Hoạt động đầu tư

❖ Định hướng chiến lược hoạt động đầu tư

Chiến lược đầu tư của VAB là chú trọng đầu tư vào các ngành nghề trọng điểm nhằm

mục đích gia tăng hiệu quả hoạt động, mang lại lợi nhuận cho toàn hàng trên cơ sở tuân thủ các quy định của pháp luật, quy định và chính sách của NHNN.

Các hoạt động đầu tư chủ yếu của VAB gồm:

- Đầu tư chứng khoán (gồm các giấy tờ có giá như trái phiếu Chính phủ, trái phiếu Kho bạc, trái phiếu các TCTD, trái phiếu các tổ chức kinh tế, ... và các loại công cụ nợ khác);
- Đầu tư dài hạn: góp vốn, mua cổ phần;
- Tư vấn đầu tư tài chính, mua bán sáp nhập doanh nghiệp (M&A).

VAB quản lý các hoạt động đầu tư theo đúng quy trình và các quy định liên quan đã được các cấp có thẩm quyền của VAB thông qua và ban hành.

Các hoạt động đầu tư kinh doanh do VAB thực hiện được tiến hành phù hợp quy định của pháp luật, quy định của NHNN và nghị quyết ĐHĐCĐ.

❖ **Hoạt động đầu tư chứng khoán**

Đầu tư và kinh doanh trên thị trường tài chính là một trong những hoạt động của VAB, bao hàm cả việc đầu tư chứng khoán nợ, chứng khoán vốn.

Danh mục chứng khoán kinh doanh là tài sản trọng yếu, trong đó chủ yếu là các chứng khoán nợ (gồm các giấy tờ có giá như trái phiếu Chính phủ, trái phiếu Kho bạc, trái phiếu các TCTD, trái phiếu các tổ chức kinh tế, ... và các loại công cụ nợ khác). Toàn bộ danh mục chứng khoán đầu tư là chứng khoán sẵn sàng để bán.

Bảng 18: Chứng khoán đầu tư và chứng khoán kinh doanh tại VAB (hợp nhất)

Đơn vị: triệu đồng

Khoản mục	Tại 31/12/2023	Tại 31/12/2024	Tại 30/9/2025
Chứng khoán kinh doanh	-	-	-
Chứng khoán đầu tư	7.416.316	14.132.542	17.743.438
Chứng khoán sẵn sàng để bán	7.431.411	14.146.615	17.757.511
Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư	(15.096)	(14.073)	(14.073)

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2023, 2024 và BCTC hợp nhất Quý 3 năm 2025

Bảng 19: Chứng khoán đầu tư và chứng khoán kinh doanh tại VAB (riêng lẻ)

Đơn vị: triệu đồng

Khoản mục	Tại 31/12/2023	Tại 31/12/2024	Tại 30/9/2025
Chứng khoán kinh doanh	-	-	-
Chứng khoán đầu tư	7.416.316	14.132.542	17.743.438
Chứng khoán sẵn sàng để bán	7.431.411	14.146.615	17.757.511

Khoản mục	Tại 31/12/2023	Tại 31/12/2024	Tại 30/9/2025
Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư	(15.096)	(14.073)	(14.073)

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2023, 2024 và BCTC riêng Quý 3 năm 2025

VAB tuân thủ đầy đủ các quy định về hạn mức và giới hạn lĩnh vực đầu tư theo quy định của NHNN và các quy định khác của pháp luật. Danh mục đầu tư được đánh giá thường xuyên và định kỳ, công tác quản trị rủi ro đầu tư và dự phòng tổn thất được quan tâm chú trọng.

❖ Hoạt động góp vốn, đầu tư dài hạn

Danh mục đầu tư dài hạn tính của VAB tính đến ngày 31/12/2023 và 31/12/2024 bao gồm 06 doanh nghiệp với tổng giá trị đầu tư là 82,61 tỷ đồng. Tính đến ngày 30/9/2025, VAB đã trích lập dự phòng lên 6,63 tỷ đồng, giá trị đầu tư tại ngày 30/9/2025 là 75,98 tỷ đồng. Danh mục tập trung vào các doanh nghiệp có hoạt động kinh doanh hiệu quả, ổn định, tỷ lệ chi trả cổ tức cao, từ đó góp phần nâng cao lợi nhuận của toàn hàng. Danh mục cụ thể như sau:

Bảng 20: Danh mục đầu tư dài hạn của VAB

Đơn vị: triệu đồng

TT	Tên đơn vị	Tại 31/12/2023		Tại 31/12/2024		Tại 30/9/2025	
		Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
1	CTCP Thương mại quốc tế (ITC)	905	-	905	-	905	905
2	CTCP Kim Hoàn Sài Gòn (SJC)	672	-	672	-	672	-
3	CTCP Thanh toán Quốc gia Việt Nam (Napas)	2.000	-	2.000	-	2.000	-
4	CTCP Nước khoáng Vĩnh Hảo	15.565	-	15.565	-	15.565	-
5	CTCP Kỹ thuật công nghệ Sài Gòn (Techgel)	8.868	-	8.868	-	8.868	5.724
6	CTCP Bảo Hiểm Hùng Vương	54.600	-	54.600	-	54.600	-
	Tổng	82.610	-	82.610	-	82.610	6.628

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2023, 2024 và BCTC hợp nhất Quý 3 năm 2025

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

8.2. Tài sản

8.2.1. Tài sản cố định hữu hình

Bảng 21: Tài sản cố định hữu hình (hợp nhất)

Đơn vị: triệu đồng

Danh mục	31/12/2023			31/12/2024			30/9/2025		
	Nguyên giá (NG)	Giá trị còn lại (GTCL)	GTCL/NG	Nguyên giá (NG)	Giá trị còn lại (GTCL)	GTCL/NG	Nguyên giá (NG)	Giá trị còn lại (GTCL)	GTCL/NG
Nhà cửa và vật kiến trúc	97.230	42.820	44,04%	97.230	37.586	38,66%	97.274	33.703	34,65%
Máy móc thiết bị	120.079	25.217	21,00%	117.465	20.610	17,55%	117.973	15.075	12,78%
Phương tiện vận tải	79.429	6.654	8,38%	96.461	21.132	21,91%	95.418	18.359	19,24%
Các TSCĐ hữu hình khác	10.663	2.881	27,02%	7.969	164	2,06%	8.095	243	3,00%
Tổng	307.401	77.572	25,23%	319.125	79.492	24,91%	318.760	67.380	21,14%

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2023, 2024 và BCTC hợp nhất Quý 3 năm 2025

[Phần còn lại của trang này được cố ý bỏ trống]

Bảng 22: Tài sản cố định hữu hình (riêng lẻ)

Đơn vị: triệu đồng

Danh mục	31/12/2023				31/12/2024				30/9/2025			
	Nguyên giá (NG)	Giá trị còn lại (GTCL)	GTCL/ NG		Nguyên giá (NG)	Giá trị còn lại (GTCL)	GTCL/ NG		Nguyên giá (NG)	Giá trị còn lại (GTCL)	GTCL/ NG	
Nhà cửa và vật kiến trúc	97.230	42.820	44,04%		97.230	37.586	38,66%		97.274	33.703	34,65%	
Máy móc thiết bị	119.891	25.217	21,03%		117.277	20.610	17,57%		117.785	15.075	12,80%	
Phương tiện vận tải	79.429	6.654	8,38%		96.461	21.132	21,91%		95.418	18.359	19,24%	
Các TSCĐ hữu hình khác	10.663	2.881	27,02%		7.969	164	2,06%		8.095	243	3,00%	
Tổng	307.213	77.572	25,25%		318.938	79.492	24,92%		318.572	67.380	21,15%	

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2023, 2024 và BCTC riêng Quý 3 năm 2025

[Phần còn lại của trang này được cố ý bỏ trống]

8.2.1. Tài sản cố định vô hình

Bảng 23: Tài sản cố định vô hình (hợp nhất)

Đơn vị: triệu đồng

Danh mục	31/12/2023				31/12/2024				30/9/2025			
	Nguyên giá (NG)	Giá trị còn lại (GTCL)	GTCL /NG		Nguyên giá (NG)	Giá trị còn lại (GTCL)	GTCL/ NG		Nguyên giá (NG)	Giá trị còn lại (GTCL)	GTCL/ NG	
Quyền sử dụng đất có thời hạn	112.002	112.002	100,00%		112.002	112.002	100,00%		112.002	112.002	100,00%	
Phần mềm máy vi tính	131.216	47.324	36,07%		134.150	36.880	27,49%		134.245	26.677	19,87%	
Tài sản cố định vô hình khác	19.343	7.023	36,31%		22.413	7.547	33,67%		24.430	6.281	25,71%	
Tổng	262.561	166.349	63,36%		268.565	156.429	58,25%		270.677	144.960	53,55%	

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2023, 2024 và BCTC hợp nhất Quý 3 năm 2025

[Phần còn lại của trang này được cố ý bỏ trống]

Bảng 24: Tài sản cố định vô hình (riêng lẻ)

Đơn vị: triệu đồng

Danh mục	31/12/2023			31/12/2024			30/9/2025		
	Nguyên giá (NG)	Giá trị còn lại (GTCL)	GTCL/NG	Nguyên giá (NG)	Giá trị còn lại (GTCL)	GTCL/NG	Nguyên giá (NG)	Giá trị còn lại (GTCL)	GTCL/NG
Quyền sử dụng đất có thời hạn	112.002	112.002	100,00%	112.002	112.002	100,00%	112.002	112.002	100,00%
Phần mềm máy vi tính	131.216	47.324	36,07%	134.150	36.880	27,49%	134.245	26.677	19,87%
Tài sản cố định vô hình khác	19.343	7.023	36,31%	22.413	7.547	33,67%	24.430	6.281	25,71%
Tổng	262.561	166.349	63,36%	268.565	156.429	58,25%	270.677	144.960	53,55%

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2023, 2024 và BCTC riêng Quý 3 năm 2025

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

8.3. Quản lý rủi ro và bảo toàn vốn

8.3.1. Các chính sách quản trị rủi ro đang áp dụng

❖ Quản trị rủi ro tín dụng

- (1) Hoàn thiện hệ thống chính sách tín dụng, tích cực truyền thông, đào tạo quản lý rủi ro tín dụng

VAB không ngừng hoàn thiện hệ thống văn bản khung của HĐQT và Ban Tổng giám đốc quy định về hoạt động cấp tín dụng và xử lý nợ xấu (đặc biệt là các quy định về hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ, trích lập, sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro, TSBĐ) đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật, của NHNN (thông tư 02, thông tư 06, thông tư 11, thông tư 17, thông tư 18) và phù hợp với tình hình hoạt động thực tế và định hướng kinh doanh của VAB trong giai đoạn từ nay đến năm 2025. Các văn bản được xây dựng, điều chỉnh theo hướng phù hợp với định hướng kinh doanh của VAB, góp phần tạo thuận lợi cho các đơn vị trong hoạt động thực tiễn, tránh chồng chéo, ách tắc hoạt động kinh doanh của ngân hàng; đồng thời cũng tạo cơ sở để đo lường, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro tín dụng.

VAB cũng đã triển khai nhiều cuộc Hội thảo nội bộ “Quản lý rủi ro về môi trường trong hoạt động cấp tín dụng” và “Triển khai thực hiện Thông tư 06/2023/ TT-NHNN” tới tất cả các ĐVKD trong toàn hệ thống. Đồng thời, tổ chức đào tạo cho cấp quản lý tại ĐVKD về Kiểm soát rủi ro tín dụng nhằm tăng cường công tác kiểm soát sau vay, hạn chế, giảm thiểu rủi ro trong hoạt động cấp tín dụng. Ngoài ra, VAB còn thường xuyên thực hiện truyền thông để các đơn vị, cá nhân có liên quan triển khai các biện pháp phòng ngừa từ khâu thẩm định, xét duyệt cấp tín dụng, đến khâu giải ngân, theo dõi thu hồi nợ theo đúng quy định, quy trình hiện hành của VAB, hạn chế tối đa nợ xấu phát sinh và nâng cao chất lượng tín dụng. VAB đã và đang áp dụng các quy trình quản lý rủi ro tín dụng nghiêm ngặt; không ngừng, thường xuyên rà soát, cải tiến, và điều chỉnh quy trình nhằm kịp thời phát hiện và xử lý các rủi ro.

- (2) Tích cực triển khai các biện pháp quản trị rủi ro tín dụng nhằm nâng cao chất lượng tín dụng

VAB đã tích cực triển khai các biện pháp quản trị rủi ro tín dụng nghiêm ngặt như: Nâng cao chất lượng nghiệp vụ phân tích tín dụng; thận trọng trong khâu thẩm định và đề xuất/phê duyệt cấp tín dụng; Nghiêm túc thực hiện việc chấm điểm xếp hạng tín dụng và phân loại rủi ro từ phía khách hàng; Tuân thủ đúng quy trình cấp tín dụng, Tăng cường kiểm tra, giám sát quá trình sử dụng vốn vay sau khi cho vay; Kết quả, VAB đã kiểm soát tốt chất lượng tín dụng với các chỉ số luôn nằm trong giới hạn quy định của NHNN, năm 2024 với hơn 98% dư nợ là nợ đủ tiêu chuẩn và nợ xấu < 1,37% trên tổng dư nợ.

❖ Quản trị rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản toàn diện theo tiêu chuẩn quốc tế, VAB đã ban hành Quy trình đánh giá nội bộ về mức độ đủ vốn (ICAAP, Thông tư 13/2018/TT-NHNN ngày 18/5/2018), trong đó bao gồm đầy đủ các bước nhận dạng và đo lường các rủi ro trọng yếu là Rủi ro tín dụng, Rủi ro hoạt động, Rủi ro thị trường và Rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng, Rủi ro tập trung theo Basel II... cùng với việc thiết lập và thực hiện các kịch bản kiểm tra sức chịu đựng phù hợp, phản ánh được tác động về vốn trong điều kiện bình thường và điều kiện căng thẳng. Từ đó, giúp VAB luôn sẵn sàng chủ động xử lý được các căng thẳng tài chính (nếu

có), phân bổ vốn phù hợp; đồng thời luôn duy trì được các chỉ số an toàn ở mức tối ưu nhất.

VAB luôn đảm bảo và duy trì các chỉ số an toàn tuân thủ quy định NHNN tại mọi thời điểm, kiểm soát tài sản có rủi ro; cân đối nguồn vốn và sử dụng vốn một cách hiệu quả, đảm bảo an toàn thanh khoản; tích cực xử lý thu hồi nợ xấu; kịp thời cấu trúc lại các mảng hoạt động kinh doanh tiềm ẩn nhiều rủi ro theo diễn biến thị trường và cân bằng giữa mục tiêu phát triển kinh doanh an toàn - hiệu quả.

❖ Quản trị rủi ro hoạt động

VAB triển khai khung quản lý rủi ro hoạt động đáp ứng yêu cầu của Thông tư 13/2018/TT-NHNN ngày 18/5/2018 của NHNN Quy định về Hệ thống kiểm soát nội bộ của NHTM, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và các văn bản sửa đổi bổ sung liên quan, bao gồm:

- Hoàn thiện hệ thống văn bản chính sách về chiến lược, nguyên tắc quản lý rủi ro hoạt động: Ban hành Quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân nhằm thực hiện các mục tiêu đảm bảo hệ thống dữ liệu cá nhân tại VAB được bảo vệ đầy đủ, kịp thời, an toàn, tuân thủ theo quy định Pháp luật; Quy trình, hướng dẫn xử lý phòng ngừa, ngăn chặn gian lận, lừa đảo trong hoạt động mở tài khoản ngân hàng; Xây dựng quy trình, hướng dẫn xử lý các giao dịch bất thường trên kênh Ngân hàng số, từ đó kịp thời thực hiện các biện pháp kiểm soát rủi ro hiệu quả; Xây dựng quy trình quản lý rủi ro về rửa tiền và phân loại khách hàng theo mức độ rủi ro về rửa tiền để đảm bảo an toàn hoạt động cho Ngân hàng và tuân thủ đúng quy định của pháp luật hiện hành.
- Triển khai các công cụ quản lý rủi ro hoạt động một cách toàn diện trên toàn hệ thống với mô hình ba tuyến phòng thủ độc lập tương ứng với quy mô, phù hợp với định hướng hoạt động kinh doanh của ngân hàng nhằm giám sát, vận hành quản lý rủi ro hoạt động hiệu quả bao gồm:
 - Công cụ Tự đánh giá kiểm soát rủi ro hoạt động (RCSA) được xác định là công cụ quan trọng, cốt lõi của khung quản lý rủi ro nhằm nhận diện và đánh giá các rủi ro tiềm ẩn, ngăn chặn trước các nguy cơ xảy ra sự cố rủi ro hoạt động. Quy trình RCSA được thực hiện đầy đủ gồm việc tự đánh giá rủi ro hiện hữu, tiềm ẩn, đánh giá hiệu quả chốt kiểm soát với các rủi ro đã được nhận diện và đưa ra kế hoạch hành động kiểm soát rủi ro.
 - Công cụ Giám sát thường xuyên được xây dựng nhằm tăng cường kiểm soát, ngăn ngừa rủi ro hoạt động, đưa ra các chốt kiểm soát đối với một số nghiệp vụ trọng yếu của ngân hàng. VAB thực hiện giám sát, rà soát, điều chỉnh bộ công cụ Giám sát thường xuyên hằng năm nhằm phù hợp với thực tế vận hành khi có sự thay đổi của quy trình, quy định nội bộ.
 - Công cụ Thu thập dữ liệu tổn thất được xác định là việc thu thập các dữ liệu tổn thất tài chính và phi tài chính: VAB triển khai hoạt động báo cáo và thu thập dữ liệu tổn thất một cách nhanh chóng, chủ động, hiệu quả theo các tiêu chí như tổn thất phát sinh trong nội bộ (bao gồm dữ liệu tổn thất phát sinh trong hoạt động kinh doanh), tổn thất bên ngoài (số liệu tổn thất từ các sự kiện rủi ro tại các TCTD khác và các dữ liệu tổn thất có liên quan đến hoạt động ngân hàng)..

- Công cụ Sơ đồ hóa các quy trình nghiệp vụ nhằm nhận diện, xác định rủi ro trong từng bước quy trình, đánh giá các chốt kiểm soát hiện tại, xác định rủi ro còn lại và đề xuất các chốt kiểm soát bổ sung phù hợp nhằm giảm thiểu rủi ro có thể xảy ra.
- Công cụ cảnh báo giao dịch bất thường nhằm chủ động nhận diện, cảnh báo và ngăn ngừa rủi ro đối với các giao dịch trên kênh Ngân hàng số, kịp thời ngăn chặn hiệu quả các rủi ro có thể phát sinh.
- Ngoài ra, VAB đã tổ chức các buổi truyền thông, đào tạo về QLRR hoạt động để CBNV và các Đơn vị liên quan hiểu rõ về trách nhiệm của mình, đảm bảo truyền thông kiến thức và triển khai công tác QLRR hoạt động hiệu quả trên phạm vi toàn Ngân hàng; Thiết lập và phát triển văn hóa quản trị rủi ro hoạt động nhất quán trên toàn hệ thống; đảm bảo mỗi CBNV của Ngân hàng đều hiểu biết và có nhận thức rõ ràng về rủi ro hoạt động và quản trị rủi ro hoạt động.

❖ **Quản trị rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường phát sinh từ trạng thái mở của lãi suất, các sản phẩm tiền tệ và công cụ vốn, tất cả các sản phẩm này đều chịu tác động từ biến động trên thị trường nói chung và từng loại thị trường nói riêng và sự thay đổi của mức độ biến động của giá thị trường như: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro thanh khoản.

VAB thường xuyên nghiên cứu, phát triển các công cụ đo lường và cảnh báo, ước lượng chính xác mức độ rủi ro, giám sát liên tục mức độ tổn thất có khả năng xảy ra, từ đó đưa ra các cảnh báo giúp nâng cao công tác quản lý các hạn mức quy mô, hạn mức ngăn lỗ phù hợp và hiệu quả.

8.3.2. Đánh giá tình hình thực hiện, giải pháp khắc phục các tồn tại, hạn chế tại VAB

VAB luôn chú trọng công tác quản lý rủi ro nhằm đảm bảo hoạt động kinh doanh an toàn, hiệu quả và bền vững. Ngân hàng áp dụng các biện pháp kiểm soát rủi ro toàn diện, bao gồm rủi ro tín dụng, rủi ro hoạt động, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường, tuân thủ các quy định của NHNN và các tiêu chuẩn quản trị tiên tiến.

Về rủi ro tín dụng, VAB không ngừng hoàn thiện chính sách tín dụng và hệ thống quản trị rủi ro. Ngân hàng triển khai các biện pháp kiểm soát chặt chẽ, bao gồm phân loại nợ theo quy định của NHNN, nâng cao chất lượng phê duyệt tín dụng và tăng cường xử lý nợ xấu. Nhờ đó, tỷ lệ nợ xấu của ngân hàng duy trì ở mức 1,37% vào năm 2024, phản ánh hiệu quả của công tác quản trị tín dụng.

Về rủi ro hoạt động, VAB tiếp tục triển khai khung quản lý rủi ro theo quy định của NHNN, áp dụng hệ thống kiểm soát nội bộ và xây dựng các biện pháp phòng ngừa rủi ro.

VAB đã thực hiện các chiến lược, các nguyên tắc về QLRR hoạt động, đảm bảo QLRR hoạt động hiệu quả, cụ thể như sau:

- + Xây dựng hệ thống văn bản khung QLRR hoạt động bao gồm quy chế, chính sách, quy định, quy trình, hướng dẫn triển khai QLRR hoạt động, thường xuyên đánh giá cập nhật chỉnh sửa và áp dụng duy trì triển khai công tác QLRR hoạt động theo khung đã thiết lập.
- + Triển khai các công cụ, hướng dẫn cách xác định, đo lường, đánh giá và các biện pháp ứng xử, giám sát, kiểm soát nhằm ngăn chặn, phòng tránh rủi ro hoạt động, giảm thiểu tổn thất (nếu có) và tối ưu hóa lợi nhuận cho Ngân hàng. Các công cụ QLRR hoạt động được áp dụng triển khai tại VAB bao gồm: Thu thập và phân tích dữ liệu tổn thất; Sơ đồ hóa quy trình nghiệp vụ; Chỉ số kết quả kinh doanh và chỉ số rủi ro trọng yếu; Tự đánh giá rủi ro hoạt động RCSA; Công cụ cảnh báo giao dịch bất thường. Việc triển khai các công cụ QLRR hoạt động hiệu quả giúp VAB nhận diện và đánh giá đúng những rủi ro Ngân hàng phải đối mặt, từ đó áp dụng các biện pháp thích hợp, kịp thời để ngăn chặn và giảm thiểu tác động của rủi ro.
- + Để tổ chức hoạt động QLRR hoạt động một cách khoa học, hiệu quả, VAB đã triển khai xây dựng phần mềm QLRR hoạt động từ năm 2020 với các chức năng chính bao gồm: Báo cáo sự cố bất ngờ, tổn thất; Báo cáo thu thập lỗi vi phạm tác nghiệp; Báo cáo cập nhật kết quả triển khai công cụ RCSA..., thực hiện bổ sung chỉnh sửa, hoàn thiện các tính năng phần mềm phù hợp với thực tiễn vận hành nhằm phục vụ công tác tổng hợp, quản lý cơ sở dữ liệu được đồng bộ, rút ngắn thời gian tổng hợp báo cáo, phục vụ tốt hơn cho công tác phân tích dữ liệu, nhận diện, thu thập dữ liệu rủi ro và giảm thiểu rủi ro hoạt động.
- + Tổ chức tọa đàm về QLRR hoạt động để BDH và các cán bộ, Đơn vị liên quan hiểu rõ về trách nhiệm của mình, đảm bảo truyền thông kiến thức và triển khai công tác QLRR hoạt động hiệu quả trên phạm vi toàn Ngân hàng.
- + Thiết lập và phát triển văn hóa quản trị rủi ro hoạt động nhất quán trên toàn hệ thống; đảm bảo mỗi CBNV của Ngân hàng đều hiểu biết và có nhận thức rõ ràng về rủi ro hoạt động và quản trị rủi ro hoạt động.
- + Thực hiện giám sát chặt chẽ đối với hoạt động vận hành phân tích nguyên nhân, đánh giá các xu hướng rủi ro tại Đơn vị theo từng kỳ đánh giá, đưa ra kế hoạch khắc phục để xử lý các vấn đề tồn tại, yếu kém, lập báo cáo đột xuất đối với các chỉ tiêu chạm ngưỡng cảnh báo và báo cáo Giám đốc Khối Quản trị Rủi ro, Hội đồng QLRR, TGD để đưa ra các quyết định phù hợp và các hành động giảm thiểu tổng thể trên toàn hệ thống.

Hạn mức rủi ro hoạt động: Quy định hạn mức rủi ro hoạt động, trong đó quy định về ngưỡng rủi ro bao gồm ngưỡng cho các trường hợp tổn thất tài chính và ngưỡng cho các trường hợp tổn thất phi tài chính; hạn mức rủi ro hoạt động về mức độ tổn thất tài chính theo 07 loại sự kiện rủi ro hoạt động và theo 06 nhóm hoạt động kinh doanh. Các trường hợp phát sinh rủi ro vượt ngưỡng sẽ được báo cáo kịp thời, đầy đủ cho các cấp có thẩm quyền để có biện pháp kiểm soát rủi ro kịp thời.

Trong quản trị rủi ro thanh khoản, VAB tuân thủ nghiêm ngặt các tỷ lệ an toàn vốn (CAR) và tỷ lệ dự trữ thanh khoản theo quy định. Ngân hàng đảm bảo duy trì khả năng thanh khoản ổn định, đáp ứng nhu cầu chi trả và mở rộng hoạt động kinh doanh.

Ngoài ra, VAB cũng kiểm soát rủi ro thị trường và rủi ro lãi suất thông qua các biện pháp

theo dõi, đánh giá biến động của lãi suất và tỷ giá. Ngân hàng thực hiện quản lý danh mục đầu tư linh hoạt, phù hợp với điều kiện thị trường để giảm thiểu tác động bất lợi từ biến động tài chính.

Với hệ thống quản trị rủi ro toàn diện, VAB cam kết duy trì sự ổn định tài chính, bảo vệ lợi ích của khách hàng và cổ đông, đồng thời đảm bảo hoạt động ngân hàng an toàn và hiệu quả.

8.4. Thị trường hoạt động

8.4.1. Mạng lưới chi nhánh, PGD, văn phòng đại diện của Ngân hàng TMCP Việt Á

Trải qua 22 năm phát triển, VAB không ngừng nỗ lực mở rộng hoạt động kinh doanh các chi nhánh, PGD trên khắp cả nước. Đến ngày 30/9/2025, VAB có 1 Trụ sở chính, 97 điểm giao dịch (24 chi nhánh và 73 phòng giao dịch). Hệ thống mạng lưới rộng khắp giúp VAB có thể tiếp cận và cung cấp các dịch vụ tài chính của mình nhanh và thuận tiện cho nhiều đối tượng khách hàng khác nhau. Số lượng CBNV tại thời điểm 30/9/2025 là 1.612 người.

❖ Mạng lưới của Công ty thành viên

Công ty TNHH một thành viên Quản lý nợ & Khai thác tài sản – Ngân hàng TMCP Việt Á: gồm 1 Trụ sở chính tại Tầng 2, 119-121 Nguyễn Công Trứ, Phường Bến Thành, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

8.4.2. Mạng lưới khách hàng và các loại dịch vụ cho khách hàng

VAB không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ nhằm phục vụ khách hàng trên khắp mọi miền đất nước. Thông qua hệ thống chi nhánh và PGD trên toàn quốc, VAB cung cấp danh mục sản phẩm tài chính – ngân hàng đa dạng, được thiết kế linh hoạt để đáp ứng nhu cầu của cả KHDN và KHCN. Từ việc phát triển các giải pháp tài chính chuyên biệt cho từng ngành nghề, đến việc tích cực ứng dụng công nghệ vào sản phẩm dịch vụ, VAB không chỉ đồng hành cùng khách hàng trong hoạt động sản xuất – kinh doanh mà còn góp phần nâng cao trải nghiệm số hóa trong giao dịch hằng ngày.

Khách hàng doanh nghiệp

VAB đang phát triển hơn 3.500 khách hàng tổ chức với nhiều loại hình doanh nghiệp và ngành nghề kinh tế khác nhau. Với định hướng phát triển ngành nghề trọng tâm gồm: Bất động sản, Dược phẩm – Y tế, Xuất nhập khẩu ngành than, Bệnh viện, Trường học, Silica... VAB tập trung tiếp cận, duy trì và đẩy mạnh quan hệ với các khách hàng lớn tiềm năng nhằm góp phần nâng cao vị thế, thương hiệu của VAB, đồng thời gia tăng hiệu quả kinh doanh và lợi nhuận toàn ngân hàng.

Theo chủ trương của Chính phủ và NHNN, đồng hành cùng doanh nghiệp vượt qua giai đoạn khó khăn, VAB đã ban hành nhiều gói ưu đãi lãi suất cho Doanh nghiệp SME trong năm 2024 qua đó hoàn thành 100% chỉ tiêu dư nợ cho vay.

Đẩy mạnh công nghệ số hóa theo chính sách của Chính phủ nhằm nâng cao hệ thống an toàn bảo mật cũng như trải nghiệm dịch vụ khách hàng, VAB đã thực hiện golive nâng cấp dịch vụ ngân hàng số của ngân hàng, golive nhiều dịch vụ qua kết nối API cho các đối tác lớn.

Khách hàng cá nhân

Ngành ngân hàng đang trải qua giai đoạn phát triển mạnh mẽ với nhiều dấu ấn đáng chú ý,

từ việc đẩy mạnh ứng dụng công nghệ sinh trắc học, thúc đẩy tín dụng xanh, đến những bước tiến lớn trong thanh toán số và cải thiện lãi suất huy động. Trong xu thế đó, VAB không ngừng đổi mới, ứng dụng công nghệ vào hoạt động kinh doanh, từng bước ghi nhận những kết quả tăng trưởng vượt bậc.

Khi thiên tai và biến động kinh tế ảnh hưởng đến cuộc sống và hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều khách hàng, VAB luôn kịp thời triển khai các giải pháp hỗ trợ thiết thực. Các chương trình ưu đãi lãi suất vay dành cho cả khách hàng hiện hữu và khách hàng mới đã góp phần giảm nhẹ gánh nặng tài chính, giúp khách hàng ổn định cuộc sống và phục hồi sau khó khăn.

Nhằm gia tăng sức cạnh tranh và đáp ứng nhu cầu ngày càng đa dạng của khách hàng, khối KHCN đã ra mắt nhiều sản phẩm dịch vụ mới, tập trung vào việc mở rộng cơ hội hợp tác với khách hàng mới và gia tăng thu phí dịch vụ. Đặc biệt, VAB chú trọng phát triển mạnh mẽ các dịch vụ mua bán ngoại tệ và chuyển tiền thanh toán quốc tế. Nổi bật nhất là chiến dịch “Chuyển tiền quốc tế - 0 đồng toàn cầu,” một chiến dịch đã thu hút đông đảo khách hàng tham gia và ghi nhận những kết quả ấn tượng.

VAB không ngừng đổi mới và ứng dụng các công nghệ hiện đại nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng. VAB đã triển khai công nghệ sinh trắc học vào nhiều hoạt động của mình, đánh dấu một bước tiến quan trọng trong việc cải thiện trải nghiệm khách hàng và tăng cường bảo mật. Sinh trắc học, với khả năng nhận diện danh tính thông qua các đặc điểm sinh học như vân tay, khuôn mặt và giọng nói, không chỉ giúp tối ưu hóa quy trình giao dịch mà còn mang lại một lớp bảo mật vượt trội. Đây chính là chìa khóa để VAB đáp ứng kỳ vọng của khách hàng trong thời đại số hóa và củng cố lợi thế cạnh tranh trên thị trường.

Với định hướng chuyển đổi số toàn diện, VAB đã phát triển loạt giải pháp công nghệ thiết thực như: chương trình tiết kiệm linh hoạt, tính năng lì xì trên ứng dụng VAB, các dịch vụ thanh toán hóa đơn, đặt taxi, gửi hoa, cùng với phê duyệt tín dụng trực tuyến thông qua sản phẩm cho vay cầm cố sổ tiết kiệm... Tất cả góp phần giúp VAB bắt kịp xu hướng hiện đại, nâng cao lợi thế cạnh tranh và khẳng định vị thế trên thị trường tài chính – ngân hàng.

8.4.3. Vị thế của tổ chức đăng ký niêm yết trong ngành

8.4.3.1. Vị thế của tổ chức đăng ký niêm yết so với các ngân hàng khác trong ngành

Trải qua 22 năm xây dựng và phát triển, VAB đã cho thấy sự phát triển mạnh mẽ qua các năm. Đến năm 2025, VAB đã 9 năm liên tục lọt top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam, với năm 2024 đạt top 159/500 doanh nghiệp lớn nhất của Việt Nam.

VAB đã thiết lập một hệ thống dịch vụ toàn diện nhằm đáp ứng các nhu cầu đa dạng của khách hàng gồm dịch vụ ngân hàng bán buôn, ngân hàng bán lẻ, dịch vụ ngân hàng dành cho doanh nghiệp và các tổ chức khác, dịch vụ tài chính cá nhân. Đồng thời, VAB cũng phát triển các kênh giao dịch điện tử internet banking, mobile banking, hỗ trợ thanh toán hóa đơn và thanh toán qua các website bán hàng trên mạng trên thị trường Việt Nam.

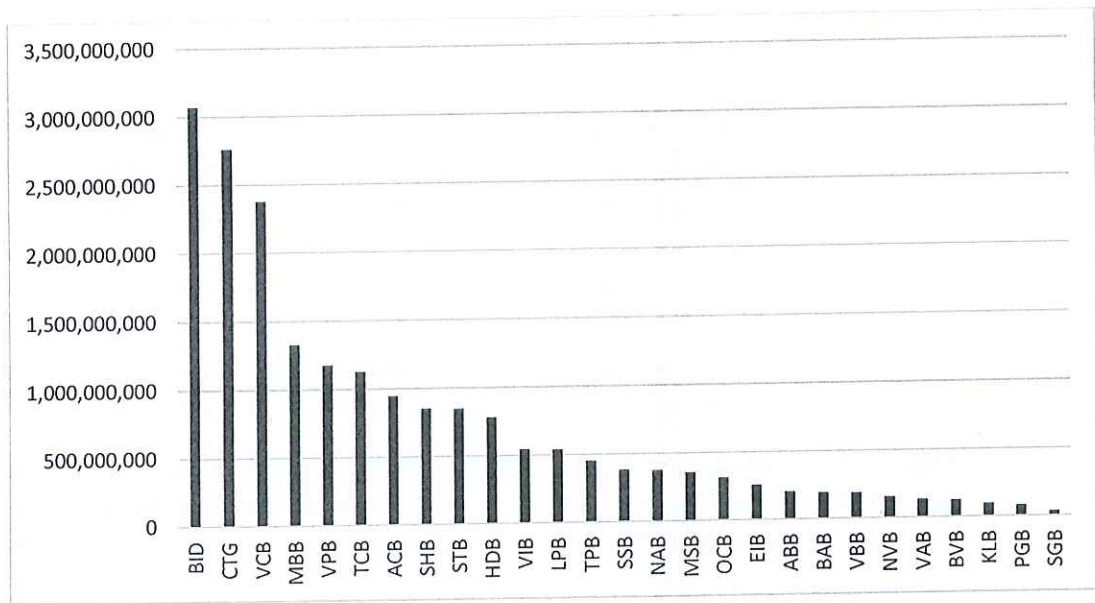
Xét về mặt quy mô, tại thời điểm 30/9/2025, VAB thuộc nhóm có quy mô nhỏ. Trong 27 ngân hàng niêm yết/đăng ký giao dịch tại Việt Nam, VAB đứng thứ 23/27 về quy mô tổng

tài sản.

Tại 30/9/2025, vốn chủ sở hữu của VAB đạt 9.691 tỷ đồng, đứng thứ 21 trong 27 ngân hàng niêm yết/đăng ký giao dịch. Về khả năng sinh lời, trong năm 2025 ROE tính theo phương pháp Trailing Twelve Months của VAB đạt 11,51% đứng thứ 21, ROA tính theo phương pháp Trailing Twelve Months đạt 0,83% đứng thứ 21 trong 27 ngân hàng niêm yết/đăng ký giao dịch.

Chi tiết thông tin Tổng tài sản các NHTM niêm yết/đăng ký giao dịch tại thời điểm 30/9/2025 như sau:

Hình 3: Tổng tài sản các Ngân hàng thương mại niêm yết/đăng ký giao dịch tại ngày 30/9/2025



Nguồn: Tổng hợp BCTC hợp nhất Quý 3/2025 của các ngân hàng

8.4.3.2. Triển vọng phát triển của ngành

Năm 2025, ngành ngân hàng Việt Nam đứng trước nhiều cơ hội và thách thức trong bối cảnh nền kinh tế đang dần hồi phục và ổn định sau những biến động của năm 2024. Theo báo cáo của VIS Rating, năng lực tín nhiệm của các ngân hàng Việt Nam được kỳ vọng sẽ cải thiện nhẹ, dẫn đầu bởi các ngân hàng quốc doanh (SOBs) và một số NHTM lớn. Môi trường kinh doanh dần được củng cố nhờ vào việc thúc đẩy đầu tư công, dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) ổn định và các chính sách pháp lý hỗ trợ từ Chính phủ.

Dữ liệu từ báo cáo cho thấy tỷ lệ hình thành nợ có vấn đề sẽ giảm xuống mức 2,2% vào năm 2025, từ mức 2,3% trong năm 2024, nhờ vào khả năng trả nợ của khách hàng cải thiện khi thu nhập kinh doanh và thị trường lao động ổn định hơn. Bên cạnh đó, tăng trưởng tín dụng dự kiến đạt 15–16%, hỗ trợ bởi nhu cầu vay vốn tăng trong các lĩnh vực sản xuất, thương mại, xây dựng và bất động sản. Trong khi đó, biên lãi ròng (NIM) cũng được dự báo sẽ tăng từ 5–10 điểm cơ bản, lên 3,5% trong năm 2025, nhờ vào chi phí vốn được kiểm soát tốt hơn.

Một điểm sáng trong triển vọng ngành Ngân hàng năm 2025 là sự cải thiện về chất lượng tài

sản. Theo dữ liệu của VIS Rating, tỷ lệ nợ xấu được kỳ vọng sẽ giảm nhờ vào việc kiểm soát tốt hơn danh mục cho vay và khả năng xử lý nợ hiệu quả hơn từ các ngân hàng lớn. Chính phủ cũng đang thực hiện nhiều chính sách nhằm giải quyết các vấn đề pháp lý liên quan đến tài sản thế chấp và quyền lợi của ngân hàng, từ đó giúp các TCTD giảm bớt rủi ro pháp lý khi xử lý nợ.

Tuy nhiên, vẫn còn những rủi ro tiềm ẩn trong ngành, đặc biệt là rủi ro liên quan đến bất động sản. Một số ngân hàng nhỏ và vừa có tỷ lệ khoản vay cao dành cho các nhà phát triển bất động sản gặp khó khăn. Điều này có thể gây áp lực lên chất lượng tài sản của họ, trong khi các ngân hàng lớn có lợi thế hơn khi tập trung vào cho vay doanh nghiệp sản xuất và thương mại.

Về khả năng sinh lời và chiến lược kinh doanh: Lợi nhuận toàn ngành ngân hàng năm 2025 được dự báo sẽ cải thiện nhẹ, với tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản (ROAA) tăng từ 1,55% lên 1,60%. Sự tăng trưởng này đến từ: Biên lãi ròng mở rộng, giúp ngân hàng cải thiện thu nhập từ hoạt động tín dụng; Tỷ lệ NIM dự kiến đạt 3,5%, cao hơn so với mức 3,4% năm 2024; Doanh thu ngoài lãi tăng nhẹ, nhờ vào kinh doanh trái phiếu, thu hồi nợ và bán bảo hiểm. Tổng doanh thu từ các nguồn thu ngoài lãi chiếm từ 5–7% so với năm trước; Chi phí tín dụng giảm, đặc biệt là ở nhóm SOBs và ngân hàng lớn, khi chất lượng tài sản được nâng cao. Tỷ lệ bao phủ nợ xấu toàn ngành dự kiến đạt 120–130%, đảm bảo an toàn tài chính.

Một xu hướng đáng chú ý là các ngân hàng sẽ đẩy mạnh phát hành trái phiếu cấp 2 để tăng vốn, đặc biệt là thu hút từ tổ chức và cá nhân. Theo báo cáo, lượng phát hành trái phiếu cấp 2 của ngành ngân hàng năm 2025 có thể đạt 100–120 nghìn tỷ đồng, tăng khoảng 15% so với năm trước. Điều này giúp tăng cường khả năng thanh khoản và duy trì mức vốn tối ưu, đặc biệt trong bối cảnh cạnh tranh huy động tiền gửi ngày càng gay gắt.

Bên cạnh đó, hoạt động kinh doanh số và chuyển đổi số tiếp tục đóng vai trò quan trọng. Các ngân hàng đang đầu tư mạnh vào nền tảng số để tăng khả năng tiếp cận khách hàng, giảm chi phí vận hành và nâng cao hiệu quả hoạt động. Dự báo, tỷ lệ giao dịch ngân hàng số sẽ chiếm trên 70% tổng giao dịch vào cuối năm 2025.

VIS Rating cũng nhận định, nguồn vốn và thanh khoản của ngành ngân hàng dự kiến vẫn ổn định nhờ vào việc đẩy mạnh huy động vốn dài hạn. Tuy nhiên, một số ngân hàng quy mô nhỏ vẫn có thể đối mặt với áp lực thanh khoản cao do phụ thuộc nhiều vào nguồn vốn từ thị trường ngắn hạn. Việc các ngân hàng lớn có nền tảng số mạnh sẽ giúp họ thu hút được dòng tiền gửi chi phí thấp, từ đó có lợi thế hơn trong việc duy trì thanh khoản ổn định.

Tỷ lệ cho vay trên tiền gửi (LDR) toàn ngành dự kiến duy trì ở mức hợp lý, giúp các ngân hàng cân bằng giữa tăng trưởng tín dụng và đảm bảo nguồn vốn dồi dào. Tuy nhiên, những ngân hàng có danh mục đầu tư trái phiếu quá lớn cần cân nhắc rủi ro về lãi suất, đặc biệt trong trường hợp áp lực tỷ giá tăng cao có thể khiến chi phí vốn trở nên đắt đỏ hơn.

Các chuyên gia kinh tế cũng cho rằng, triển vọng ngành ngân hàng Việt Nam năm 2025 có nhiều yếu tố tích cực nhờ vào nền kinh tế phục hồi, chính sách hỗ trợ và chiến lược quản lý rủi ro hiệu quả từ các ngân hàng lớn. Tuy nhiên, vẫn còn những thách thức, đặc biệt là rủi ro từ bất động sản và áp lực thanh khoản ở một số ngân hàng nhỏ. Do đó, để duy trì tăng trưởng ổn định, các ngân hàng cần tập trung vào quản lý rủi ro, mở rộng danh mục đầu tư an toàn

và tối ưu hóa chi phí huy động vốn. Nhà đầu tư và các tổ chức tài chính cần theo dõi chặt chẽ những biến động trong môi trường kinh doanh, cũng như các chính sách của NHNN để có chiến lược thích ứng phù hợp trong giai đoạn tới.

8.4.3.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới

Trong bối cảnh nền kinh tế trong nước và thế giới đang chịu nhiều tác động tiêu cực tới hoạt động kinh doanh, quy định quản lý của NHNN ngày càng được thắt chặt để đảm bảo sự an toàn và hiệu quả của toàn hệ thống, nhu cầu của khách hàng ngày càng cao, áp lực cạnh tranh từ các đối thủ ngày càng lớn thì VAB với định hướng tăng trưởng bền vững thông qua nâng cao chất lượng danh mục tín dụng, quản trị và đẩy mạnh số hoá phù hợp với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung của thế giới.

8.4.3.4. Thị phần và khả năng cạnh tranh

Bảng 25: Thị phần tổng tài sản và dư nợ cho vay của VAB trong 9 tháng đầu năm 2025

Chỉ tiêu (hợp nhất tại ngày 30/9/2025)	Toàn ngành (tỷ đồng)	VAB (tỷ đồng)	Thị phần (%)
Tổng tài sản	19.707.654	134.614	0,68
Dư nợ cho vay (*)	13.396.551	85.811	0,64

Nguồn: Tổng hợp BCTC hợp nhất Quý 3/2025 của các ngân hàng niêm yết và đăng ký giao dịch

(*) Số liệu theo khoản mục cho vay khách hàng trên BCTC hợp nhất tại ngày 30/9/2025

Tại 30/9/2025, thị phần của VAB về tổng tài sản, dư nợ cho vay so với toàn hệ thống các ngân hàng niêm yết/đăng ký giao dịch lần lượt là 0,68% và 0,64%.

8.4.3.5. So sánh về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của các ngân hàng trong cùng ngành

Bảng 26: So sánh kết quả kinh doanh của VAB với một số ngân hàng khác

Đơn vị: tỷ đồng

Mã chứng khoán	Tại 30/9/2025				9 tháng đầu năm 2025	
	Vốn điều lệ	Vốn chủ sở hữu	Tiền gửi của khách hàng	Cho vay khách hàng	Tổng thu nhập hoạt động	Lợi nhuận sau thuế
VCB	83.557	222.792	1.611.967	1.595.934	53.185	26.565
MBB	80.550	133.091	788.030	917.699	48.165	18.480
VPB	79.339	159.545	585.833	879.072	52.238	16.236
TCB	70.649	179.431	595.087	756.078	38.596	18.975
BID	70.214	167.987	2.087.181	2.197.471	61.142	18.940

Mã chứng khoán	Tại 30/9/2025				9 tháng đầu năm 2025	
	Vốn điều lệ	Vốn chủ sở hữu	Tiền gửi của khách hàng	Cho vay khách hàng	Tổng thu nhập hoạt động	Lợi nhuận sau thuế
CTG	53.700	169.881	1.775.527	1.952.227	63.870	23.764
ACB	51.367	91.416	571.029	663.032	25.592	12.840
SHB	45.942	65.761	564.829	597.275	22.795	9.750
HDB	35.101	68.407	487.863	482.447	30.357	11.833
VIB	34.040	45.260	307.929	367.863	14.725	5.637
LPB	29.873	43.462	326.179	382.642	14.924	7.692
SSB	28.450	40.268	177.624	230.286	11.109	5.405
OCB	26.631	32.648	155.239	192.731	7.846	2.733
TPB	26.420	39.993	260.246	292.020	13.623	4.837
MSB	26.000	40.556	183.398	201.882	10.197	3.777
STB	18.852	62.705	641.102	590.506	24.362	8.692
EIB	18.688	26.541	176.165	179.020	5.448	1.609
NAB	17.157	22.267	193.656	195.580	7.588	3.042
NVB	11.780	6.745	119.326	93.642	2.263	652
ABB	10.350	15.838	118.712	105.873	5.266	1.846
BAB	10.032	12.774	130.419	123.815	2.725	655
VBB	8.210	9.353	100.830	103.780	1.162	690
VAB	8.164	9.691	97.984	85.811	2.008	840
BVB	6.408	7.382	69.622	75.912	2.087	349
KLB	5.822	7.724	70.898	69.853	3.550	1.228
PGB	5.000	6.362	44.375	43.804	1.699	397
SGB	3.388	4.286	25.943	20.296	865	209

Nguồn: BCTC kiểm toán Quý 3 năm 2025 của các ngân hàng công bố, MBS tổng hợp

8.5. Các dự án phát triển hoạt động kinh doanh đang thực hiện

Để thực hiện mục tiêu chiến lược đề ra, VAB đã và đang triển khai nhiều dự án nhằm phát triển hoạt động kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh và hiệu quả hoạt động phù hợp với các quy định hiện hành của NHNN và xu thế của các NHTM trong nước và trên thế giới, cụ thể một số dự án VAB đã và đang triển khai nhằm phát triển hoạt động kinh doanh giai đoạn 2023 – 2025 như sau:

Bảng 27: Dự án đã và đang triển khai của VAB trong giai đoạn 2023-2025

Tên Dự án	Đánh giá ảnh hưởng của các dự án tới hoạt động kinh doanh của VAB	Thời gian triển khai dự án
Dự án thu hộ cho khách hàng không dùng tiền mặt với Trường Trung cấp Á Châu, CTCP Chứng khoán DNSE, CTCP chứng khoán Quốc Gia, Công ty bảo hiểm, Công ty Bảo hiểm Hùng Vương, Công ty vận tải Đường sắt Việt Nam...	Cung cấp giải pháp cho khách hàng, góp phần mở rộng hệ sinh thái khách hàng, tăng doanh thu dịch vụ và nâng cao vị thế của VAB trong lĩnh vực thanh toán số.	Trong năm 2024
Dự án nâng cấp ngân hàng điện tử đáp ứng Thông tư 17/2024/TT-NHNN (Thông tư 17)	Dự án nâng cấp ngân hàng điện tử đáp ứng Thông tư 17 là dự án của ngân hàng nhằm điều chỉnh, hoàn thiện hệ thống ngân hàng điện tử (Internet Banking, Mobile Banking,...) để tuân thủ các yêu cầu bảo mật, an toàn giao dịch theo Thông tư 17 do NHNN ban hành. Dự án giúp gia tăng uy tín và niềm tin khách hàng, từ đó thúc đẩy sử dụng dịch vụ số, tăng cường năng lực cạnh tranh với các ngân hàng số hiện đại và đồng thời giảm thiểu rủi ro pháp lý và rủi ro vận hành.	Tháng 12 năm 2024
Dự án thu thập sinh trắc học KHDN	Dự án nhằm đáp ứng quy định của NHNN, tăng tính an toàn, giảm rủi ro pháp lý trong giao dịch doanh nghiệp và tạo nền tảng để chuyển đổi số dịch vụ ngân hàng doanh nghiệp.	Đang triển khai chậm nhất tháng 7 năm 2025
Dự án thẻ tín dụng KHDN	Dự án thẻ tín dụng KHDN là dự án ngân hàng triển khai nhằm cung cấp sản phẩm thẻ tín dụng dành riêng cho doanh nghiệp với mục đích hỗ trợ các giao dịch chi tiêu, thanh toán phục vụ hoạt động kinh doanh.	Đang triển khai chậm nhất tháng 9 năm 2025
Dự án triển khai nâng cấp Corebanking với phiên bản Oracle 14.7	Dự án góp phần nâng cao hiệu suất hoạt động của ngân hàng thông qua khả năng xử lý giao dịch nhanh chóng, chính xác và ổn định hơn. Đồng thời, hệ thống được nâng cấp với các tiêu chuẩn bảo mật cao, đảm bảo an toàn dữ liệu và bảo vệ thông tin khách hàng tối đa. Ngoài ra, hệ thống linh hoạt cho phép ngân hàng dễ dàng tích hợp và triển khai các dịch vụ mới trong tương lai, hỗ trợ chiến lược phát triển dài hạn và chuyển đổi số toàn diện.	Tháng 6 năm 2023
Dự án triển khai Thẻ tín dụng nội địa	Dự án giúp ngân hàng mở rộng danh mục sản phẩm thanh toán, cung cấp các lựa chọn đa dạng cho khách hàng trong nước, đáp ứng nhu cầu giao dịch ngày càng tăng. Đồng thời, ngân hàng sẽ tạo ra nguồn thu mới từ phí sử dụng thẻ và lãi suất từ các khoản thanh toán chưa hoàn tất, góp phần gia tăng doanh thu. Hơn	Tháng 8 năm 2023

	nữa, dự án cũng giúp ngân hàng tăng cường khả năng cạnh tranh trực tiếp với các đối thủ trong thị trường thẻ nội địa, khẳng định vị thế và thu hút thêm khách hàng.	
Dự án nâng cấp hệ thống Thẻ Way4	Dự án nâng cấp hệ thống giúp ngân hàng nâng cao hiệu quả quản lý thẻ, giảm thiểu rủi ro và đảm bảo an toàn giao dịch. Đồng thời, việc cải thiện dịch vụ thẻ mang lại trải nghiệm người dùng tốt hơn, gia tăng sự hài lòng và trung thành của khách hàng. Hệ thống mới cũng tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển và quản lý các sản phẩm thẻ mới.	Tháng 12/2024 Tháng 03/2025
Ứng dụng thẻ căn cước công dân gắn chip điện tử để xác thực khách hàng mở TKTT trên kênh ngân hàng số (app Mobile và Internet Banking) theo Đề án 06.	Dự án giúp ngân hàng tuân thủ đầy đủ các quy định của NHNN, đồng thời nâng cao hiệu quả xác thực khách hàng, tăng cường độ tin cậy trong quy trình nhận diện và xác thực. Việc này cũng thúc đẩy quá trình chuyển đổi ngân hàng truyền thống sang ngân hàng số, giúp ngân hàng tiếp cận nhanh chóng và hiệu quả hơn với xu hướng số hóa. Bên cạnh đó, dự án còn giúp giảm thiểu chi phí và thời gian liên quan đến việc lập hồ sơ giấy tờ cho khách hàng, tối ưu hóa quy trình và nâng cao hiệu quả vận hành.	Tháng 5/2024
Triển khai Data Warehouse, BI, báo cáo quản trị MIS và tiếp tục phát triển kho dữ liệu và hoàn thiện báo cáo.	Dự án đóng vai trò quan trọng trong việc phục vụ công tác quản lý và điều hành kinh doanh của ngân hàng. Việc tập trung và chuẩn hóa dữ liệu giúp nâng cao hiệu quả quản lý, hỗ trợ phân tích nhanh chóng và đưa ra quyết định kịp thời. Đồng thời, hệ thống còn cải thiện khả năng phân tích quản trị, từ đó xây dựng các chiến lược kinh doanh chính xác và phù hợp với từng giai đoạn phát triển. Bên cạnh đó, dữ liệu vận hành được khai thác hiệu quả cũng góp phần tối ưu hóa hoạt động, giúp ngân hàng nâng cao năng suất và chất lượng dịch vụ.	Bắt đầu triển khai từ tháng 11/2024, năm 2025 tiếp tục phát triển kho dữ liệu và hoàn thiện báo cáo
Triển khai Phòng chống rửa tiền AML.	Giúp cho VAB phát hiện và ngăn chặn rủi ro giao dịch cấm vận và khách hàng đen của tổ chức cũng như NHNN.	Tháng 4/2025
Dự án Ngân hàng số hợp kênh Omni Channel dành cho KHCN	Dự án góp phần nâng cao trải nghiệm khách hàng đa kênh khi cho phép người dùng dễ dàng giao dịch và tương tác với ngân hàng qua nhiều nền tảng khác nhau một cách liền mạch. Việc chuyển đổi linh hoạt giữa các kênh giúp tăng cường mức độ tiện lợi và sự hài lòng của khách hàng. Qua đó, ngân hàng không chỉ nâng cao chất lượng dịch vụ mà còn tạo ra lợi thế cạnh tranh vượt trội, thu hút và giữ chân khách hàng hiệu quả hơn so với các đối thủ chưa triển khai	Đang triển khai, dự kiến ra mắt bản đầu tiên vào tháng 07/2025

	mô hình dịch vụ tương tự.	
Dự án Omni Channel dành cho KHDN	Dự án hướng tới mục tiêu mang Ngân hàng đến gần khách hàng mọi lúc mọi nơi, giúp KHDN truy cập thông tin và chủ động thực hiện giao dịch, quản lý tài chính một cách chính xác, nhanh chóng và an toàn.	Đang triển khai chậm nhất đến hết 06/2026
Triển khai Sổ phụ điện tử trên kênh Internet banking dành cho KHDN	Dự án nhằm tối ưu hóa chi phí hoạt động, nâng cao hiệu quả nghiệp vụ, cải thiện trải nghiệm và tăng cường sự gắn kết của khách hàng, đáp ứng nhu cầu của KHDN hiện hữu và trong tương lai	Đang triển khai chậm nhất đến hết tháng 9/2025
Xây dựng phần mềm kinh doanh tiền tệ	Chương trình Quản lý kinh doanh tiền tệ (QLKDDT) đã được áp dụng triển khai thực tế tại VAB. Việc nhập liệu trực tiếp trên phân hệ, thay thế phương pháp nhập liệu thủ công trên excel đã giúp rút ngắn thời gian xử lý giao dịch, hạn chế rủi ro sai sót trong quá trình tác nghiệp, thuận lợi trong công tác kiểm kê, đối chiếu, kiểm soát giao dịch hàng ngày.	Tháng 6/2025 đã hoàn thành giai đoạn 3 trong 4 giai đoạn của dự án.
Dự án ILOS	Dự án nhằm thiết lập các quy trình phê duyệt hồ sơ vay đối với sản phẩm vay cầm cố sổ dư sổ tiết kiệm và các sản phẩm thông thường khác. Cho phép thực hiện trình duyệt và phê duyệt các hồ sơ tín dụng.	Tháng 6/2025 đã hoàn thành triển khai toàn bộ các sản phẩm tín dụng lên hệ thống iLOS
Dự án Xây dựng giải pháp chấm điểm A-score dành cho KHCN (Đối tác NICE)	Dự án nhằm giúp lựa chọn chính xác KH hơn, loại bỏ KH có nguy cơ cao nợ xấu, nhận diện và chọn lọc KH tốt cho tăng trưởng và nâng cao năng lực quản lý rủi ro tín dụng, tối ưu hóa chiến lược cấp tín dụng. Đồng thời, giúp giảm SLA thẩm định, ứng xử phê duyệt tương ứng phân loại mức độ rủi ro, góp phần từng bước giảm chi phí vận hành, từng bước tăng hiệu suất xử lý hồ sơ, hỗ trợ cho triển khai mở rộng quy mô tín dụng phân khúc KHCN, tiến tới tự động hóa quy trình ETE. Nâng cao trải nghiệm của KH: Có cơ sở để rút ngắn SLA xử lý hồ sơ vay vốn, nâng cao trải nghiệm KH nhờ tích hợp mô hình và giải pháp chấm điểm vào quy trình xét duyệt. loại mức độ rủi ro, góp phần từng bước giảm chi phí vận hành.	Đang triển khai chậm nhất tháng 11/2025

8.6. Chiến lược kinh doanh

❖ Tổng quan chiến lược

Trong điều kiện Quốc hội và Chính phủ thúc đẩy tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững trong dài hạn. Dự kiến Tổng phương tiện thanh toán ước tăng khoảng 14% - 15%, GDP năm 2025 dự kiến 8%/năm. Tăng trưởng tín dụng dự kiến tăng khoảng 16% cho cả nền

kinh tế. Ngành ngân hàng tiếp tục là trụ cột của nền kinh tế với tính cạnh tranh đang gia tăng, xu hướng chung của ngành trong những năm tới tập trung:

- Tăng vốn chủ sở hữu, vốn điều lệ nhằm đảm bảo các hệ số an toàn vốn, các chỉ tiêu an toàn hoạt động của Ngân hàng.
- Cung cấp và nâng cao thị phần các dịch vụ ngân hàng trực tuyến, digital banking.
- Nâng cao chất lượng dịch vụ và trải nghiệm khách hàng.
- Các NHTM nhỏ tiếp tục phải nâng cao chất lượng tài sản, nguồn vốn để đạt các chuẩn về an toàn. Các ngân hàng có quy mô lớn về vốn và tài sản tăng cường năng lực tài chính, đầu tư và củng cố năng lực quản trị hệ thống, an toàn hoạt động.

Với những tác động vĩ mô của nền kinh tế, mục tiêu trở thành ngân hàng có uy tín và năng suất lao động cao nhất. Chiến lược của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Á tập trung nguồn lực định hướng kinh doanh theo một số trọng tâm:

- Đảm bảo an toàn hoạt động, quản trị rủi ro tuân thủ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và khẩu vị rủi ro thận trọng của Ngân hàng. Tiếp tục duy trì tỷ lệ nợ xấu ở mức thấp luôn kiểm soát dưới 3%.
- Sau khi nâng cấp hệ thống Ngân hàng lõi năm 2023 và vận hành ổn định, tiếp tục thực hiện chuyển đổi số mạnh mẽ, liên kết đối tác để triển khai đa dạng hơn nữa các dịch vụ digital banking và nâng cao trải nghiệm khách hàng.
- Gia tăng tỷ lệ Casa trên tổng tiền gửi khách hàng thông qua phát triển các sản phẩm mới hấp dẫn hơn, kết nối chặt chẽ hơn với các đối tác chiến lược để tận dụng hệ sinh thái của khách hàng qua đó đẩy mạnh Casa.
- Tiếp nối xu hướng đa dạng hóa nguồn thu nhập của ngân hàng của năm 2023 2024, VAB tiếp tục gia tăng tỷ lệ thu ngoài lãi trên tổng thu nhập đảm bảo phát triển bền vững trong dài hạn.
- Đa dạng hóa danh mục tín dụng gia tăng tỷ lệ cho vay khách hàng cá nhân và khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ nhưng vẫn đảm bảo duy trì khẩu vị rủi ro thận trọng đồng thời nâng cao tỷ lệ biên lợi nhuận toàn Ngân hàng.

Trong ngắn hạn năm 2025, VAB chủ động thực hiện các giải pháp tăng vốn điều lệ và phát hành trái phiếu dài hạn đảm bảo đủ vốn dài hạn và đầy đủ nguồn lực để đầu tư Chuyển đổi số mạnh mẽ, gia tăng thêm sản phẩm và các tính năng sản phẩm của Ngân hàng. Cụ thể vốn điều lệ tăng 6.182 tỷ đồng từ 3 nguồn phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, phát hành cổ phiếu chào bán cho người lao động, phát hành cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu, nâng tổng vốn điều lệ của VAB lên mức 11.582 tỷ đồng.

Tổng tài sản, dư nợ tín dụng, tiền gửi khách hàng tiếp tục tăng trưởng bền vững trong năm 2025. Lợi nhuận tăng trưởng 20,3% dựa trên nỗ lực đẩy mạnh thu ngoài lãi và gia tăng tỷ lệ Casa trên tổng huy động vốn.

Bảng 28: Kế hoạch kinh doanh năm 2025 của VAB

DVT: tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2024	Kế hoạch 2025	Tăng trưởng	% tăng trưởng
1	Tổng tài sản	119.832	128.381	8.549	7,10%
2	Tiền gửi khách hàng và phát hành giấy tờ có giá	92.434	101.007	8.573	9,30%
3	Dư nợ tín dụng (*)	79.916	88.110	8.194	10,30%
4	Lợi nhuận trước thuế	1.086	1.306	220	20,30%
5	Vốn điều lệ	5.400	11.582	6.182	114,50%
6	Tỷ lệ nợ xấu	1,37%	<3%		

Nguồn: VAB

(*) dư nợ tín dụng theo phê duyệt chấp thuận của NHNN trong năm 2025.

❖ Nguồn vốn và nguồn lực dự kiến cho chiến lược kinh doanh

- Nguồn vốn đảm bảo thực hiện kế hoạch kinh doanh đến từ kế hoạch tăng vốn điều lệ, kế hoạch tăng trưởng tiền gửi khách hàng và phát hành giấy tờ có giá, bao gồm phát hành trái phiếu dài hạn.
- Nguồn lực triển khai: bao gồm nguồn nhân lực được đào tạo bài bản và quá trình đào tạo liên tục là bắt buộc vừa nâng cao năng suất lao động đồng thời gia tăng tính gắn kết đội ngũ với Ngân hàng. Đồng thời với đó là việc phát triển kênh digital banking hướng đến tệp khách hàng trẻ, năng động.
- Đối tác chiến lược trải rộng từ tổ chức nhà nước, tổ chức đơn vị sự nghiệp, đến các công ty tài chính, công ty chứng khoán đều đang đồng hành cùng VAB trên chặng đường của họ.
- Công nghệ và đổi mới sáng tạo được ưu tiên đẩy mạnh liên tục trong những năm gần đây với hàng chục cải tiến được đi vào thực tiễn, các ứng dụng và nền tảng giao dịch cho khách hàng được cải tiến mạnh trong năm 2023 – 2024 và tiếp tục được nâng cấp trong các năm tiếp theo
- Văn hóa tổ chức đề cao tính kỷ luật tuân thủ nhưng vẫn cởi mở, hỗ trợ và đề cao tính hiệu quả.

9. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông

9.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của VAB tại thời điểm 30/9/2025

[Phần còn lại của trang này được cố ý bỏ trống]

Bảng 29: Danh sách cổ đông lớn nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết

Tên cổ đồng	Quốc tịch	Năm thành lập/ Năm sinh	Số ĐKDN	Địa chỉ trụ sở chính	Vốn điều lệ	Người đại diện theo pháp luật, chức vụ	Người đại diện theo ủy quyền tại VAB (Chức vụ)	Sở hữu của người có liên quan			Lợi ích liên quan đối với Tổ chức đăng ký niêm yết
								Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu/VĐL	Tỷ lệ sở hữu/VĐL	
CTCP TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ VIỆT PHƯƠNG	Việt Nam	1996	0100237852	Tầng 6 Tòa nhà Samsora Premier 105 Chu Văn An, Phường Hà Đông, TP. Hà Nội, Việt Nam	11.000 tỷ đồng	Phương Minh Huệ, Chức vụ: Tổng Giám đốc	Phương Minh Huệ Chức vụ: Tổng Giám đốc	73.951.760	9,06%	43.162.889 5,29%	Không có
Tổng cộng								73.951.760	9,06%	43.162.889 5,29%	

Nguồn: Danh sách cổ đông chốt tại ngày 30/9/2025 của VAB

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

9.2. Chi tiết số lượng cổ phần nắm giữ của người có liên quan của cổ đông lớn tại thời điểm ngày 30/9/2025

Bảng 30: Số lượng cổ phần nắm giữ của người có liên quan của cổ đông lớn

TT	Tên người có liên quan	Cổ đông lớn có liên quan	Mối quan hệ với cổ đông lớn	Số cổ phần nắm giữ, Tỷ lệ sở hữu /vốn điều lệ	
				Số cổ phần nắm giữ (Cổ phần)	Tỷ lệ nắm giữ cổ phần (% vốn điều lệ)
1	Phương Hữu Việt	CTCP Tập Đoàn Đầu Tư Việt Phương	Chủ tịch VPG	37.119.267	4,55%
2	Lương Thị Linh	CTCP Tập Đoàn Đầu Tư Việt Phương	Chị dâu của ông Việt (Chủ tịch VPG)	1.935.780	0,24%
3	Nguyễn Thị Lan	CTCP Tập Đoàn Đầu Tư Việt Phương	Mẹ của bà Huệ (TGD VPG)	2.322.937	0,28%
4	Nguyễn Bá Phong	CTCP Tập Đoàn Đầu Tư Việt Phương	Anh chồng của bà Huệ (TGD VPG)	1.784.905	0,22%
TỔNG CỘNG				43.162.889	5,29%

Nguồn: Ngân hàng TMCP Việt Á

10. Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng

Tại thời điểm ngày lập bản cáo bạch này, thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc và các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng của VAB cụ thể như sau:

10.1. Hội đồng quản trị

Bảng 31: Danh sách Hội đồng Quản trị Ngân hàng TMCP Việt Á

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Phương Thành Long	Chủ tịch HĐQT	Tái bổ nhiệm ngày 28/4/2023
Ông Phan Văn Tới	Phó Chủ tịch HĐQT	Tái bổ nhiệm ngày 28/4/2023
Ông Trần Tiến Dũng	Thành viên HĐQT	Tái bổ nhiệm ngày 28/4/2023
Ông Nguyễn Hồng Hải	Thành viên HĐQT	Tái bổ nhiệm ngày 28/4/2023
Ông Lê Hồng Phương	Thành viên độc lập HĐQT	Bổ nhiệm ngày 28/4/2023
Ông Nguyễn Văn Trọng	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 26/4/2025
Ông Thái Nguyễn Hoàng Nhã	Thành viên độc lập HĐQT	Bổ nhiệm ngày 26/4/2025

Nguồn: Ngân hàng TMCP Việt Á

10.1.1. Ông Phương Thành Long - Chủ tịch HĐQT

Họ và tên : **Phương Thành Long**

Năm sinh : 1983

Quốc tịch : Việt Nam

Số CCCD : 027083000472, ngày cấp 24/7/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH

Trình độ học vấn, năng lực chuyên môn : Thạc sỹ kinh tế

Chức vụ đang nắm giữ tại : Chủ tịch HĐQT TCĐKNY

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : Không

Quá trình công tác :

Thời gian	Đơn vị công tác	Vị trí công tác
11/2009 – 04/2011	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương	Trợ lý quan hệ khách hàng doanh nghiệp
05/2011 – 07/2012	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương	Chuyên viên khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ
07/2012 – 01/2014	Ngân hàng TMCP Việt Á	Phó giám đốc VAB chi nhánh Hà Nội
02/2014 – 08/2014	Ngân hàng TMCP Việt Á	Phó giám đốc Trung tâm phê duyệt tín dụng VAB
02/2015 – 10/2015	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng – Vpbank	Giám đốc cao cấp QHKKH – Khối KHDN – VPBank
05/2016 – 12/2020	Công ty CP đầu tư và thương mại Trí Việt	Giám đốc
07/2017 – 02/2018	Công ty CP đầu tư và phát triển Sacom (nay là Công ty CP SAM Holdings)	Trưởng ban Tài chính Kế toán
03/2018 – 10/2020	Công ty CP SAM Holdings	Phó Tổng giám đốc
11/2020 – 01/2021	Ngân hàng TMCP Việt Á	Giám đốc Khối Quản trị rủi ro
01/2021 – 09/2021	Ngân hàng TMCP Việt Á	Phó TGD kiêm GD Khối Quản trị rủi ro
04/2021 – 09/2021	Ngân hàng TMCP Việt Á	Thành viên HĐQT
09/2021 – nay	Ngân hàng TMCP Việt Á	Chủ tịch HĐQT

Số cổ phần nắm giữ : 0 cổ phần

+ Sở hữu cá nhân : 0 cổ phần
 + Đại diện sở hữu : 0 cổ phần
 Sở hữu của người có liên quan :

Họ tên	Mối quan hệ	Cổ phần sở hữu (cổ phần)
Lương Thị Linh	Mẹ ruột	1.935.780

Lợi ích liên quan đối với VAB : Thù lao HĐQT năm 2023: 2.389.500.000 VND
 Thù lao HĐQT năm 2024: 2.382.000.000 VND
 Thù lao HĐQT 6 tháng đầu năm 2025:
 1.537.000.000 VND

Các khoản nợ đối với VAB tại thời : 117.225.407 VND (Thẻ tín dụng)
 điểm 30/6/2025

10.1.2. Ông Phan Văn Tới - Phó Chủ tịch HĐQT

Họ và tên : **Phan Văn Tới**
 Năm sinh : 1957
 Quốc tịch : Việt Nam
 Số CCCD : 079057007177, ngày cấp 22/12/2021
 Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH
 Trình độ học vấn, năng lực chuyên môn : Cử nhân kinh tế
 Chức vụ đang nắm giữ tại TCDKNY : Phó Chủ tịch HĐQT
 Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : Chủ tịch HĐQT – Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Phát Triển Công Nghiệp – Thương Mại Củ Chi
 Thành viên HĐQT – Công ty CP Chế Biến Thực Phẩm Hóc Môn
 Chủ tịch HĐQT – Công ty CP Xây dựng Phát triển Tây Bắc

Quá trình công tác :

Thời gian	Đơn vị công tác	Vị trí công tác
1978 - 1979	Trạm xăng dầu số 10 (Công ty xăng dầu Thành phố)	Nhân viên
1979 - 1984	Công Ty Vật Tư Tổng Hợp Huyện Củ Chi	Phó phòng kế toán

1984 - 1987	Công Ty Vật Tư Tổng Hợp Huyện Củ Chi	Phó giám đốc
1987 - 2002	Công Ty Vật Tư Tổng Hợp	Giám đốc
2002 - 2019	Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Phát Triển Công Nghiệp – Thương Mại Củ Chi	Tổng Giám đốc
2019 – nay	Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Phát Triển Công Nghiệp – Thương Mại Củ Chi	Chủ tịch HĐQT
2019 - nay	Công Ty CP Chế Biến Thực Phẩm Hóc Môn	Thành viên HĐQT
2021 - nay	Công Ty CP Xây Dựng Phát Triển Tây Bắc	Chủ tịch HĐQT
2011 – nay	Ngân hàng TMCP Việt Á	Phó chủ tịch HĐQT

Số cổ phần nắm giữ : 0 cổ phần

+ Sở hữu cá nhân : 0 cổ phần

+ Đại diện sở hữu : 0 cổ phần

Sở hữu của người có liên quan :

Họ tên	Mối quan hệ	Cổ phần sở hữu (cổ phần)
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Phát Triển Công Nghiệp - Thương Mại Củ Chi	Chủ tịch HĐQT	8.160.206

Lợi ích liên quan đối với VAB : Thù lao HĐQT năm 2024: 824.000.000 VND

Thù lao HĐQT năm 2023: 820.500.000 VND

Thù lao HĐQT 6 tháng đầu năm 2025: 479.500.000 VND

Các khoản nợ đối với VAB tại thời điểm 30/6/2025 : Không có

10.1.3. Ông Trần Tiến Dũng – Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên : **Trần Tiến Dũng**

Năm sinh : 1962

Quốc tịch : Việt Nam

Số CCCD : 024062012429, ngày cấp 04/7/2022

Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH

Trình độ học vấn, năng lực chuyên môn : Cử nhân Luật học và Kỹ sư điều khiển tàu biển

Chức vụ đang nắm giữ tại : Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc, TCĐKNY

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : Thành viên HĐQT - Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và khai thác tài sản – VAB

Quá trình công tác :

Thời gian	Đơn vị công tác	Vị trí công tác
12/1987 – 03/1993	Công ty cổ phần vận tải và thuê tàu biển Việt Nam	Nhân viên
03/1993 -06/1996	Công ty liên doanh dầu khí Việt - Xô	Nhân viên
06/1996 – 10/2008	Công ty liên doanh vận tải biển Việt – Pháp	Phụ trách pháp chế
11/2008 – 11/2012	Công ty cổ phần Gemadept	Phụ trách pháp chế.
12/2012 – 06/2013	Ngân hàng TMCP Việt Á	Phó giám đốc phụ trách phòng Hành chính quản trị - Trụ sở chính
06/2013 – 06/2018	Ngân hàng TMCP Việt Á	Giám đốc Phòng xử lý nợ có vấn đề
04/2019 – 04/2022	Công ty CP Bảo hiểm Hùng Vương	Thành viên HĐQT
04/2022 - nay	Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và khai thác tài sản – VAB	Thành viên HĐQT
06/2018 - nay	Ngân hàng TMCP Việt Á	Phó Tổng giám đốc
06/2018 – nay	Ngân hàng TMCP Việt Á	Thành viên HĐQT

Số cổ phần nắm giữ : 8.304.503 cổ phần

+ Sở hữu cá nhân : 8.304.503 cổ phần

+ Đại diện sở hữu : 0 cổ phần

Sở hữu của người có liên quan : Không có

Lợi ích liên quan đối với VAB : Thù lao HĐQT năm 2024: 521.000.000 VND

Tiền lương Phó Tổng Giám đốc năm 2024:
1.288.108.000 VND

Thù lao HĐQT năm 2023: 528.000.000 VND
Tiền lương Phó Tổng Giám đốc năm 2023:
1.293.545.000 VND

Thù lao HĐQT và tiền lương Phó Tổng Giám

độc 6 tháng đầu năm 2025: 988.348.000 VND

Các khoản nợ đối với VAB tại thời : 23.482.160 VND (Thẻ tín dụng)
điểm 30/6/2025

10.1.4. Ông Nguyễn Hồng Hải - Thành viên HĐQT

Họ và tên : Nguyễn Hồng Hải

Năm sinh : 1960

Quốc tịch : Việt Nam

Số CCCD : 031060017621, ngày cấp 18/12/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH

Trình độ học vấn, năng lực chuyên : Kỹ sư kinh tế vận tải
môn

Chức vụ đang nắm giữ tại : Thành viên HĐQT
TCĐKNY

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức : Chủ tịch HĐQT, Giám đốc Công ty Quản lý nợ
và khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Việt Á
(AMC – VAB)

Quá trình công tác :

Thời gian	Đơn vị công tác	Vị trí công tác
02/1983 – 06/1986	Ga Vật Cách – tuyến đường sắt Hà Nội – Hải Phòng – Tổng Công ty đường sắt Việt Nam	Nhân viên
06/1986 – 06/1992	Công ty dịch vụ du lịch Đường sắt Hà Nội	Chuyên viên phòng TCKT
06/1992 – 06/1994	Công ty dịch vụ du lịch Đường sắt Hà Nội	Chuyên viên phòng TCKT, Bí thư đoàn thanh niên Công ty
06/1994 – 08/1996	Công ty dịch vụ du lịch Đường sắt Hà Nội	Phó phòng TCKT, Bí thư đoàn Công ty
08/1996 – 03/1999	Công ty dịch vụ du lịch Đường sắt Hà Nội	Q.Trưởng phòng Tài chính-Kế hoạch, Bí thư đoàn Công ty
03/1999 – 09/2003	Công ty dịch vụ du lịch Đường sắt Hà Nội	Phó TGD kiêm trưởng phòng TCKT.
09/2003 – 02/2011	Công ty vận tải hàng hóa đường sắt	Trưởng phòng Tài chính kế toán -Kiểm thu
02/2011 – 03/2014	Công ty vận tải hàng hóa đường sắt	Kế toán trưởng Công ty
04/2014 – 12/2014	Tổng công ty đường sắt Việt	Phó trưởng Ban tài chính kế

	Nam	toán
01/2015 – 01/2016	Công ty TNHH một thành viên vận tải đường sắt Sài Gòn	Ủy viên HĐQT, kiêm Phó TGĐ Công ty
02/2016 – 09/2016	Công ty CP vận tải đường sắt Sài Gòn	Ủy viên HĐQT kiêm phó TGĐ Công ty
10/2016 – 12/2019	Công ty TNHH Capella Group	Phó TGĐ kiêm GD tài chính kế toán
11/2016 – 06/2020	Công ty CP Đầu tư và Phát triển Sacom	Thành viên HĐQT
02/2017 – 06/2020	Công ty CP đầu tư Infinity Group	Thành viên HĐQT, PTGD
06/2020 – 04/2023	Ngân hàng TMCP Việt Á	Thành viên HĐQT độc lập
04/2023 – nay	Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và khai thác tài sản VAB	Chủ tịch HĐQT, Giám đốc
04/2023 – nay	Ngân hàng TMCP Việt Á	Thành viên HĐQT

Số cổ phần nắm giữ : 0 cổ phần
 + Sở hữu cá nhân : 0 cổ phần
 + Đại diện sở hữu : 0 cổ phần
 Sở hữu của người có liên quan : Không có
 Lợi ích liên quan đối với VAB : Thù lao HĐQT năm 2024: 1.344.000.000 VND
 Thù lao HĐQT năm 2023: 1.345.500.000 VND
 Thù lao HĐQT 6 tháng đầu năm 2025: 787.000.000 VND
 Các khoản nợ đối với VAB tại thời điểm 30/6/2025 : Không có

10.1.5. Ông Lê Hồng Phương - Thành viên độc lập HĐQT

Họ và tên : **Lê Hồng Phương**
 Năm sinh : 1976
 Quốc tịch : Việt Nam
 Số CCCD : 037076003172, ngày cấp 09/12/2021
 Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH

Trình độ học vấn, năng lực chuyên môn : Cử nhân kinh tế

Chức vụ đang nắm giữ tại TCĐKNY : Thành viên độc lập HĐQT

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : Tổng Giám đốc – Cổ phần Quản lý quỹ Đầu tư
Đổi mới Sáng tạo Makara
Thành viên HĐQT – Công ty CP Newtechco Group

Quá trình công tác :

Thời gian	Đơn vị công tác	Vị trí công tác
08/1999 – 10/2001	Trường Đại học Quản lý và Kinh doanh Hà Nội	Giáo viên thỉnh giảng
10/2001 – 12/2002	Viện giáo dục và phát triển nguồn nhân lực quốc tế SYNectics	Giám đốc nhân sự
01/2003 – 03/2004	Công ty tư vấn BFC và KPMG	Trưởng nhóm
04/2004 – 10/2007	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	Thư ký HĐQT
11/2007 – 02/2009	Công ty quản lý Quỹ đầu tư Sài Gòn – Hà Nội (SHF)	Giám đốc phát triển kinh doanh
03/2009 – 04/2010	Ngân hàng TMCP Bảo Việt	Trợ lý Tổng Giám đốc
05/2010 -07/2010	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt	Trợ lý Tổng Giám đốc
07/2010 – 12/2010	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt	Phó Giám đốc Khối Phát triển Doanh nghiệp kiêm Trưởng phòng Công nghệ và Đào tạo
12/2010 – 08/2011	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt	Phó Giám đốc Khối Phát triển Doanh nghiệp kiêm Trưởng phòng nhân sự và Công nghệ
08/2011 – 07/2013	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt	Giám đốc Khối Phát triển Doanh nghiệp kiêm Trưởng phòng Nhân sự kiêm Phó Chủ tịch Hội đồng công nghệ
08/2013 – 09/2014	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Nhân sự kiêm Phó Chủ tịch Hội đồng Công nghệ
01/2015 – 07/2016	Ngân hàng TMCP Quốc Dân	Giám đốc chiến lược/Cố vấn cao cấp HĐQT
07/2016 – 02/2017	Ngân hàng TMCP Quốc Dân	Phó Tổng Giám đốc kiêm Phó trưởng ban Chiến lược và Phát triển Ngân hàng kiêm Chánh

		Văn phòng HĐQT kiêm Giám đốc Khối Vận hành
02/2017 – 07/2017	Ngân hàng TMCP Quốc Dân	Phó Tổng Giám đốc kiêm Phó trưởng ban Chiến lược và Phát triển ngân hàng kiêm Giám đốc Khối Vận hành
08/2017 – 05/2018	Ngân hàng TMCP Quốc Dân	Quyền Tổng Giám đốc
05/2018 – 06/2019	Ngân hàng TMCP Quốc Dân	Tổng Giám đốc kiêm thành viên HĐQT
09/2019 – 01/2021	Công ty CP BBGroup	Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT
02/2021 – 05/2021	Ngân hàng TMCP Kiên Long	Chủ tịch HĐQT
01/2021 – 12/2021	Ngân hàng TMCP Kiên Long	Thành viên HĐQT
08/2022 – 11/2023	Công ty CP Dược Phẩm SaKae	Chủ tịch HĐQT
08/2022 – 04/2023	Công ty CP Đầu tư Truth Việt Nam – Singapore	Tổng Giám đốc
01/2022 – nay	Công ty CP Newtechco Group	Tổng Giám đốc
12/2024 – nay	Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Đầu tư Đổi mới Sáng tạo Makara	Tổng Giám đốc
04/2023 – nay	Ngân hàng TMCP Việt Á	Thành viên độc lập HĐQT

Số cổ phần nắm giữ : 0 cổ phần

+ Sở hữu cá nhân : 0 cổ phần

+ Đại diện sở hữu : 0 cổ phần

Sở hữu của người có liên quan : Không có

Lợi ích liên quan đối với VAB : Thù lao HĐQT năm 2024: 1.115.250.000 VND

Thù lao HĐQT năm 2023: 0 VND

Thù lao HĐQT 6 tháng đầu năm 2025: 675.500.000 VND

Các khoản nợ đối với VAB tại thời điểm 30/6/2025 : 109.086.107 VND (Thẻ tín dụng)

10.1.6. Ông Nguyễn Văn Trọng – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Họ và tên : Nguyễn Văn Trọng

Năm sinh : 1970

Quốc tịch : Việt Nam

Số CCCD : 027070000024, ngày cấp 27/9/2021,
Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH

Trình độ học vấn, năng lực chuyên môn : Thạc sỹ Kinh tế

Chức vụ đang nắm giữ tại : Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc TCĐKNY

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức : Không khác

Quá trình công tác :

Thời gian	Đơn vị công tác	Vị trí công tác
07/1995 - 12/1996	Công ty TNHH Thăng Long Vàng	Kế toán tổng hợp
01/1997 - 05/1999	Công ty TNHH vận tải Thành Công	Kế toán trưởng
06/1999 - 06/2000	Công ty XNK May Anh Vũ	Kế toán trưởng
07/2000 - 04/2003	Công ty CP thương mại đầu tư Việt Phương	Kế toán
05/2003 - 02/2005	Công ty Phát triển kinh tế thanh niên Việt Nam	Kế toán
03/2005 - 03/2007	Công ty CP thương mại đầu tư Việt Phương	Kế toán
04/2007 - 02/2012	Tổng công ty Truyền thông đa phương tiện VTC	Phó ban kỹ thuật viễn thông
03/2012 - 12/2013	Công ty cổ phần dịch vụ kết nối số VTC	Kế toán trưởng
01/2014 - 10/2018	Tổng công ty Truyền thông đa phương tiện VTC	Phó ban tài chính
10/2018 – 01/2020	Công ty TNHH Capella Group/ Công ty Lecgroup/ Công ty HFC	Kế toán trưởng/ CT HĐQT
06/01/2020 - 01/05/2020	Khối Tài chính – Ngân hàng TMCP Việt Á	Phó Giám đốc phụ trách Khối Tài chính
01/02/2020 - 01/05/2020	Khối Tài chính – Ngân hàng TMCP Việt Á	Phó Giám đốc Khối Tài chính kiêm Phó Giám đốc Khối KHDN
01/05/2020 - 01/07/2020	Ngân hàng TMCP Việt Á	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Tài chính – Phụ trách Công tác kế toán VAB

01/07/2020 - 08/09/2021	Ngân hàng TMCP Việt Á	Phó Tổng Giám đốc phụ trách điều hành
08/09/2021 – 17/04/2025	Ngân hàng TMCP Việt Á	Quyền Tổng Giám đốc
17/04/2025 - nay	Ngân hàng TMCP Việt Á	Tổng Giám đốc
26/04/2025 - nay	Ngân hàng TMCP Việt Á	Thành viên HĐQT

Số cổ phần nắm giữ : 0 cổ phần

+ Sở hữu cá nhân : 0 cổ phần

+ Đại diện sở hữu : 0 cổ phần

Sở hữu của người có liên quan : Không có

Lợi ích liên quan đối với VAB : Thù lao HĐQT năm 2024: 0 VND

Tiền lương Tổng Giám đốc năm 2024:
3.735.744.000 VND

Thù lao HĐQT năm 2023: 0 VND

Tiền lương Tổng Giám đốc năm 2023:
2.845.354.000 VND

Thù lao HĐQT và tiền lương Tổng Giám đốc 6 tháng đầu năm 2025: 2.400.848.000 VND

Các khoản nợ đối với VAB tại : 103.192.443VND (Thẻ tín dụng)
thời điểm 30/6/2025

10.1.7. Ông Thái Nguyễn Hoàng Nhã – Thành viên độc lập HĐQT

Họ và tên : **Thái Nguyễn Hoàng Nhã**

Năm sinh : 1978

Quốc tịch : Việt Nam

Số CCCD : 089078027063, ngày cấp 09/6/2022

Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH

Trình độ học vấn, năng lực chuyên môn : Cử nhân Công nghệ Thông tin

Chức vụ đang nắm giữ tại TCDKNY : Thành viên độc lập HĐQT

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : Không có

Quá trình công tác :

Thời gian	Đơn vị công tác	Vị trí công tác
09/1999 – 02/2001	Trung tâm Phát triển Công nghệ Thông tin - CITD	Giảng viên, chuyên viên kỹ thuật
03/2001 – 03/2002	Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh	Quản trị hệ thống
04/2002 – 10/2024	Cisco Systems	Tư vấn kỹ thuật
10/2004 – 10/2005	Ngân hàng TMCP Đông Á	Trưởng phòng Cơ sở Hạ tầng
11/2005 – 10/2006	Ngân hàng TMCP Đông Á	Phó Giám đốc Trung tâm Điện toán
10/2006 – 09/2009	Ngân hàng TMCP Đông Á	Giám đốc Trung tâm Điện toán
09/2009 – 09/2011	Ngân hàng TMCP Đông Á	Giám đốc Trung tâm Điện toán kiêm Giám đốc Phòng Ngân hàng Điện tử
09/2011 – 04/2012	Ngân hàng TMCP Đông Á	Giám đốc Trung tâm Điện toán
01/2013 -12/2016	Ngân hàng TMCP Việt Á	Giám đốc Khối Công nghệ Thông tin
01/2017 – 10/2017	Ngân hàng TMCP Việt Á	Trợ lý Phó Chủ tịch HĐQT
10/2007 – 04/2025	Công ty TNHH Giải pháp Nền tảng Thông tin và Truyền thông - NT&T Solution	Giám đốc
06/2016 – 06/2022	TNC Group LLC	Giám đốc
07/2022 – 04/2025	TNC Tech Corp	Giám đốc
04/2025 – nay	Ngân hàng TMCP Việt Á	Thành viên độc lập HĐQT

Số cổ phần nắm giữ : 0 cổ phần

+ Sở hữu cá nhân : 0 cổ phần

+ Đại diện sở hữu : 0 cổ phần

Sở hữu của người có liên quan : Không có

Lợi ích liên quan đối với VAB : Thù lao HĐQT năm 2024: 0 VND

Thù lao HĐQT năm 2023: 0 VND

Thù lao HĐQT 6 tháng đầu năm 2025:
 202.000.000 VND

Các khoản nợ đối với VAB tại : Không có
 thời điểm 30/6/2025

10.2. Ban Kiểm soát

Bảng 32: Danh sách Ban Kiểm soát Ngân hàng TMCP Việt Á

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Nguyễn Kim Phụng	Trưởng Ban Kiểm soát	Bổ nhiệm ngày 28/4/2023
Ông Nguyễn Văn Thành	Thành viên Ban Kiểm soát	Bổ nhiệm ngày 28/4/2023
Ông Trần Ngọc Hải	Thành viên Ban Kiểm soát	Bổ nhiệm ngày 26/4/2024

Nguồn: Ngân hàng TMCP Việt Á

10.2.1. Bà Nguyễn Kim Phụng - Trưởng Ban Kiểm soát

Họ và tên : **Nguyễn Kim Phụng**
 Năm sinh : 1966
 Quốc tịch : Việt Nam
 Số CCCD : 089166002826 cấp ngày 07/10/2022
 Tại Cục Cảnh sát QLHC về TTXH
 Trình độ học vấn, năng lực : Cử nhân kinh tế chuyên môn
 Chức vụ đang nắm giữ tại : Trưởng Ban Kiểm soát TCDKNY
 Chức vụ đang nắm giữ tại tổ : Không chức khác
 Quá trình công tác :

Thời gian	Đơn vị công tác	Vị trí công tác
01/1987 – 08/1989	Ngân hàng Nhà nước huyện Châu Phú, tỉnh An Giang	Nhân viên tín dụng nông nghiệp
09/1989 – 11/1990	Ngân hàng Phát triển Nông nghiệp huyện Châu Phú, tỉnh An Giang	Phó phòng Nghiệp vụ kinh doanh
12/1990 – 02/1991	Ngân hàng Phát triển Nông nghiệp tỉnh An Giang	Nhân viên tín dụng
03/1991 -05/1996	Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn Chi	Kiểm soát viên Phòng Kiểm soát

	nhánh tỉnh An Giang	
06/1996 – 12/2002	- Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn tỉnh - Ngân hàng Phục vụ Người nghèo tỉnh An Giang	Phó phòng Kiểm soát Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn tỉnh kiêm Trưởng phòng Kiểm soát Ngân hàng Phục vụ Người nghèo tỉnh An Giang
01/2003 – 09/2007	Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh An Giang.	Trưởng phòng Kiểm tra, Kiểm toán nội bộ
10/2007 – 07/2010	Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh An Giang.	Trưởng phòng Kế hoạch – Nghiệp vụ
08/2010 – 06/2013	Ngân hàng TMCP Việt Á	Trưởng phòng Kiểm tra Kiểm soát nội bộ
07/2013 – 04/2015	Ngân hàng TMCP Việt Á	Trưởng phòng Kiểm toán nội bộ
05/2015 - nay	Ngân hàng TMCP Việt Á	Trưởng Ban Kiểm soát

Số cổ phần nắm giữ : 1.935 cổ phần

+ Sở hữu cá nhân : 1.935 cổ phần

+ Đại diện sở hữu : 0 cổ phần

Sở hữu của người có liên quan : Không có

Lợi ích liên quan đối với VAB : Thù lao năm 2023: 1.093.500.000 VND

Thù lao năm 2024: 1.294.000.000 VND

Thù lao 6 tháng đầu năm 2025: 747.000.000 VND

Các khoản nợ đối với VAB tại : 44.769.960 VND (Thẻ tín dụng)
thời điểm 30/6/2025

10.2.2. Ông Nguyễn Văn Thành – Thành viên Ban Kiểm soát

Họ và tên : Nguyễn Văn Thành

Năm sinh : 1986

Quốc tịch : Việt Nam

Số CCCD : 052086000159 cấp ngày 17/5/2023
tại Cục Cảnh sát QLHC về TTXH

Trình độ học vấn, năng lực : Cử nhân kinh tế
chuyên môn

Chức vụ đang nắm giữ tại : Thành viên Ban Kiểm soát
TCĐKNY

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ : Không
chức khác

Quá trình công tác :

Thời gian	Đơn vị công tác	Vị trí công tác
10/2012 – 07/2014	Ngân hàng TMCP Phát triển TP.Hồ Chí Minh	Kiểm toán viên
07/2014 – 07/2020	Ngân hàng TMCP Việt Á	Kiểm toán viên chính
08/2020 – 08/2022	Ngân hàng TMCP Phát triển TP.Hồ Chí Minh	Trưởng Kiểm toán Nội bộ Khu vực
09/2022 – 03/2023	Ngân hàng TMCP Việt Á	Phó Trưởng Kiểm toán Nội bộ
04/2023 - nay	Ngân hàng TMCP Việt Á	Thành viên Ban kiểm soát

Số cổ phần nắm giữ : 0 cổ phần

+ Sở hữu cá nhân : 0 cổ phần

+ Đại diện sở hữu : 0 cổ phần

Sở hữu của người có liên quan : Không có

Lợi ích liên quan đối với VAB : Thù lao năm 2023: 596.725.999 VND

Thù lao năm 2024: 736.000.000 VND

Thù lao 6 tháng đầu năm 2025: 417.500.000 VND

Các khoản nợ đối với VAB tại : Không có
thời điểm 30/6/2025

10.2.3. Ông Trần Ngọc Hải - Thành viên Ban Kiểm soát

Họ và tên : **Trần Ngọc Hải**

Năm sinh : 1982

Quốc tịch : Việt Nam

Số CCCD : 079082024261 cấp ngày 13/01/2022
Tại Cục Cảnh sát QLHC về TTXH

Trình độ học vấn, năng lực : Thạc sỹ chuyên ngành kinh tế
chuyên môn

Chức vụ đang nắm giữ tại : Thành viên Ban Kiểm soát
TCĐKNY

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ : Không
chức khác

Quá trình công tác :

Thời gian	Đơn vị công tác	Vị trí công tác
02/2008 – 07/2009	Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu VN – CN HCM	Chuyên viên Hỗ trợ tín dụng
01/2010 – 08/2010	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn – CN An Sương	Chuyên viên Quan hệ Khách hàng
10/2010 – 01/2011	Ngân hàng TMCP Việt Á	Chuyên viên Quan hệ Khách hàng
02/2011 – 09/2012	Ngân hàng TMCP Phát triển nhà TP.HCM	Kiểm toán viên nội bộ
10/2012 – 12/2014	Ngân hàng TMCP Phát triển nhà TP.HCM	Trưởng Kiểm toán Nội bộ Khu vực Miền Trung
01/2015 – 11/2016	Ngân hàng TMCP Việt Á	Trợ lý Tổng Giám đốc
12/2016 – 07/2018	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương tín	Phó Giám đốc Tín dụng cá nhân – Ban Dự án Corebanking
11/2018 – 06/2020	Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	Giám đốc kiểm toán nội bộ cấp 2
06/2020 – 12/2021	Ngân hàng TMCP Phát triển TP.HCM	Trưởng phòng KTNB
01/2022 – 05/2022	Ngân hàng TMCP Phát triển TP.HCM	Tổ phó Tổ soạn thảo chính sách (Ban Kiểm soát)
10/2022 – 03/2024	Ngân hàng TMCP Bản Việt	Phó Giám đốc Trung tâm thẩm định tín dụng tổ chức 2
04/2024 – nay	Ngân hàng TMCP Việt Á	Thành viên Ban Kiểm soát

Số cổ phần nắm giữ : 0 cổ phần

+ Sở hữu cá nhân : 0 cổ phần

+ Đại diện sở hữu : 0 cổ phần

Sở hữu của người có liên quan : Không có

Lợi ích liên quan đối với VAB : Thù lao năm 2023: 0 VND

Thù lao năm 2024: 461.500.000 VND

Thù lao 6 tháng đầu năm 2025: 382.650.000 VND

Các khoản nợ đối với VAB tại : 45.112.000 VND (Thẻ tín dụng)
 thời điểm 30/6/2025

10.3. Tổng Giám Đốc, Phó Tổng Giám Đốc và Kế Toán Trưởng

Bảng 33: Danh sách Tổng Giám Đốc, các Phó Tổng Giám Đốc và Kế Toán Trưởng

Ngân hàng TMCP Việt Á

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Văn Trọng	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 17/4/2025
Ông Trần Tiến Dũng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 26/6/2018
Ông Bùi Xuân Dũng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 07/10/2024
Ông Nguyễn Thành Công	Kế Toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 07/9/2021

Nguồn: Ngân hàng TMCP Việt Á

10.3.1. Ông Nguyễn Văn Trọng – Tổng giám đốc

Đã trình bày ở mục 10.1.6

10.3.2. Ông Trần Tiến Dũng – Phó Tổng giám đốc

Đã trình bày ở mục 10.1.3

10.3.3. Ông Bùi Xuân Dũng - Phó Tổng giám đốc

Họ và tên : **Bùi Xuân Dũng**

Năm sinh : 1976

Quốc tịch : Việt Nam

Số CCCD : 001076058388, ngày cấp 23/12/2022

Nơi cấp: Cục CSQLHC về TTXH

Trình độ học vấn, năng lực chuyên môn : Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Chức vụ đang nắm giữ tại TCDKNY : Phó Tổng Giám đốc

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : Không

Quá trình công tác :

Thời gian	Đơn vị công tác	Vị trí công tác
9/1997 - 3/2008	Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	Cán bộ tín dụng, Phó phòng Nguồn vốn, Phó phòng Tín dụng
3/2008 - 5/2008	Ngân hàng TMCP Đại Á	Quyền Giám đốc Chi nhánh Hà Nội, phụ trách vùng phía Bắc
5/2008 - 5/2014	Công ty Tài chính CP Điện Lực	Lần lượt: Trưởng phòng kế hoạch thị trường, Phó Tổng Giám đốc
5/2014 - 6/2020	Công ty Tài chính CP Điện Lực	Lần lượt: Tổng Giám đốc, Phó Chủ tịch HĐQT

6/2020 - 10/2024	Công ty CP đầu tư GOPAL/ Công ty TNHH SEACO Việt Nam	Chủ tịch HĐQT/Chủ tịch HĐQT Thành viên
10/2024 – Nay	Ngân hàng TMCP Việt Á	Phó Tổng Giám đốc

Số cổ phần nắm giữ : 0 cổ phần

+ Sở hữu cá nhân : 0 cổ phần

+ Đại diện sở hữu : 0 cổ phần

Sở hữu của người có liên quan : Không có

Lợi ích liên quan đối với VAB : Tiền lương năm 2024: 440.623.667 VND

Tiền lương năm 2023: 0 VND

Tiền lương 6 tháng đầu năm 2025: 991.348.000 VND

Các khoản nợ đối với VAB tại thời điểm 30/6/2025 : 34.587.887 (Thẻ tín dụng)

10.3.4. Ông Nguyễn Thành Công - Kế toán trưởng

Họ và tên : Nguyễn Thành Công

Năm sinh : 1983

Quốc tịch : Việt Nam

Số CCCD : 022083010774, ngày cấp 14/6/2022

Nơi cấp: Cục CSQLHC về TTXH

Trình độ học vấn, năng lực chuyên môn : Cử nhân tài chính ngân hàng

Chức vụ đang nắm giữ tại TCDKNY : Kế toán trưởng, Phó Giám đốc phụ trách Khối Tài chính

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : Không

Quá trình công tác :

Thời gian	Đơn vị công tác	Vị trí công tác
5/2006 - 12/2007	NH Công Thương Việt Nam	Chuyên viên tín dụng
02/2008 - 7/2015	Ngân hàng TMCP Xăng Dầu Petrolimex (PGBank)	P.Trưởng phòng KHTC – K.TCKT
7/2015 - 7/2020	Ngân hàng TMCP Việt Á	TP.Kế hoạch và Quản trị tài chính – Khối Tài chính
7/2020 – 9/2021	Ngân hàng TMCP Việt Á	PGĐ Khối Tài chính; Phụ trách

		kế toán VAB
9/2021 – 10/2023	Ngân hàng TMCP Việt Á	PGĐ Khối Tài chính; Kế toán trưởng
10/2023 - nay	Ngân hàng TMCP Việt Á	PGĐ phụ trách Khối Tài chính; Kế toán trưởng

Số cổ phần nắm giữ : 0 cổ phần

+ Sở hữu cá nhân : 0 cổ phần

+ Đại diện sở hữu : 0 cổ phần

Sở hữu của người có liên quan : Không có

Lợi ích liên quan đối với VAB : Tiền lương năm 2024: 1.608.544.000 VND
 Tiền lương năm 2023: 1.376.529.000 VND
 Tiền lương 6 tháng đầu năm 2025: 922.493.000 VND

Các khoản nợ đối với VAB tại thời điểm 30/6/2025 : 2.108.335.000 VND (Vay)
 98.622.000 (Thẻ tín dụng)

11. Tình hình thanh toán gốc và lãi trái phiếu đã phát hành trong 03 năm liên tục liền trước năm đăng ký niêm yết và đến thời điểm hiện tại

Các trái phiếu do VAB phát hành trong 03 (ba) năm liên tục (từ năm 2022 đến năm 2024) và đến thời điểm hiện tại đều đã được VAB thanh toán đầy đủ và đúng hạn trả gốc và lãi trái phiếu; bảo đảm tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật và các điều khoản, điều kiện của các trái phiếu.

12. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết

❖ Trái phiếu đã phát hành nhưng chưa đáo hạn của VAB

Đến thời điểm lập bản cáo bạch này, VAB có các trái phiếu đã được phát hành nhưng chưa đến hạn thanh toán, chi tiết như sau:

Tổng dư nợ trái phiếu đang lưu hành (theo mệnh giá): 1.599.407.000.000 VND, trong đó:

- Trái phiếu riêng lẻ: 1.000.000.000.000 đồng,
- Trái phiếu phát hành ra công chúng: 599.407.000.000 đồng

Bảng 34: Danh sách trái phiếu đã phát hành và còn dư nợ tại VAB

STT	Mã Trái phiếu	Số dư trái phiếu (trái phiếu)	Tổng mệnh giá trái phiếu (triệu đồng)	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Loại trái phiếu	Lãi suất trái phiếu tại thời điểm PH (%/năm)	Lãi suất trái phiếu kỳ hiện tại (%/năm)	Kỳ hạn (năm)
Trái phiếu riêng lẻ									
Năm 2023									
1	VABCLH 2330001	5.000	500.000	27/12/2023	27/12/2030	Trái phiếu không chuyển đổi, không có tài sản bảo đảm, không kèm chứng quyền, là nợ thứ cấp và thỏa mãn các điều kiện để được tính vào vốn cấp 2 của VAB	8,5	8,5	7
Năm 2024									
2	VABCLH 2431001	2.300	230.000	16/4/2024	16/4/2031	Trái phiếu không chuyển đổi, không có tài sản bảo đảm, không kèm chứng quyền, là nợ thứ cấp và thỏa mãn các điều kiện để được tính vào vốn cấp 2 của VAB	7,2	7,2	7
3	VABLH 2431002	2.700	270.000	24/12/2024	24/12/2031	Trái phiếu không chuyển đổi, không có tài sản bảo đảm, không kèm chứng quyền, là nợ thứ cấp và thỏa mãn các điều kiện để được tính vào vốn cấp 2 của VAB	7,5	7,5	7
Trái phiếu phát hành ra công chúng									
4	VAB 125020	3.000.000	300.000	13/8/2025	13/8/2032	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có tài sản bảo đảm và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của VAB theo quy định của pháp luật hiện hành	7,6	7,6	7

STT	Mã Trái phiếu	Số dư trái phiếu (trái phiếu)	Tổng mệnh giá trái phiếu (triệu đồng)	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Loại trái phiếu	Lãi suất trái phiếu tại thời điểm PH (%/năm)	Lãi suất trái phiếu kỳ hiện tại (%/năm)	Kỳ hạn (năm)
5	VAB 125029	2.994.070	299.407	14/10/2025	14/10/2032	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có tài sản bảo đảm và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của VAB theo quy định của pháp luật hiện hành	7,6	7,6	7
Tổng			1.599.407						

Nguồn: VAB

Đối với các trái phiếu chưa đáo hạn này, VAB đã và đang thực hiện theo đúng các cam kết và nghĩa vụ của mình đối với nhà đầu tư về điều kiện phát hành trái phiếu, bảo đảm thanh toán đầy đủ, chính xác và đúng hạn đối với tiền gốc, lãi trái phiếu và các khoản tiền khác liên quan tới trái phiếu (nếu có) cho nhà đầu tư theo các điều khoản, điều kiện trái phiếu, bảo đảm quyền lợi và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư và các điều kiện khác, phù hợp với quy định của pháp luật.

13. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ chức đăng ký niêm yết có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ chức đăng ký niêm yết

Bảng 35: Nghĩa vụ tiềm ẩn và cam kết khác của VAB

Đơn vị: triệu đồng

Khoản mục	Hợp nhất			Riêng lẻ		
	31/12/2023	31/12/2024	30/9/2025	31/12/2023	31/12/2024	30/9/2025
I. Bảo lãnh khác	559.934	227.264	484.793	559.934	227.264	484.793
1. Cam kết bảo lãnh thanh toán	234.325	71.357	112.527	234.325	71.357	112.527
2. Cam kết bảo lãnh thực hiện hợp đồng	30.554	44.194	88.176	30.554	44.194	88.176
3. Cam kết bảo lãnh dự thầu	5.368	4.209	4.085	5.368	4.209	4.085

Khoản mục	Hợp nhất			Riêng lẻ		
	31/12/2023	31/12/2024	30/9/2025	31/12/2023	31/12/2024	30/9/2025
4. Cam kết bảo lãnh khác	289.687	107.504	280.005	289.687	107.504	280.005
II. Các cam kết giao dịch hối đoái	3.808.820	1.653.015	2.898.390	3.808.820	1.653.015	2.898.390
1. Cam kết mua ngoại tệ	24.260	-	184.443	24.260	-	184.443
2. Cam kết bán ngoại tệ	-	-	263.490	-	-	263.490
3. Cam kết giao dịch hoán đổi	3.784.560	1.653.015	2.450.457	3.784.560	1.653.015	2.450.457
III. Cam kết trong nghiệp vụ L/C	9.591	7.690	2.017	9.591	7.690	2.017
Tổng cộng	4.378.345	1.887.969	3.385.200	4.378.345	1.887.969	3.385.200

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2023, 2024 và BCTC Quý 3 năm 2025 (hợp nhất và riêng lẻ)

Tính đến thời điểm ban hành Bản Cáo Bạch này, Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết không có tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết, các Đợt chào bán, và việc sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán.

14. Thông tin về cam kết của tổ chức đăng ký niêm yết không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích.

Tính đến thời điểm của Bản Cáo Bạch này, Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết cam kết không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích.

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

V. Kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính và dự kiến kế hoạch

1. Kết quả hoạt động kinh doanh

1.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Tổ chức đăng ký niêm yết trong 02 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất

Bảng 36: Một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Ngân hàng năm 2023, 2024 và 9 tháng đầu năm 2025 – Hợp nhất

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	% tăng/giảm 2023/2024	9 tháng đầu năm 2025
Tổng giá trị tài sản	112.195.864	119.832.037	6,81	134.613.748
Thu nhập lãi thuần	1.809.544	2.327.701	28,63	1.793.595
Tổng thu nhập hoạt động	2.513.010	2.661.949	5,93	2.007.586
Thuế và các khoản phải nộp	140.631	88.749	(36,89)	69.409
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	1.603.745	1.640.826	2,31	1.304.114
Lợi nhuận trước thuế	916.913	1.085.662	18	1.050.062
Lợi nhuận sau thuế	744.094	867.025	16,52	840.086
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu	9,75%	10,29%	5,54	9,06%

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2023, 2024 và BCTC hợp nhất Quý 3 năm 2025

Bảng 37: Một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh năm 2023, 2024 và 9 tháng đầu năm 2025 – Riêng lẻ

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	% tăng/giảm 2023/2024	9 tháng đầu năm 2025
Tổng giá trị tài sản	112.129.620	119.812.109	6,85	134.563.770
Thu nhập lãi thuần	1.809.501	2.323.247	28,39	1.789.926
Tổng thu nhập hoạt động	2.427.468	2.564.230	5,63	1.972.534
Thuế và các khoản phải nộp	138.643	85.547	(38,30)	67.638
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	1.575.564	1.600.197	1,56	1.279.172
Lợi nhuận trước thuế	888.733	1.045.033	17,59	1.025.119
Lợi nhuận sau thuế	711.482	834.522	17,29	820.132
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu	9,34%	9,95%	6,53%	8,91%

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2023, 2024 và BCTC riêng Quý 3 năm 2025

Theo Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 3 năm 2025, tổng giá trị tài sản của VAB đạt 134.614 tỷ đồng tại 30/9/2025, tăng 12,34% so với thời điểm 31/12/2024. Lợi nhuận sau thuế của

VAB (hợp nhất) 9 tháng đầu năm 2025 đạt 840 tỷ đồng, thu nhập lãi thuần đạt 1.793 tỷ đồng.

Hoạt động kinh doanh riêng của ngân hàng cũng đạt kết quả tích cực. Tổng thu nhập hoạt động riêng lẻ của VAB 9 tháng đầu năm 2025 đạt 1.973 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 820,13 tỷ đồng. Kết quả kinh doanh tích cực trong 9 tháng đầu năm 2025 của VAB là nhờ:

- + Quy mô tổng tài sản, tín dụng 9 tháng đầu năm 2025 đã tăng trưởng tốt theo định hướng, VAB đã tập trung đa dạng hóa khách hàng, tối ưu hóa cơ cấu danh mục tín dụng, huy động vốn với chi phí hợp lý, do đó thu nhập lãi thuần quý 3/2025 tăng so với cùng kỳ năm trước.
 - + Trong kỳ ghi nhận sự gia tăng của chi phí trích lập dự phòng rủi ro tín dụng do dư nợ tín dụng tăng. Hoạt động xử lý, thu hồi nợ mang lại hiệu quả cho ngân hàng, theo đó thu lãi thuần từ hoạt động khác tăng so với cùng kỳ năm trước.
 - + VAB cũng tăng cường tiết kiệm chi phí dẫn đến chi phí hoạt động giảm, góp phần cải thiện kết quả kinh doanh của ngân hàng.
- ❖ Ý kiến của Tổ chức kiểm toán độc lập đối với các chỉ tiêu tài chính: Không có.

1.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Đăng Ký Niên Yết

❖ Thuận lợi:

- Dự kiến trong năm 2025 với chính sách lạm phát và lãi suất từ NHNN theo hướng hỗ trợ doanh nghiệp đặc biệt với định hướng tín dụng xanh sẽ giúp cho hoạt động của doanh nghiệp và hoạt động mảng doanh nghiệp của VAB có nhiều hướng triển khai phát triển;
- Theo định hướng của Chính phủ trong việc ứng dụng công nghệ và chuyển đổi số: VAB tiếp tục chuyển đổi công nghệ, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ giai đoạn 4.0, đặc biệt các nền tảng Bigdata, AI, EKYC,... giúp tiết giảm chi phí vận hành và tăng trải nghiệm khách hàng;
- Giai đoạn 2023 – 2024, nền kinh tế phục hồi mạnh mẽ sau đại dịch Covid-19, do đó nhu cầu tín dụng và đầu tư gia tăng; Sự phục hồi của thị trường bất động sản trong năm 2024 được dự báo sẽ tiếp tục là động lực quan trọng thúc đẩy lợi nhuận của các ngân hàng trong năm 2025. Sau một giai đoạn khó khăn, thị trường bất động sản đã dần ổn định và có dấu hiệu phục hồi mạnh mẽ, đặc biệt là ở phân khúc bất động sản dân cư, qua đó các doanh nghiệp trong lĩnh vực kinh doanh bất động sản hoạt động trở lên mạnh mẽ hơn, đem lại dòng tiền và tài chính lành mạnh hơn cho các KHDN. Chính sự phục hồi này đã tạo ra nhu cầu vay vốn tăng cao dẫn đến sự tăng trưởng tín dụng của các ngân hàng, qua đó giúp cải thiện lợi nhuận;
- Theo Đề án cơ cấu lại hệ thống TCTD gắn với xử lý nợ giai đoạn 2021-2025, VAB đã chủ động trong công tác cơ cấu xử lý nợ xấu. Qua đó, tỷ lệ xấu giảm từ 12% xuống còn chưa đến 2% và đi theo hướng ngày càng minh bạch, chuyên nghiệp, khẳng định vai trò và vị thế VAB trên thị trường tài chính ngân hàng.
- Định hướng chiến lược của Ban Lãnh đạo VAB luôn đồng hành cùng các ĐVKD, đón đầu chính sách và cơ chế của NHNN, ưu tiên phát triển khách hàng ở các ngành nghề trọng điểm.

❖ **Khó khăn**

- Năm 2023, 2024 là những năm sau đại dịch Covid, nền kinh tế vĩ mô thị trường tài chính có nhiều biến động, huy động vốn của ngành ngân hàng nói chung gặp nhiều khó khăn, tăng trưởng huy động vốn toàn ngành Ngân hàng thấp. Đồng thời với chính sách điều hành lãi suất với mức lãi suất trần đối với tiền gửi kỳ hạn dưới 6 tháng, VAB nghiêm túc tuân thủ. Qua đó, VAB góp phần ổn định thị trường tiền tệ, an toàn hoạt động huy động vốn và giảm lãi suất cho vay đối với nền kinh tế.
- Ngay đầu năm 2025, chính sách thuế quan mới của Mỹ ảnh hưởng nhiều đến nền kinh tế của tất cả các quốc gia trên toàn thế giới trong đó có Việt Nam. Do đó, hoạt động của Ngân hàng chịu nhiều ảnh hưởng.
- Tỷ giá với đồng tăng mạnh từ đầu năm 2025 đặc biệt sau chính sách thuế quan mới ảnh hưởng nhiều đến hoạt động tài trợ xuất nhập khẩu và tài trợ thương mại, cũng như hoạt động mua bán ngoại tệ của VAB.
- Sự cạnh tranh khốc liệt từ các đối thủ truyền thống và các công ty Fintech: Các công ty Fintech đang chiếm lĩnh ngày càng lớn mảng thanh toán và cho vay, buộc ngân hàng phải thường xuyên nâng cấp đổi mới để cạnh tranh.
- Gia tăng chuyển đổi số cũng tiềm ẩn gia tăng các rủi ro tội phạm công nghệ liên quan tới quá trình chuyển đổi số trong công nghệ giao dịch và quản lý thông tin khiến ngân hàng trở thành đối tượng ưa thích của tội phạm công nghệ cao với quy mô và mức độ ngày càng tinh vi hơn.
- Khó khăn trong việc tiếp cận dòng tiền của khách hàng do lãi suất huy động có xu hướng giảm, cơ chế chính sách còn chưa linh hoạt đối với từng nhóm khách hàng đặc thù;
- Sự cạnh tranh gay gắt của nhóm các TCTD có chính sách ưu việt, linh hoạt hơn VAB, chi phí đầu tư tiếp cận, chăm sóc khách hàng được chú trọng hơn.
- Lãi suất phát hành tăng: Trong điều kiện kinh tế khó khăn, ngân hàng phải đưa ra mức lãi suất cao hơn để thu hút nhà đầu tư, làm tăng chi phí vốn.
- Phụ thuộc vào TSDB: Nhà đầu tư yêu cầu ngân hàng cung cấp TSDB lớn hơn hoặc chất lượng cao hơn, làm tăng áp lực lên ngân hàng.
- Lo ngại rủi ro hệ thống: Trong bối cảnh một số ngân hàng được tái cơ cấu, khách hàng có thể lo ngại rằng sau khi tái cơ cấu, chất lượng dịch vụ, sự tiện lợi và các ưu đãi sẽ bị giảm sút, việc này sẽ làm giảm niềm tin chung vào hệ thống ngân hàng.
- Thông tin tiêu cực trên thị trường: Các sự kiện liên quan đến vi phạm pháp luật, gian lận, hoặc rủi ro tài chính của một số ngân hàng trên thị trường làm giảm uy tín và khả năng thu hút vốn từ nhà đầu tư.

2. Tình hình tài chính

2.1. Các chỉ tiêu cơ bản

2.1.1. Tình hình công nợ

VAB thực hiện thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản công nợ phải thu, phải trả và bảo

đảm tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Chi tiết tình hình công nợ phải thu và phải trả như sau:

Bảng 38: Tình hình công nợ các khoản phải thu – Hợp nhất

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	30/9/2025
Các khoản phải thu	3.858.416	1.858.917	2.852.627
Các khoản lãi, phí phải thu	7.928.170	4.676.754	6.171.428
Tài sản có khác	124.041	726.653	1.284.704
Các khoản dự phòng rủi ro khác	(263.679)	(368.011)	(302.029)
Tổng	11.646.948	6.894.312	10.006.730

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2023, 2024 và BCTC hợp nhất Quý 3 năm 2025

Bảng 39: Tình hình công nợ các khoản phải thu – Riêng lẻ

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	30/9/2025
Các khoản phải thu	3.142.877	1.167.239	2.130.929
Các khoản lãi, phí phải thu	7.928.170	4.676.754	6.171.428
Tài sản có khác	124.040	711.274	1.269.296
Các khoản dự phòng rủi ro khác	(114.382)	(180.882)	(114.900)
Tổng	11.080.704	6.374.384	9.456.753

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2023, 2024 và BCTC riêng Quý 3 năm 2025

Bảng 40: Tình hình công nợ các khoản phải trả - Hợp nhất

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	30/9/2025
Các khoản lãi, phí phải trả	2.250.505	1.617.346	1.341.532
Các khoản phải trả và công nợ khác	866.238	720.236	572.868
Tổng	3.116.742	2.337.582	1.914.400

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2023, 2024 và BCTC hợp nhất Quý 3 năm 2025

Bảng 41: Tình hình công nợ các khoản phải trả - Riêng lẻ

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	30/9/2025
Các khoản lãi, phí phải trả	2.250.505	1.617.346	1.341.533
Các khoản phải trả và công nợ khác	820.163	678.452	531.028
Tổng	3.070.668	2.295.798	1.872.560

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2023, 2024 và BCTC riêng Quý 3 năm 2025

2.1.2. Trái phiếu chưa đáo hạn

Các trái phiếu chưa đáo hạn của VAB được liệt kê đầy đủ theo thông tin tại Bảng 4 điều 7.3

mục IV của Bản Cáo Bạch này.

Đối với các trái phiếu chưa đáo hạn tại Bảng 4, VAB đã và đang thực hiện theo đúng các cam kết và nghĩa vụ của mình đối với nhà đầu tư về điều kiện phát hành trái phiếu, bảo đảm thanh toán đầy đủ, chính xác và đúng hạn đối với tiền gốc, lãi trái phiếu và các khoản tiền khác liên quan tới trái phiếu (nếu có) cho nhà đầu tư theo các điều khoản, điều kiện của trái phiếu, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư và các điều kiện khác, phù hợp với quy định của pháp luật.

2.1.3. Các khoản phải nộp theo luật định

Ngân hàng TMCP Việt Á nghiêm chỉnh thực hiện các chính sách thuế của Nhà nước cũng như các chính sách có liên quan đến người lao động và luôn hoàn thành đầy đủ tất cả nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước. Chi tiết các khoản phải nộp theo luật định tại ngày 31/12/2023, 31/12/2024 và 30/9/2025 như sau:

Bảng 42: Chi tiết các khoản phải nộp theo luật định – Hợp nhất

Đơn vị: triệu đồng

STT	Các loại thuế	31/12/2023	31/12/2024	30/9/2025
1	Thuế thu nhập doanh nghiệp	64.213	83.544	66.803
2	Thuế giá trị gia tăng	75.166	2.595	1.090
3	Thuế TNCN	1.241	2.593	1.344
4	Thuế nhà thầu	11	16	173
Tổng cộng		140.631	88.749	69.409

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2023, 2024 và BCTC hợp nhất Quý 3 năm 2025

Bảng 43: Chi tiết các khoản phải nộp theo luật định – Riêng lẻ

Đơn vị: triệu đồng

STT	Các loại thuế	31/12/2023	31/12/2024	30/9/2025
1	Thuế thu nhập doanh nghiệp	63.242	80.511	65.086
2	Thuế giá trị gia tăng	74.197	2.448	1.044
3	Thuế TNCN	1.192	2.572	1.335
4	Thuế nhà thầu	11	16	173
Tổng cộng		138.643	85.547	67.638

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2023, 2024 và BCTC riêng Quý 3 năm 2025

2.1.4. Trích lập các quỹ theo luật định

Ngân hàng TMCP Việt Á thực hiện đúng và đầy đủ việc trích lập các Quỹ theo Nghị định số 93/2017/NĐ-CP, Luật các TCTD và và theo phê duyệt ĐHĐCĐ. VAB thực hiện trích lập các quỹ dự trữ sau khi có Nghị quyết của ĐHĐCĐ hoặc chủ sở hữu trương ứng. Trong đó, các quỹ được sử dụng cho mục đích cụ thể và được trích từ lợi nhuận sau thuế của Ngân hàng dựa trên các tỷ lệ quy định và theo Nghị quyết ĐHĐCĐ:

- Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ: 10% lợi nhuận sau thuế, tối đa không vượt quá vốn điều lệ của Ngân hàng;

- Quỹ dự phòng tài chính: 10% lợi nhuận sau thuế;
- Các quỹ khác: trích theo quy định hiện hành và Nghị quyết của ĐHĐCĐ.

Bảng 44: Tình hình trích lập các quỹ của Ngân hàng – Hợp nhất

Đơn vị: triệu đồng

TT	Các loại quỹ	31/12/2023	31/12/2024	30/9/2025
1	Quỹ dự phòng tài chính	381.810	456.219	542.921
2	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	126.722	163.927	90.712
Tổng cộng		508.532	620.146	633.633

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2023, 2024 và BCTC hợp nhất Quý 3 năm 2025

Bảng 45: Tình hình trích lập các quỹ của Ngân hàng – Riêng lẻ

Đơn vị: triệu đồng

TT	Các loại quỹ	31/12/2023	31/12/2024	30/9/2025
1	Quỹ dự phòng tài chính	374.351	448.761	535.463
2	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	122.993	160.197	86.983
Tổng cộng		497.344	608.958	622.446

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2023, 2024 và BCTC riêng Quý 3 năm 2025

2.1.5. Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới tình hình tài chính của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất (31/12/2024)

Năm 2025, dự báo hoạt động tín dụng sẽ đối mặt với nhiều thách thức lớn cả trong và ngoài nước. Tăng trưởng kinh tế toàn cầu hồi phục chưa đồng đều, trong khi xuất khẩu và sản xuất tại Việt Nam vẫn còn gặp khó khăn, làm giảm nhu cầu vay vốn từ doanh nghiệp và người tiêu dùng. Rủi ro nợ xấu có xu hướng gia tăng, đặc biệt từ các khoản vay đã được cơ cấu trong giai đoạn dịch COVID-19 và từ các lĩnh vực phục hồi chậm như bất động sản, xây dựng, dệt may. Môi trường lãi suất quốc tế cao kéo dài tiếp tục tạo áp lực lên chi phí vốn và điều hành chính sách tiền tệ trong nước. Đáng chú ý, việc cựu Tổng thống Donald Trump chính thức tái đắc cử và khởi động lại các chính sách thương mại bảo hộ, bao gồm gia tăng thuế quan với hàng hóa từ Trung Quốc và một số quốc gia khác, đã làm dấy lên lo ngại về nguy cơ gián đoạn chuỗi cung ứng toàn cầu và suy giảm thương mại quốc tế. Điều này ảnh hưởng gián tiếp đến xuất khẩu của Việt Nam, đặc biệt ở các ngành phụ thuộc vào thị trường Mỹ hoặc chuỗi giá trị có liên quan, qua đó làm suy yếu dòng tiền doanh nghiệp và ảnh hưởng đến chất lượng tín dụng ngân hàng. Hoạt động kinh doanh của ngành ngân hàng nói chung và VAB nói riêng cũng sẽ bị ảnh hưởng lớn.

Trong năm 2024, chất lượng tín dụng của ngành ngân hàng Việt Nam tiếp tục chịu áp lực, đặc biệt là trong nửa đầu năm, khi nợ xấu gia tăng tại nhiều ngân hàng. Tuy nhiên, đến cuối năm, nhờ tăng trưởng tín dụng mạnh mẽ và các biện pháp kiểm soát rủi ro, tỷ lệ nợ xấu toàn ngành đã được cải thiện so với năm 2023.

Bám sát chỉ đạo từ NHNN, từ năm 2023 đến nay, VAB luôn tập trung vào sản xuất kinh

doanh, nhất là các lĩnh vực ưu tiên, kịp thời tháo gỡ khó khăn, gia tăng khả năng tiếp cận vốn của người dân, doanh nghiệp... Ngoài ra, để hạn chế và giảm thiểu tác động xấu có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính, VAB đã và đang tích cực đồng hành cùng với khách hàng, kịp thời có các biện pháp hỗ trợ, tháo gỡ phù hợp, thiết thực như ưu đãi lãi suất, cơ cấu lại thời gian trả nợ, giữ nguyên nhóm nợ... giúp khách hàng, doanh nghiệp ổn định hoạt động... Tuy nhiên, để thực hiện điều này, VAB phải triển khai các biện pháp, chính sách giảm lãi suất; gia hạn và kéo dài thời gian thu hồi nợ, xử lý nợ; chủ động trích lập dự phòng bổ sung các khoản vay. Điều này đồng nghĩa với việc thu nhập và lợi nhuận của Ngân hàng có thể bị ảnh hưởng và thu hẹp.

2.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 46: Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu – Hợp nhất

Nội dung	Đơn vị tính	Năm 2023	Năm 2024	9 tháng đầu năm 2025
1. Chỉ tiêu về vốn				
Vốn điều lệ	triệu đồng	5.399.600	5.399.600	8.163.607
Vốn tự có	triệu đồng	8.614.075	10.287.957	11.454.308
Tỷ lệ an toàn vốn	%	9,27	9,32	9,23
2. Chỉ tiêu về chất lượng tài sản				
Tỷ lệ nợ quá hạn	%	2,56	1,78	2,38
Tỷ lệ nợ xấu	%	1,59	1,37	1,79
(Số dư các khoản cho vay và ứng trước khách hàng + các khoản cho vay các tổ chức tín dụng khác)/Tổng tài sản	%	64,45	71,53	67,70
Tài sản có sinh lời/Tổng tài sản có nội bảng	%	89,68	94,35	92,89
3. Chỉ tiêu về khả năng thanh khoản				
Tỷ lệ tài sản có tính thanh khoản cao bình quân/Tổng tài sản bình quân	%	12,44	11,84	12,08
Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng cho vay trung và dài hạn	%	27,46	12,02	23,68
Tỷ lệ dư nợ cho vay/Tổng tiền gửi	%	68,37	76,50	73,90
4. Chỉ tiêu về kết quả hoạt động kinh doanh				
Tỷ lệ Lợi nhuận trước thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	12,02	12,88	15,32
Tỷ lệ Lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản bình quân	%	0,84	0,94	1,10
Thu nhập lãi cận biên (NIM)	%	1,86	2,17	2,01
Hệ số ROA	%	0,68	0,75	0,88
Hệ số ROE	%	9,75	10,29	12,26
Thu nhập trên cổ phần (EPS)	đồng/cổ phần	1.378	1.606	1.029
Thu nhập dịch vụ/Tổng thu nhập	%	1,14	2,11	5,51
Thu nhập ròng từ hoạt động dịch vụ/Lợi nhuận trước thuế	%	8,35	11,85	8,59

Nguồn: Ngân hàng TMCP Việt Á

Bảng 47: Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu – Riêng lẻ

Nội dung	Đơn vị tính	Năm 2023	Năm 2024	9 tháng đầu năm 2025
1. Chỉ tiêu về vốn				
Vốn điều lệ	triệu đồng	5.399.600	5.399.600	8.163.607
Vốn tự có	triệu đồng	8.584.499	10.225.878	11.372.274
Tỷ lệ an toàn vốn	%	9,23	9,26	9,16
2. Chỉ tiêu về chất lượng tài sản				
Tỷ lệ nợ quá hạn	%	2,56	1,78	2,38
Tỷ lệ nợ xấu	%	1,59	1,37	1,79
(Số dư các khoản cho vay và ứng trước khách hàng + các khoản cho vay các tổ chức tín dụng khác)/Tổng tài sản	%	64,49	71,54	67,72
Tài sản có sinh lời/Tổng tài sản có nội bảng	%	89,74	94,36	92,92
3. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
Tỷ lệ tài sản có tính thanh khoản cao bình quân/Tổng tài sản bình quân	%	12,45	11,85	12,09
Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng cho vay trung và dài hạn	%	27,46	12,02	23,73
Tỷ lệ dư nợ cho vay/Tổng tiền gửi	%	68,37	76,44	73,86
4. Chỉ tiêu về kết quả hoạt động kinh doanh				
Tỷ lệ Lợi nhuận trước thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	11,66	12,47	14,85
Tỷ lệ Lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản bình quân	%	0,82	0,90	1,07
Thu nhập lãi cận biên (NIM)	%	1,86	2,17	2
Hệ số ROA	%	0,66	0,72	0,86
Hệ số ROE	%	9,34	9,95	11,88
Thu nhập trên cổ phần (EPS)	đồng/cổ phần	1.318	1.546	1.005
Thu nhập dịch vụ/Tổng thu nhập	%	0,74	1,79	5,16
Thu nhập ròng từ hoạt động dịch vụ/Lợi nhuận trước thuế	%	4,24	9,78	7,92

Nguồn: Ngân hàng TMCP Việt Á

3. Ý kiến của tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của tổ chức đăng ký niêm yết

3.1. Ý kiến của Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đối với báo cáo tài chính riêng năm 2023 ngày 27/03/2024

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên

các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Á vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính

3.2. Ý kiến của Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đối với báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất năm 2023 ngày 27/03/2024

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Á vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

3.3. Ý kiến của Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học MOORE AISIC đối với báo cáo tài chính riêng năm 2024 ngày 27/03/2025

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Á tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

3.4. Ý kiến của Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học MOORE AISIC đối với báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024 ngày 27/03/2025

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Á tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

4. Kế hoạch kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong các năm tiếp theo

Bảng 48: Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận năm 2025

Chỉ tiêu	Thực hiện hợp nhất năm 2024	KH năm 2025	% tăng/giảm KH 2025 so với TH năm 2024
Thu nhập lãi thuần (Tỷ đồng)	2.328	2.542	9,2%
Lợi nhuận sau thuế (Tỷ đồng)	867	1.044	20,4%
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	11,29%	11,37%	0,72%
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	10,29%	10,81%	5,05%

Chỉ tiêu	Thực hiện hợp nhất năm 2024	KH năm 2025	% tăng/giảm KH 2025 so với TH năm 2024
Tỷ lệ chia lợi nhuận (*)	52,8%	Chưa có kế hoạch	-
Tỷ lệ chia cổ tức	0%	Chưa có kế hoạch	-

Nguồn: Ngân hàng TMCP Việt Á

(*) Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025 đã thông qua phương án chia lợi nhuận cho cổ đông hiện hữu từ Nguồn vốn chủ sở hữu là 2.850.989.030.000 đồng để tăng vốn điều lệ, chi tiết như sau:

- Chia lợi nhuận từ nguồn Lợi nhuận chưa phân phối, giá trị chia là 2.604.089.140.250 đồng;
- Chia lợi nhuận từ nguồn Quỹ dự trữ bổ sung Vốn điều lệ, giá trị chia là 246.899.889.750 đồng.

Bảng 49: Nguồn vốn chủ sở hữu sử dụng để tăng vốn cổ phần năm 2025

STT	Nguồn có thể sử dụng để phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ	BCTC Riêng lẻ	BCTC Hợp nhất	Số tiền sử dụng để tăng VDL
1	Nguồn từ lợi nhuận chưa phân phối	2.606.524.369.233	2.654.743.685.131	2.604.089.140.250
2	Nguồn từ quỹ dự trữ bổ sung VDL	246.899.889.750	250.629.212.614	246.899.889.750
Tổng cộng		2.853.424.258.983	2.905.372.897.745	2.850.989.030.000

Nguồn: NQ ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 của Ngân hàng TMCP Việt Á

4.1. Cấp có thẩm quyền thông qua kế hoạch doanh thu, lợi nhuận năm 2025

Ngày 26/4/2025, ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 của VAB đã thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2025; đồng thời giao/ủy quyền cho HĐQT chỉ đạo, tổ chức thực hiện, điều chỉnh chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2025 phù hợp với tình hình thực tế, diễn biến thị trường và theo mức tăng trưởng tín dụng được NHNN giao. Cụ thể, ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 đã thông qua mục tiêu trong năm 2025 tổng tài sản tăng 7,1% đạt 128.381 tỷ đồng, tiền gửi khách hàng và giấy tờ có giá tăng 9,3% đạt 101.007 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế tăng 20,26% đạt 1.306 tỷ đồng.

4.2. Căn cứ để đạt kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và tỷ lệ chia lợi nhuận/cổ tức nêu trên:

Mục tiêu kinh doanh năm 2025 của VAB được xây dựng trên cơ sở đánh giá toàn diện kết quả hoạt động năm 2024, định hướng phát triển trung và dài hạn của Ngân hàng, cũng như các yếu tố vĩ mô, chính sách điều hành và diễn biến thị trường tài chính - tiền tệ. Cụ thể:

- Dự báo tình hình kinh tế vĩ mô và điều hành chính sách tiền tệ năm 2025

Trên cơ sở các dự báo kinh tế năm 2025 như: tăng trưởng GDP duy trì tích cực, lạm phát

được kiểm soát, chính sách tiền tệ được điều hành linh hoạt hỗ trợ tăng trưởng, HĐQT nhận định môi trường kinh doanh sẽ tiếp tục thuận lợi cho hoạt động ngân hàng. Chính sách mở rộng tín dụng, thúc đẩy đầu tư và sản xuất kinh doanh của Chính phủ và NHNN là yếu tố hỗ trợ trực tiếp cho các chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng, huy động và lợi nhuận của Ngân hàng.

➤ **Kết quả hoạt động năm 2024 và tiềm lực tăng trưởng**

Năm 2024, Ngân hàng ghi nhận kết quả kinh doanh tích cực với tổng tài sản đạt gần 120 nghìn tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế vượt mốc 1.000 tỷ đồng, tỷ lệ nợ xấu duy trì ở mức thấp 1,37%. Đây là nền tảng quan trọng để HĐQT đặt mục tiêu tăng trưởng hợp lý và bền vững trong năm 2025. Bên cạnh đó, công tác quản trị rủi ro, quản lý chất lượng tín dụng và hiệu quả hoạt động tiếp tục được nâng cao, tạo dư địa cho việc mở rộng quy mô tín dụng và huy động vốn trong năm tới.

➤ **Hiện đại hóa công nghệ, hợp tác tài chính và phát triển ngân hàng số**

Trong năm 2025, Ngân hàng định hướng tiếp tục đẩy mạnh hiện đại hóa công nghệ, tập trung vào việc chuyển đổi số toàn diện và tự động hóa các quy trình nghiệp vụ nhằm nâng cao hiệu quả vận hành và giảm chi phí hoạt động. Bên cạnh đó, Ngân hàng tăng cường hợp tác với các công ty tài chính và công nghệ để phát triển các sản phẩm dịch vụ số hóa, đáp ứng tốt hơn nhu cầu ngày càng đa dạng của khách hàng. Việc mở rộng nền tảng ngân hàng số, cải tiến trải nghiệm người dùng trên các kênh trực tuyến và đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt được kỳ vọng sẽ góp phần thúc đẩy tăng trưởng hoạt động kinh doanh và hoàn thành mục tiêu lợi nhuận đề ra trong năm 2025.

➤ **Kiểm soát rủi ro và đảm bảo phát triển an toàn, bền vững**

Mặc dù, đặt ra mục tiêu tăng trưởng cao, HĐQT vẫn duy trì nguyên tắc phát triển an toàn, đảm bảo tỷ lệ nợ xấu dưới 3%, đồng thời tiếp tục tăng cường công tác kiểm soát nội bộ, hoàn thiện hệ thống quản trị rủi ro theo chuẩn Basel II/III.

➤ **Định hướng chiến lược và nhu cầu tăng cường năng lực tài chính**

Năm 2025 là năm cuối của Đề án tái cơ cấu giai đoạn 2021–2025, do đó, kế hoạch được xây dựng nhằm hoàn thành mục tiêu tổng thể của cả giai đoạn: nâng cao năng lực tài chính, tăng trưởng hiệu quả, và chuyển đổi số mạnh mẽ. Trong đó, việc tăng vốn điều lệ từ 5.400 tỷ đồng lên 11.582 tỷ đồng (tăng 114,5%) là yếu tố then chốt nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh, cải thiện hệ số an toàn vốn (CAR), và đáp ứng nhu cầu tăng trưởng tín dụng theo định hướng của NHNN.

Từ những cơ sở nêu trên, HĐQT xây dựng kế hoạch kinh doanh năm 2025 với tinh thần chủ động, quyết liệt và thận trọng, bảo đảm phù hợp với năng lực nội tại, điều kiện thị trường, định hướng điều hành của cơ quan quản lý, đồng thời tạo tiền đề vững chắc cho các giai đoạn phát triển tiếp theo.

➤ **Về phương án chia lợi nhuận, cổ tức cổ tức**

Năm 2023 là năm bản lề cho giai đoạn cơ cấu lại tổ chức tín dụng gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2021-2025 theo Quyết định 689/QĐ-TTg, Đại hội đồng Cổ đông thường niên của VAB đồng thuận sử dụng lợi nhuận để lại để tái đầu tư cho hoạt động kinh doanh của Ngân hàng.

Tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2024, VAB đã được ĐHĐCĐ thường niên thông qua phương án chia lợi nhuận cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 39% từ Nguồn vốn chủ sở hữu để tăng vốn điều lệ. Nhưng do điều kiện thị trường không thuận lợi nên Ngân hàng không triển khai phương án này và Ban Lãnh đạo VAB đã báo cáo nội dung này với Đại hội đồng cổ đông.

Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025, VAB đã được ĐHĐCĐ thường niên thông qua phương án chia lợi nhuận từ nguồn vốn chủ sở hữu để tăng vốn điều lệ với tổng giá trị phát hành tối đa là: 2.850.989.030.000 đồng, trong đó:

+ Sử dụng nguồn lợi nhuận chưa phân phối: 2.604.089.140.250 đồng

+ Sử dụng nguồn từ quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ: 246.899.889.750 đồng

Cả 2 nguồn này đều được phát hành cho Cổ đông hiện hữu tại ngày chốt quyền sau khi được phê duyệt của NHNN và UBCKNN.

Về việc chia cổ tức năm 2025: VAB chưa có kế hoạch chi tiết về việc chia cổ tức năm 2025, VAB sẽ xây dựng phương án cụ thể theo KQKD năm 2025 và xin ý kiến của Đại hội đồng Cổ đông để thực hiện.

4.3. Tình hình thực tế hoạt động kinh doanh trong 9 tháng đầu năm 2025

Bảng 50: Tình hình thực tế hoạt động kinh doanh của VAB trong 9 tháng đầu năm 2025

Chỉ tiêu	KH năm 2025	Thực hiện 9 tháng đầu năm 2025	% Kế hoạch 2025
Thu nhập lãi thuần (Tỷ đồng)	2.542	1.794	70,57%
Lợi nhuận sau thuế (Tỷ đồng)	1.044	840	80,46%
Vốn chủ sở hữu	13.242	9.691	73,18%
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	11,37%	13,18%	115,92%
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	10,81%	9,06%	83,81%
Tỷ lệ chia lợi nhuận	52,8%	51,19% (*)	96,95%
Tỷ lệ chia cổ tức	Chưa có kế hoạch	Chưa có kế hoạch	-

Nguồn: BCTC hợp nhất Quý 3 năm 2025

(*) Ngày 26/5/2025, Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Việt Á đã thông qua Nghị quyết số 171/2025/NQ-HĐQT về việc phê duyệt và triển khai tăng vốn điều lệ Đợt 1 năm 2025 của Ngân hàng TMCP Việt Á theo phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu, theo đó thông qua triển khai phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu: tỷ lệ thực hiện quyền 100 : 51,19.

Ngày 17/7/2025, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã có văn bản về việc phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu của VAB.

Ngày 23/7/2025, VAB đã thông báo phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, theo đó, ngày đăng ký cuối cùng là ngày 15/8/2025.

Ngày 13/8/2025, VAB đã kết thúc đợt phát hành thêm 276.400.629 cổ phiếu để tăng vốn cổ phần (vốn điều lệ tăng từ 5.399.600.430.000 VNĐ lên 8.163.606.720.000 VNĐ) từ nguồn vốn chủ sở hữu.

Ngày 26/8/2025, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã ban hành công văn số 4696/UBCK-QLCB v/v Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu của VAB.

Ngày 18/9/2025, Ngân hàng Nhà nước cấp Quyết định số 3186/QĐ – NHNN về việc sửa đổi nội dung về vốn điều lệ tại Giấy phép thành lập và hoạt động của Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Á.

Trong 9 tháng đầu năm 2025, Quy mô tổng tài sản, tín dụng đã tăng trưởng tốt theo định hướng, VAB đã tập trung đa dạng hóa khách hàng, tối ưu cơ cấu danh mục tín dụng, huy động vốn với chi phí hợp lý, do đó thu nhập lãi thuần 9 tháng đầu năm 2025 tăng 18,46 % so với cùng kỳ năm trước và đạt 70,57% kế hoạch đề ra của năm 2025. Lợi nhuận sau thuế 9 tháng đầu năm 2025 của VAB đạt 840 tỷ đồng, tăng 31,45% so với cùng kỳ năm trước và đạt hơn 80% kế hoạch đề ra của năm. Một trong những nguyên nhân dẫn chính tới lợi nhuận sau thuế của VAB trong 9 tháng đầu năm tốt hơn so với kỳ vọng là do tăng thu nhập lãi thuần, trong khi giảm chi phí hoạt động của ngân hàng.

4.4. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Với tư cách là một tổ chức tư vấn tài chính, Công ty cổ phần Chứng khoán MB đã tiến hành thu thập các thông tin, nghiên cứu, phân tích và đánh giá về hoạt động kinh doanh của VAB cũng như lĩnh vực kinh doanh mà Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết đang hoạt động, chúng tôi nhận thấy hoạt động kinh doanh của Ngân hàng TMCP Việt Á ổn định và có tiềm năng phát triển. Kế hoạch doanh thu và lợi nhuận của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết được đưa ra trên cơ sở các dự báo về kinh tế vĩ mô, ngành ngân hàng nói chung và các dự báo về rủi ro tiềm ẩn, cũng như thực trạng và triển vọng kinh doanh của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết nói riêng. Trên cơ sở các kết quả kinh doanh tích cực mà Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết đã đạt được cũng như tình hình tài chính khả quan hiện nay thì có thể nói kế hoạch kinh doanh, doanh thu/thu nhập và lợi nhuận mà VAB đã đề ra trong những năm tới là khả thi nếu không có những biến động bất thường gây ảnh hưởng đến hoạt động của ngân hàng.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn chuyên nghiệp, dựa trên cơ sở những thông tin được thu thập có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo của Ngân hàng. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư, các nhà đầu tư tiềm năng cần tự mình cân nhắc một cách cẩn trọng khi tự mình ra quyết định đầu tư vào trái phiếu của VAB.

[Phần còn lại của trang này được cố ý bỏ trống]

VI. TRÁI PHIẾU ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT**1. Tên Trái Phiếu**

Trái phiếu VAB phát hành ra công chúng.

2. Loại trái phiếu

Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có tài sản bảo đảm và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của VAB theo quy định của pháp luật hiện hành.

❖ Tính chất khác của Trái phiếu:

- Tại bất cứ thời điểm nào sau khi được phát hành, Trái phiếu xác lập nghĩa vụ trả nợ trực tiếp đối với Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết. Trong trường hợp Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết bị thanh lý hay phá sản, Người Sở Hữu Trái Phiếu chỉ được thanh toán sau khi Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết đã thanh toán cho tất cả các chủ nợ khác (không phải là chủ nợ thứ cấp);
- Các Trái phiếu phát hành cùng một Đợt Phát Hành tại mọi thời điểm có thứ tự ưu tiên thanh toán ngang nhau mà không Trái phiếu nào sẽ có quyền ưu tiên thanh toán hơn so với các Trái phiếu còn lại vì bất kỳ lý do nào;
- Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết được quyền ngừng trả lãi Trái Phiếu khi đến hạn và chuyển lãi lũy kế sang năm tiếp theo nếu việc trả lãi dẫn đến kết quả kinh doanh trong năm tài chính có khoản lãi đến hạn đó của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết bị lỗ.
- Trong thời hạn lưu hành của Trái Phiếu, Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ không được sử dụng quyền đòi thanh toán Trái Phiếu để khấu trừ nghĩa vụ tài chính/của mình đối với Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết hoặc bất cứ bên thứ ba nào.
- Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết chỉ được mua lại, trả nợ trước thời gian đáo hạn với điều kiện sau khi thực hiện mua lại, Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết vẫn đảm bảo các tỷ lệ, giới hạn bảo đảm an toàn theo quy định và báo cáo Ngân hàng Nhà nước để giám sát.

3. Mệnh giá

Mệnh giá Trái phiếu là: 100.000 VND/Trái Phiếu (Bằng chữ: Một trăm nghìn đồng một Trái Phiếu).

4. Tổng số trái phiếu đăng ký niêm yết

Tổng số lượng Trái Phiếu đăng ký niêm yết là 2.994.070 Trái phiếu (Hai triệu chín trăm chín mươi tư nghìn không trăm bảy mươi Trái Phiếu) (tương đương 100% tổng số lượng Trái Phiếu đã phát hành).

5. Tổng giá trị trái phiếu đăng ký niêm yết theo mệnh giá

299.407.000.000 đồng (Hai trăm chín mươi chín tỷ bốn trăm linh bảy triệu đồng)

6. Kỳ hạn trái phiếu

Kỳ hạn Trái Phiếu: 07 (bảy) năm.

7. Ngày phát hành

Ngày phát hành: ngày 14/10/2025

8. Ngày đáo hạn

Ngày đáo hạn: 14/10/2032

9. Lãi suất

- a. Lãi suất của Trái phiếu VAB phát hành ra công chúng Đợt 2 năm 2025 là lãi suất kết hợp. Lãi suất năm đầu là **7,6%/năm** và Lãi suất từ năm thứ 2 trở đi là lãi suất thả nổi theo công thức: **Lãi suất Trái phiếu = lãi suất tham chiếu cộng biên độ (*)**

(*) Biên độ và Lãi suất tham chiếu được xác định như sau:

- **Biên độ: 2,8%/năm**
- **Lãi suất tham chiếu (LSTC):** dùng để xác định lãi suất cho mỗi Kỳ Tính Lãi bằng bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng VND, kỳ hạn 12 tháng, trả lãi cuối kỳ (hoặc mức lãi suất của kỳ hạn tương đương) được công bố trên trang thông tin điện tử chính thức của bốn (04) Ngân hàng Thương mại Việt Nam bao gồm: BIDV, Vietinbank, Agribank và Vietcombank tại Ngày Xác Định Lãi Suất. Lãi suất tham chiếu sẽ được làm tròn đến hàng thập phân thứ hai.

Ngày Xác Định Lãi Suất: Đối với các Kỳ tính lãi tiếp theo sau Kỳ Tính Lãi đầu tiên, Ngày xác định lãi suất là ngày làm việc trước mỗi ngày tròn năm từ Ngày phát hành 07 (bảy) ngày làm việc.

- b. Nếu tại Ngày Xác Định Lãi Suất của bất kỳ Kỳ Tính Lãi nào mà có quy định của pháp luật về mức lãi suất trần và quy định đó có hiệu lực bắt buộc đối với Trái Phiếu khi xác định lãi suất như vậy thì lãi suất áp dụng cho Kỳ Tính Lãi đó là mức lãi suất được xác định theo công thức nêu trên (nếu mức lãi suất áp dụng theo công thức này chưa vượt quá mức trần lãi suất do pháp luật quy định), hoặc là mức lãi suất trần đó (nếu mức lãi suất được xác định theo công thức trên vượt quá mức trần lãi suất do pháp luật quy định).
- c. Việc xác định Lãi Suất Tham Chiếu sẽ theo các quy định sau: Vào mỗi Ngày Xác Định Lãi Suất, Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết tính toán Lãi Suất áp dụng cho Kỳ Tính Lãi có liên quan.

Để được sử dụng cho việc xác định Lãi Suất Tham Chiếu, lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng VND, kỳ hạn 12 tháng, trả lãi cuối kỳ (hoặc mức lãi suất của kỳ hạn tương đương) được công bố trên trang thông tin điện tử chính thức của Ngân Hàng Tham Chiếu phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Mức lãi suất đó phải là mức lãi suất áp dụng chung, được công bố công khai mà không phải là mức lãi suất áp dụng cho một hoặc một số đối tượng khách hàng cụ thể (dù có hay không có ưu đãi);
- Nếu là mức lãi suất tương đương thì mức lãi suất tương đương này chỉ được sử

dùng nếu Ngân Hàng Tham Chiếu không có, mức lãi suất cho kỳ hạn 12 (mười hai) tháng đáp ứng được điều kiện nêu trên. Mức lãi suất tương đương có thể là mức lãi suất cho kỳ hạn tính bằng ngày, gần với kỳ hạn 12 (mười hai) tháng nhất; Trường hợp tại Ngày Xác Định Lãi Suất có nhiều mức lãi suất tương đương thì áp dụng mức lãi suất tương đương của kỳ hạn ngắn ngày hơn.

d. Việc thu thập mức lãi suất tiền gửi của các Ngân Hàng Tham Chiếu sẽ theo các nguyên tắc sau:

- i. Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết sẽ tiến hành tổng hợp mức lãi suất được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Ngân Hàng Tham Chiếu có liên quan;
- ii. Nếu tại thời điểm thu thập, Ngân Hàng Tham Chiếu công bố nhiều mức lãi suất tiền gửi cho cùng một kỳ hạn, để xác định Lãi Suất Tham Chiếu vào Ngày Xác Định Lãi Suất có liên quan theo quy định trên thì mức lãi suất tiền gửi để xác định Lãi Suất Tham Chiếu sẽ là mức lãi suất thấp nhất của kỳ hạn đó được công bố;
- iii. Nếu tại thời điểm thu thập, trên trang thông tin điện tử của một Ngân Hàng Tham Chiếu bất kỳ không có mức lãi suất tiền gửi cần thu thập hoặc Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết không thể xác định được mức lãi suất cụ thể của Ngân Hàng Tham Chiếu đó thì Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết sẽ thực hiện việc thu thập lãi suất của Ngân Hàng Tham Chiếu đó theo các phương thức có thứ tự ưu tiên như sau:
 - (A) cử đại diện đến trực tiếp địa điểm đăng ký của Ngân Hàng Tham Chiếu đó để thu thập bằng biểu lãi suất áp dụng tại địa điểm đăng ký đó;
 - (B) gửi đề nghị xác nhận mức lãi suất tiền gửi cần thu thập đến địa điểm đăng ký của Ngân Hàng Tham Chiếu đó.

Để làm rõ, nếu sau khi Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết đã thực hiện phương thức nêu tại tiểu đoạn (A) trên mà không thu thập được mức lãi suất cần thu thập từ Ngân Hàng Tham Chiếu nêu trên thì ngay lập tức, Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết sẽ phải thực hiện phương thức nêu tại tiểu đoạn (B) trên.

Nếu Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết không nhận được văn bản xác nhận mức lãi suất cần thu thập từ Ngân Hàng Tham Chiếu nơi Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết gửi đề nghị xác nhận theo tiểu đoạn (B) trên trước ngày Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết phải gửi thông báo về kết quả xác định Lãi Suất theo khoản (vi) dưới đây hoặc có lý do hợp lý để nghi ngờ kết quả thu thập được thì Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết có quyền coi như không có mức lãi suất tiền gửi cần thu thập của Ngân Hàng Tham Chiếu có liên quan.

- iv. Nếu một hoặc một số (nhưng không phải tất cả) Ngân Hàng Tham Chiếu không công bố hoặc không có mức lãi suất tiền gửi để xác định Lãi Suất Tham Chiếu vào Ngày Xác Định Lãi Suất có liên quan theo quy định tại các điểm trên thì Lãi Suất Tham Chiếu sẽ là bình quân của các mức lãi suất tiền gửi cho các Ngân Hàng Tham Chiếu còn lại công bố tại Ngày Xác Định Lãi Suất đó.
- v. Nếu tất cả các Ngân Hàng Tham Chiếu không công bố hoặc không có lãi suất tiền

gửi để xác định Lãi Suất Tham Chiếu vào Ngày Xác Định Lãi Suất có liên quan theo quy định tại các điểm trên thì Lãi Suất Tham Chiếu sẽ là mức lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân (trả lãi sau, cuối kỳ) kỳ hạn 12 (mười hai) tháng (hoặc tương đương) bằng Đồng Việt Nam do Ngân hàng TMCP Việt Á công bố hoặc trên trang thông tin điện tử tại Ngày Xác Định Lãi Suất có liên quan.

- vi. Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết sẽ gửi thông báo kết quả xác định Lãi Suất Trái Phiếu trên trang thông tin điện tử chính thức (<https://vietabank.com.vn/>) của mình theo phương thức quy định trong Các Điều Khoản Của Trái Phiếu vào ít nhất 01 (một) Ngày Làm Việc trước Ngày Bắt Đầu Tính Lãi đối với các Kỳ Tính Lãi liên quan;
- vii. Người Sở Hữu Trái Phiếu đồng ý rằng kết quả xác định Lãi Suất Trái Phiếu của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết sẽ được áp dụng đối với toàn bộ Trái Phiếu trừ khi có sai sót về mặt số học một cách rõ ràng.

10. Kỳ hạn trả lãi, trả gốc:

10.1. Kỳ hạn trả lãi

Kỳ hạn trả lãi là định kỳ 01 (một) năm một lần. Tiền lãi trái phiếu được trả sau định kỳ 01 (một) năm một lần kể từ ngày phát hành vào cuối mỗi Kỳ Tính Lãi. Tiền lãi được tính trên số ngày thực tế trên cơ sở một năm có 365 ngày.

10.2. Tiền lãi Trái Phiếu

a. Nguyên tắc xác định tiền lãi Trái Phiếu

- i. Lãi phát sinh trên mỗi Trái Phiếu cho một Kỳ Tính Lãi hay một thời hạn không tròn Kỳ Tính Lãi được xác định theo công thức sau:

$$\text{Tiền lãi được hưởng trong Kỳ Tính Lãi} = \text{Mệnh giá Trái Phiếu} \times \frac{\text{Lãi Suất Trái Phiếu (\%/năm)}}{365} \times \text{Số ngày thực tế}$$

Số ngày thực tế trong công thức trên được tính từ (và gồm cả) ngày bắt đầu đến (nhưng không gồm cả) ngày cuối cùng của Kỳ Tính Lãi đó (áp dụng khi tính lãi tròn kỳ) hoặc của thời hạn đó (áp dụng khi tính lãi cho thời hạn không tròn kỳ). Lãi Suất áp dụng là Lãi Suất đang áp dụng cho Kỳ Tính Lãi phát sinh việc tính lãi đó.

- ii. Mỗi Trái Phiếu sẽ không được hưởng lãi kể từ Ngày Đến Hạn Gốc theo Các Điều Khoản Trái Phiếu này (tùy trường hợp áp dụng), trừ khi vào ngày đó, tiền gốc của Trái Phiếu không được thanh toán đầy đủ hoặc bị từ chối thanh toán không phù hợp với Các Điều Khoản Trái Phiếu này.
- iii. Trong trường hợp đến Ngày Thanh Toán Lãi và/hoặc Ngày Đến Hạn Gốc mà Người Sở Hữu Trái Phiếu không nhận được tiền thanh toán lãi và/hoặc gốc Trái Phiếu và Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết chứng minh được việc chậm thanh toán này không phải do lỗi của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết hoặc VSDC (sau khi Trái Phiếu được đăng ký tập trung tại VSDC) thì số tiền thanh toán lãi, gốc Trái Phiếu đó sẽ được

Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết giữ hộ và không được hưởng lãi.

- iv. Vào Ngày Thanh Toán Lãi, trong trường hợp Trái Phiếu chưa được đăng ký tập trung tại VSDC, Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết thực hiện thanh toán tiền lãi và/hoặc gốc Trái Phiếu vào tài khoản đăng ký nhận thanh toán tiền lãi và gốc Trái Phiếu của mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu có tên trong danh sách tại Ngày Đăng Ký Cuối Cùng theo thông tin trong Sổ Đăng Ký do Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết quản lý và/ hoặc Đại Lý Đăng Ký cung cấp.

Sau khi Trái Phiếu được đăng ký tập trung tại VSDC thì việc thanh toán lãi/gốc Trái Phiếu và các khoản thanh toán khác liên quan đến Trái Phiếu sẽ được thực hiện theo các quy định pháp luật hiện hành và quy chế của VSDC.

- v. Chỉ những Người Sở Hữu Trái Phiếu có tên trong Sổ Đăng Ký của Đại Lý Đăng Ký hoặc danh sách tổng hợp Người Sở Hữu Trái Phiếu (hoặc tài liệu tương tự) của VSDC lập (tùy từng trường hợp áp dụng) tại Ngày Chốt Danh Sách/ Ngày Đăng Ký Cuối Cùng cho mỗi lần thanh toán lãi/gốc Trái Phiếu mới nhận được tiền thanh toán trong Kỳ Tính Lãi đó. Để làm rõ, các giao dịch chuyển nhượng diễn ra sau Ngày Chốt Danh Sách/ Ngày Đăng Ký Cuối Cùng thì bên nhận chuyển nhượng sẽ không được nhận các khoản thanh toán liên quan đến Trái Phiếu cho Kỳ Tính Lãi có liên quan đó.

b. Ngừng Thanh Toán Lãi

Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết được ngừng trả lãi trên Trái Phiếu và chuyển lãi lũy kế sang năm tiếp theo (khoản lãi tạm ngừng trả được gọi là “Lãi Tạm Ngừng Trả”), nếu việc trả Lãi Tạm Ngừng Trả dẫn đến kết quả kinh doanh của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết trong năm tài chính bị lỗ. Việc Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết chậm trả lãi trên Trái Phiếu theo quy định nêu trên sẽ không bị coi là Sự Kiện Vi Phạm hoặc không bị coi là vi phạm bất kỳ quy định nào của Các Điều Kiện Trái Phiếu này cho bất kỳ mục đích nào. Lãi Tạm Ngừng Trả sẽ không được nhập gốc. Lãi Tạm Ngừng Trả sẽ được hưởng lãi từ và gồm cả ngày bắt đầu tạm ngừng trả đến nhưng không bao gồm ngày Lãi Tạm Ngừng Trả được Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết thanh toán đầy đủ trên thực tế cho Người Sở Hữu Trái Phiếu với mức lãi suất bằng Lãi Suất áp dụng cho Kỳ Tính Lãi làm phát sinh Lãi Tạm Ngừng Trả (mức lãi suất này không thay đổi trong suốt giai đoạn tạm ngừng trả), tính trên cơ sở một năm có 365 (ba trăm sáu mươi lăm) ngày.

c. Chậm Trả tiền gốc Trái Phiếu và/hoặc tiền lãi Trái Phiếu

- i. Trừ trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật hoặc hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có quy định khác, nếu khoản tiền gốc Trái Phiếu không được thanh toán đầy đủ hoặc bị giữ lại hoặc từ chối thanh toán mà do lỗi của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết (“Khoản Tiền Gốc Chậm Trả”) tại Ngày Đến Hạn Gốc thì Khoản Tiền Gốc Chậm Trả sẽ tiếp tục được hưởng lãi bằng lãi suất Trái Phiếu áp dụng đối với Kỳ Thanh Toán Lãi có Khoản Tiền Gốc Chậm Trả cho giai đoạn kể từ và gồm cả Ngày Đến Hạn Gốc cho đến nhưng không bao gồm ngày mà Người Sở Hữu Trái Phiếu nhận được tất cả Khoản Tiền Gốc Chậm Trả và lãi phát sinh (tính trên cơ sở một năm có 365 (ba trăm sáu mươi lăm) ngày).

- ii. Trừ trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật hoặc hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có quy định khác, nếu khoản tiền lãi Trái Phiếu không được thanh toán đầy đủ hoặc bị giữ lại hoặc từ chối thanh toán (ngoại trừ trường hợp quy định về Ngừng Thanh Toán Lãi tại Điều kiện 8.2 (b) trên đây) do lỗi của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết (“Khoản Tiền Lãi Chậm Trả”) thì Khoản Tiền Lãi Chậm Trả sẽ được hưởng lãi bằng mức lãi suất áp dụng đối với Kỳ Tính Lãi có Khoản Tiền Lãi Chậm Trả cho giai đoạn từ và bao gồm Ngày Thanh Toán Lãi đó cho đến nhưng không bao gồm ngày mà Người Sở Hữu Trái Phiếu nhận được tất cả Khoản Tiền Lãi Chậm Trả và lãi phát sinh (tính trên cơ sở một năm có 365 (ba trăm sáu mươi lăm) ngày).

10.3. Kỳ hạn trả gốc

Gốc được hoàn trả 01 (một) lần vào Ngày Đáo Hạn, hoặc Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại Trước Hạn; hoặc vào ngày đến hạn khác theo Các Điều Kiện Trái Phiếu và Các Văn Kiện Trái Phiếu.

10.4. Phương thức thanh toán gốc và lãi

Phương thức thanh toán gốc và lãi: Thông qua Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) và/hoặc chuyển khoản trực tiếp cho người sở hữu trái phiếu, phù hợp với quy chế liên quan của VSDC và quy định của pháp luật.

10.5. Thanh toán vào Ngày Làm Việc

Trường hợp Ngày Thanh Toán Lãi và/hoặc Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại và/hoặc Ngày Đáo Hạn không phải là Ngày Làm Việc thì việc thanh toán lãi và/hoặc gốc Trái Phiếu sẽ được thực hiện vào Ngày Làm Việc tiếp theo ngay sau ngày đó (và không bị coi là vi phạm nghĩa vụ thanh toán). Để tránh hiểu lầm, Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ không được hưởng lãi liên quan đến việc thanh toán chậm do ngày đến hạn thanh toán không phải là Ngày Làm Việc.

11. Xếp hạng tín nhiệm

Ngày 22/4/2025 - Công ty Cổ phần Xếp hạng Tín nhiệm Đầu tư Việt Nam (VIS Rating) đánh giá xếp hạng tín nhiệm tổ chức đăng ký niêm yết dài hạn ở mức A- đối với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Á (VAB). Triển vọng đối với mức xếp hạng A- của VAB là ổn định.

12. Quyền của người sở hữu trái phiếu:

12.1. Quyền của những Người Sở Hữu Trái Phiếu

Trừ trường hợp pháp luật có quy định khác, mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu được ghi tên trong Sổ Đăng Ký do Đại Lý Đăng Ký quản lý (trước khi Trái Phiếu được đăng ký và lưu ký tập trung tại VSDC) hoặc trong danh sách Người Sở Hữu Trái Phiếu được quản lý tập trung tại VSDC (sau khi Trái Phiếu được đăng ký, lưu ký tập trung tại VSDC) sẽ là chủ sở hữu duy nhất của Trái Phiếu về mọi phương diện và sẽ có quyền nhận tất cả các khoản thanh toán, thông báo, báo cáo và được hưởng các quyền khác liên quan đến Trái Phiếu đó. Các quyền của Người Sở Hữu Trái Phiếu bao gồm:

a. Quyền Sở Hữu và được cấp Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu

- i. Trước khi Trái Phiếu được đăng ký tập trung tại VSDC
 - Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết đã chỉ định Công ty Cổ phần Chứng khoán MB (MBS) ("**Đại Lý Đăng Ký**") lập, duy trì và quản lý sổ đăng ký ("**Sổ Đăng Ký**") ghi tên những Người Sở Hữu Trái Phiếu theo Hợp đồng đại lý đăng ký. Mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu được ghi tên trong Sổ Đăng Ký do Đại Lý Đăng Ký quản lý (trước khi Trái Phiếu được đăng ký tập trung tại VSDC).
 - Mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ được Đại Lý Đăng Ký thay mặt và theo ủy quyền của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu Trái Phiếu ("**Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu**") theo quy định tại Hợp đồng đại lý đăng ký. Mỗi Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu sẽ được đánh số riêng biệt để nhận biết và sẽ được ghi trong Sổ Đăng Ký.
 - Việc cấp lại Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu bị thất lạc, mất cắp, rách nát, hư hại hoặc phá hủy; việc thay đổi thông tin của Người Sở Hữu Trái Phiếu được thực hiện theo quy định của Đại Lý Đăng Ký và/hoặc Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết.
- ii. Sau khi Trái Phiếu được đăng ký tập trung tại VSDC
 - Việc quản lý danh sách người sở hữu chứng khoán và các giao dịch liên quan đến Chuyển Quyền Sở Hữu Trái Phiếu sẽ được thực hiện thông qua VSDC, tuân theo quy định pháp luật Việt Nam, quy định của VSDC và SGDCK.
 - Trường hợp Người Sở Hữu Trái Phiếu đã thực hiện lưu ký Trái Phiếu tại VSDC, việc quản lý, lưu giữ thông tin Người Sở Hữu Trái Phiếu và các giao dịch liên quan đến chuyển quyền sở hữu Trái Phiếu được thực hiện thông qua VSDC và tuân thủ quy định của pháp luật, quy định của VSDC và SGDCK.
 - Trường hợp Người Sở Hữu Trái Phiếu chưa thực hiện lưu ký Trái Phiếu tại VSDC, để thực hiện chuyển quyền sở hữu Trái Phiếu thông qua các giao dịch mua, bán Trái Phiếu, Người Sở Hữu Trái Phiếu phải thực hiện lưu ký Trái Phiếu theo quy định của VSDC và quy định của pháp luật.
 - Việc cấp lại Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu bị thất lạc, mất cắp, rách nát, hư hại hoặc phá hủy; việc thay đổi thông tin của Người Sở Hữu Trái Phiếu được thực hiện theo quy định của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết và/hoặc bên thứ ba cung cấp dịch vụ do Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết chỉ định.
- iii. Để làm rõ, Giấy Chứng Nhận Sở Hữu Trái Phiếu không có giá trị chuyển nhượng, cho tặng, thừa kế, cầm cố, thế chấp, hoặc bất kỳ giao dịch bảo đảm nào khác tại bất kỳ tổ chức/cá nhân nào nếu không có xác nhận bằng văn bản của tổ chức/cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Giấy Chứng Nhận Sở Hữu Trái Phiếu sẽ tự động bị hủy bỏ khi Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết đã hoàn thành mọi nghĩa vụ thanh toán liên quan đến Trái Phiếu hoặc khi Người Sở Hữu Trái Phiếu bán, chuyển nhượng, tặng cho hay bất kỳ hành động nào dẫn đến thay đổi một phần hoặc toàn bộ số lượng Trái Phiếu.

b. Quyền hưởng lãi và các khoản thanh toán khác

Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ được Tổ Chức Đăng Ký Niêm yết thanh toán đầy đủ, đúng hạn tiền gốc, tiền lãi và các khoản thanh toán khác (nếu có) liên quan đến Trái Phiếu theo quy định của pháp luật có liên quan, quy định của VSDC và Các Điều Khoản Trái Phiếu.

c. Quyền giao dịch Trái Phiếu

- i. Người Sở Hữu Trái Phiếu được tự do chuyển quyền sở hữu đối với toàn bộ Trái Phiếu của mình và sử dụng Trái Phiếu để làm tài sản bảo đảm, cầm cố, chiết khấu, mua bán có kỳ hạn hoặc tham gia vào các giao dịch dân sự, thương mại theo khác phù hợp với quy định của pháp luật và Các Điều Khoản Trái Phiếu. Để tránh nhầm lẫn, theo điều khoản điều kiện của Trái Phiếu này, Trái Phiếu phải được lưu ký tại VSDC thông qua thành viên lưu ký trước khi Người Sở Hữu Trái Phiếu thực hiện chuyển quyền sở hữu Trái Phiếu thông qua các giao dịch mua, bán Trái Phiếu.
- ii. Người Sở Hữu Trái Phiếu có thể cầm cố Trái Phiếu tại các tổ chức tín dụng theo quy định hiện hành của pháp luật và quy định của tổ chức tín dụng đó;
- iii. Không ảnh hưởng đến quy định tại Điều Khoản nêu trên, Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết không tham gia nhận chiết khấu, Trái Phiếu hoặc mua bán có kỳ hạn Trái Phiếu hoặc tham gia các giao dịch khác với Người Sở Hữu Trái Phiếu liên quan đến Trái Phiếu mà có hiệu lực như một giao dịch mua lại trước hạn Trái Phiếu của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết, trừ trường hợp mua lại trước hạn theo quy định tại Các Điều Khoản Trái Phiếu;
- iv. Khi Trái Phiếu được đăng ký tại VSDC, việc giao dịch Trái Phiếu sẽ được thực hiện theo các quy định của VSDC, các quy định của pháp luật có liên quan khác; và quy định tại Các Điều Khoản Trái Phiếu.

d. Quyền nhận thông tin

Người Sở Hữu Trái Phiếu có quyền được nhận các thông báo, thông tin liên quan đến Trái Phiếu mà Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết, Đại lý Đăng Ký và Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu gửi cho tất cả Người Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định của Các Điều Khoản Trái Phiếu.

e. Quyền biểu quyết

Người Sở Hữu Trái Phiếu có quyền biểu quyết (tại Hội nghị hoặc trong đợt lấy ý kiến bằng văn bản của Người Sở Hữu Trái Phiếu) về các vấn đề liên quan đến Trái Phiếu đòi hỏi Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết hoặc Đại Diện Người Sở Hữu phải xin chấp thuận của Người Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định của Các Điều Khoản Trái Phiếu.

f. Quyền khi xảy ra sự kiện vi phạm của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết

Khi xảy ra bất kỳ sự kiện nào dưới đây gọi là một **“Sự Kiện Vi Phạm”**:

- i. *Không Thanh Toán*: Nếu Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết không thanh toán hoặc không thanh toán đầy đủ bất kỳ khoản tiền gốc và/hoặc tiền lãi của Trái Phiếu mà vi phạm đó được xác định là do lỗi của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết (trừ trường hợp Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết được phép thực hiện quyền Ngừng Thanh Toán Tiền Lãi theo quy định tại **Điều Khoản 8.2**), và vi phạm đó chưa được khắc phục trong thời gian 10 (mười) Ngày Làm Việc kể từ ngày đến hạn tương ứng;

- ii. *Mất khả năng thanh toán:* Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết bị mất khả năng thanh toán hoặc lâm vào tình trạng khác làm phát sinh yêu cầu mở thủ tục phá sản theo quy định của pháp luật về phá sản và tình trạng này không chấm dứt hoặc chưa được khắc phục trong thời hạn 30 (ba mươi) Ngày Làm Việc.

Thì Người Sở Hữu Trái Phiếu có quyền được thực hiện các biện pháp xử lý khi xảy ra Sự Kiện Vi Phạm, cụ thể:

- i. Quyền khởi kiện đến tòa án có thẩm quyền của Việt Nam yêu cầu Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết tuân thủ nghĩa vụ thanh toán (Chỉ áp dụng với Sự Kiện Vi Phạm “Không Thanh Toán”) nêu trên, hoặc
- ii. Quyền yêu cầu tòa án có thẩm quyền của Việt Nam mở thủ tục phá sản đối với Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết (nếu pháp luật về phá sản có liên quan cho phép).

Ngoài ra, nếu có một lệnh của tòa án được đưa ra hoặc một nghị quyết của cấp có thẩm quyền được thông qua về việc phá sản hoặc giải thể đối với Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết (bất kể là có một Sự Kiện Vi Phạm đã xảy ra và đang tiếp diễn hay không) và lệnh hoặc nghị quyết đó không được thu hồi/hủy bỏ trong thời gian 15 (mười lăm) Ngày Làm Việc kể từ ngày được đưa ra, thì bất kỳ Người Sở Hữu Trái Phiếu nào cũng có thể gửi một thông báo bằng văn bản (được coi là có hiệu lực vào ngày nhận thông báo) cho Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết và tuyên bố Trái Phiếu mình đang nắm giữ đến hạn và Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết phải thanh toán ngay lập tức mà không phải thực hiện thêm bất cứ thủ tục nào khác nữa. Trong trường hợp này, Trái Phiếu được coi là sẽ đến hạn ngay lập tức cùng với tiền lãi lũy kế (nếu có) được tính cho đến ngày hoàn trả.

12.2. Nghĩa vụ của Người Sở Hữu Trái Phiếu

- a. Tuân thủ các quy định tại Các Điều Khoản Trái Phiếu;
- b. Tự đánh giá mức độ rủi ro trong việc đầu tư Trái Phiếu và tự chịu trách nhiệm về quyết định đầu tư của mình. Sau khi đăng ký và thanh toán tiền mua Trái Phiếu, người mua Trái Phiếu không được hoãn, hủy đăng ký mua Trái Phiếu;
- c. Người Sở Hữu Trái Phiếu có nghĩa vụ bán lại toàn bộ Trái Phiếu cho Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết và nhận lại 100% khoản tiền gốc và tiền lãi phát sinh chưa thanh toán của Trái Phiếu do mình sở hữu trong trường hợp Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết mua lại Trái Phiếu trước hạn vào Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại Trái Phiếu.
- d. Lập tức hoàn trả cho Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết bất kỳ khoản tiền nào mà Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết chuyển sai cho Người Sở Hữu Trái Phiếu sau khi nhận được thông báo kèm theo bằng chứng chứng minh về sai sót đó từ Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết hoặc ngay khi Người Sở Hữu Trái Phiếu phát hiện ra sai sót đó;
- e. Thông báo cho Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết ngay khi có sự thay đổi/chấm dứt ủy quyền của đại diện của Người Sở Hữu Trái Phiếu (trong trường hợp Người Sở Hữu Trái Phiếu chỉ định đại diện ủy quyền làm việc với Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết);
- f. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính xác thực và hiệu lực của các giấy tờ pháp lý cung cấp cho Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết;
- g. Chịu trách nhiệm về nguồn gốc hợp pháp của nguồn vốn đầu tư vào Trái Phiếu;

- h. Người Sở Hữu Trái Phiếu có nghĩa vụ nộp thuế phát sinh từ các khoản thu nhập, các khoản thanh toán liên quan đến Trái Phiếu hoặc các giao dịch Chuyển Quyền Sở Hữu Trái Phiếu và các nghĩa vụ nộp thuế khác (nếu có) theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam;
- i. Phối hợp thực hiện các thủ tục, công việc theo yêu cầu của pháp luật hoặc của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết để hoàn thành việc đăng ký, niêm yết Trái Phiếu khi Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết thực hiện đăng ký và niêm yết Trái Phiếu theo quy định;
- j. Không làm giả mạo, sửa chữa, tẩy xóa Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu; không được yêu cầu thanh toán Trái Phiếu không thuộc quyền sở hữu hợp pháp của mình. Trường hợp Người Sở Hữu Trái Phiếu cố tình vi phạm bất kỳ quy định nào tại các Văn Kiện Trái Phiếu, Người Sở Hữu Trái Phiếu đó sẽ phải bồi thường các thiệt hại thực tế cho Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết và/hoặc bên thứ ba và chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.
- k. Lập tức thông báo cho Đại Lý Đăng Ký và Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết nếu Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu bị mất cắp, thất lạc hoặc phát hiện lỗi hoặc có sai sót; Người Sở Hữu Trái Phiếu phải chịu trách nhiệm hoàn toàn về những thiệt hại hoặc mất mát gây ra khi không lập tức thông báo cho Đại Lý Đăng Ký và/ hoặc Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết.
- l. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo Các Điều Kiện Trái Phiếu và quy định của pháp luật. Trường hợp Người Sở Hữu Trái Phiếu cố tình vi phạm Các Điều Kiện Trái Phiếu sẽ phải bồi thường thiệt hại cho Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết và/hoặc bên thứ ba và chịu hoàn toàn trách nhiệm theo quy định pháp luật.

12.3. Các quyền và nghĩa vụ khác

Người Sở Hữu Trái Phiếu có các quyền, lợi ích và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, quy định tại Các Điều Kiện Trái Phiếu này và các Văn Kiện Trái Phiếu khác (nếu có).

12.4. Trường hợp thay đổi quyền của Người Sở Hữu Trái Phiếu

Trường hợp phát sinh thay đổi quyền của Người Sở Hữu Trái Phiếu đã quy định tại Các Điều Kiện Trái Phiếu, các phát sinh thay đổi chỉ có hiệu lực sau khi có sự thống nhất giữa Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết và những Người Sở Hữu Trái Phiếu bằng Nghị Quyết Người Sở Hữu Trái Phiếu (sẽ được thông qua tại Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu hoặc hình thức lấy ý kiến bằng văn bản) hoặc theo yêu cầu bắt buộc của pháp luật.

13. Đại diện người sở hữu trái phiếu:

13.1. Tên Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu

- a. Tại thời điểm lập Bản Cáo Bạch này, Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu là Công ty cổ phần Chứng khoán MB (“MBS”). Người Sở Hữu Trái Phiếu bằng việc đăng ký mua và trở thành Người Sở Hữu Trái Phiếu được coi là đã chấp thuận việc chỉ định Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu ban đầu như vậy.
- b. Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu đáp ứng các điều kiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 24 Nghị Định 155/2020/NĐ-CP về việc Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu không thuộc

một trong số các đối tượng sau: (i) tổ chức bảo lãnh thanh toán của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết; (ii) bên sở hữu tài sản bảo đảm của Trái Phiếu hoặc (iii) cổ đông lớn hoặc người có liên quan của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết.

13.2. Trách nhiệm cơ bản của Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu

Trách nhiệm cơ bản của Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu theo Hợp Đồng số 06/2025/BHA/VAB-MBS ngày 12/05/2025 với Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết:

- i. Thay mặt những Người Sở Hữu Trái Phiếu thực hiện các quyền lợi của những Người Sở Hữu Trái Phiếu theo Hợp Đồng Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu và các văn kiện Trái Phiếu khác có liên quan;
- ii. Giám sát việc tuân thủ các cam kết của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết trong hồ sơ đăng ký chào bán Trái Phiếu; báo cáo cho UBCKNN trong trường hợp phát hiện và có bằng chứng rõ ràng về việc Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết có hành vi vi phạm ảnh hưởng đến quyền lợi của Người Sở Hữu Trái Phiếu; thông báo cho những Người Sở Hữu Trái Phiếu khi có bằng chứng xác định rõ ràng về vi phạm của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết đối với bất kỳ Văn Kiện Trái Phiếu nào;
- iii. Triệu tập và tổ chức Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu hoặc lấy ý kiến những Người Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định tại Hợp Đồng Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu;
- iv. Ký biên bản Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu nhân danh những Người Sở Hữu Trái Phiếu, biên bản kiểm phiếu, các quyết định/nghị quyết của những Người Sở Hữu Trái Phiếu theo thẩm quyền được giao;
- v. Nhận và thông báo cho các bên liên quan các nội dung như được quy định tại Hợp Đồng Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu;
- vi. Thông báo và yêu cầu Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết và các bên có liên quan khác thực hiện các quyết định của Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu và/hoặc các quyết định/nghị quyết của những Người Sở Hữu Trái Phiếu liên quan đến Trái Phiếu theo thẩm quyền được giao;
- vii. Tạo điều kiện cho những Người Sở Hữu Trái Phiếu rà soát, nghiên cứu và sao chụp các văn bản, tài liệu liên quan đến Trái Phiếu mà Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu có trách nhiệm lưu giữ;
- viii. Sau khi Trái Phiếu được đăng ký tại VSDC, yêu cầu Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết gửi thông báo đến VSDC để lập danh sách Người Sở Hữu Trái Phiếu với chi phí do Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết thanh toán để thực hiện các nhiệm vụ bao gồm nhưng không giới hạn các nội dung thông báo/triệu tập hội nghị trái chủ, lấy ý kiến bằng văn bản,...
- ix. Các nhiệm vụ khác theo quy định của Hợp Đồng Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu.

14. Việc mua lại trái phiếu trước hạn:

Trái Phiếu có thể được mua lại trước hạn theo các quy định sau:

14.1. Mua lại Trái Phiếu trước hạn vào Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại

- a. Trên cơ sở đảm bảo tuân thủ và phù hợp với các quy định hiện hành của pháp luật có liên quan, sau mỗi 12 tháng kể từ Ngày Phát Hành, Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết có quyền (nhưng không phải nghĩa vụ) mua lại trước hạn toàn bộ khối lượng Trái Phiếu đã phát hành tại Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại với giá mua lại bằng mệnh giá Trái Phiếu cộng với lãi cộng dồn chưa thanh toán (nếu có). Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại là tại Ngày Thanh Toán Lãi của các Kỳ Tính Lãi.
- b. Trong trường hợp này, Người Sở Hữu Trái Phiếu có nghĩa vụ bán lại toàn bộ Trái Phiếu cho Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết. Kể từ Thời Điểm Khóa Sổ của Ngày Đăng Ký Cuối Cùng cho đến Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại, Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ không được chuyển nhượng, sử dụng Trái Phiếu để chiết khấu, làm tài sản bảo đảm, tạo lập các nghĩa vụ hoặc biện pháp bảo đảm đối với Trái Phiếu hoặc tham gia các giao dịch dân sự, thương mại khác liên quan đến Trái Phiếu mà dẫn đến hoặc có thể dẫn đến việc thay đổi quyền sở hữu Trái Phiếu.
- c. Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết sẽ thông báo việc mua lại trên trang thông tin điện tử chính thức của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết ít nhất 15 (mười lăm) ngày làm việc nhưng không sớm hơn 60 (sáu mươi) ngày trước Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại Trái Phiếu tương ứng. Trong trường hợp Người Sở Hữu Trái Phiếu không nhận được thông báo mua lại của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết mà không do lỗi của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết hoặc không thực hiện đủ các thủ tục cần thiết để thực hiện việc bán lại Trái Phiếu cho Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết (nếu có), Người Sở Hữu Trái Phiếu vẫn có nghĩa vụ bán lại toàn bộ số Trái Phiếu đang sở hữu cho Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết và tiền thanh toán mua lại Trái Phiếu sẽ được chuyển vào tài khoản được đăng ký của mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu được ghi nhận tại Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết hoặc thông qua các Thành viên lưu ký nơi Người Sở Hữu Trái Phiếu mở tài khoản lưu ký.

14.2. Mua lại Trái Phiếu trước hạn theo thỏa thuận

- a. Không ảnh hưởng đến Điều Khoản 14.1 nêu trên, trên cơ sở đảm bảo tuân thủ và phù hợp với các quy định hiện hành của pháp luật có liên quan, Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết có thể đề nghị mua lại Trái Phiếu vào bất cứ lúc nào bằng bất cứ phương thức nào với giá mua lại bằng mệnh giá Trái phiếu cộng với lãi cộng dồn chưa thanh toán (nếu có).
- b. Trong trường hợp này, mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu có quyền quyết định có bán Trái phiếu của mình cho Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết hay không.
- c. Việc chào mua Trái phiếu được thực hiện công khai đối với tất cả Người Sở Hữu Trái Phiếu. Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết sẽ thông báo việc mua lại trên trang thông tin điện tử chính thức của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết ít nhất 15 (mười lăm) ngày làm việc nhưng không sớm hơn 60 (sáu mươi) ngày trước ngày dự kiến mua lại.
- d. Bất cứ Trái Phiếu nào do Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết mua lại sẽ không được tính vào tỷ lệ biểu quyết tại cuộc họp những Người Sở Hữu Trái Phiếu cũng như tỷ lệ thông qua Nghị quyết Người Sở Hữu Trái Phiếu bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản khi quyết định những vấn đề liên quan đến các biện pháp xử lý đối với Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết.

14.3. Mua lại Trái Phiếu bắt buộc

Nếu bất kỳ Sự Kiện Vi Phạm nào trong các Sự Kiện Vi Phạm quy định tại Điều 12.1.(f) của Các Điều Kiện Trái Phiếu này diễn ra thì bất kỳ Người Sở Hữu Trái Phiếu nào cũng có thể tuyên bố Trái Phiếu đến hạn và Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết bắt buộc phải mua lại toàn bộ Trái Phiếu đang lưu hành.

14.4. Hủy bỏ Trái Phiếu mua lại trước hạn

Tất cả Trái Phiếu được Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết hoàn trả và/hoặc mua lại trước hạn theo Điều này sẽ được hủy bỏ ngay và không phát hành lại hoặc bán lại (trừ trường hợp pháp luật có liên quan hoặc các quy định khác có hướng dẫn khác). Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu (nếu có) sẽ tự động hết hiệu lực kể từ thời điểm Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết hoàn thành nghĩa vụ thanh toán toàn bộ tiền gốc, lãi theo Các Điều Kiện Trái Phiếu này.

15. Phương pháp tính giá

Giá của Trái Phiếu là giá trị hiện tại của những dòng tiền trong tương lai dự tính thu được từ Trái Phiếu, được chiết khấu về thời điểm hiện tại với tỷ lệ lợi tức yêu cầu thích hợp của mỗi nhà đầu tư.

Công thức tổng quát tính giá Trái Phiếu trả lãi theo định kỳ như sau:

$$PV = \sum_{i=1}^n \frac{CF_i}{(1+k)^i} + \frac{FV}{(1+k)^n}$$

Trong đó:

- PV: là Giá của Trái Phiếu
- FV: là Mệnh giá (gốc) của Trái Phiếu
- CF_i : là lãi của Trái Phiếu nhận vào kỳ trả lãi thứ i
- n : là số kỳ trả lãi còn lại của Trái Phiếu
- k : là mức sinh lợi kỳ vọng đối với lợi suất Trái Phiếu

Việc xác định giá trái phiếu có thể khác nhau giữa các Nhà Đầu Tư do lợi suất yêu cầu khác nhau, áp dụng các thông lệ thị trường (market convention) khác nhau trong tính toán và khả năng tiếp cận các thông tin thị trường khác nhau. Để tính giá trái phiếu, Nhà Đầu Tư có thể tham khảo các bước tính toán như sau:

- (1) Xác định ngày thanh toán thực tế (ở Việt Nam là ngày $T+1$ so với ngày giao dịch);
- (2) Xác định các kỳ hướng lãi coupon còn lại và các ngày nhận lãi coupon;
- (3) Xác định các kỳ hướng lãi coupon theo lãi suất cố định hoặc có thể áp dụng;
- (4) Xác định các khung hướng lãi coupon theo chất lượng nợ và thời điểm cho mô hình hợp phù hợp;
- (5) Xác định mức lợi suất yêu cầu phù hợp (căn cứ lợi suất giao dịch thực cấp/sơ cấp của tài sản có thời gian đáo hạn tương đương, mức lãi suất tham chiếu hoặc đường

cong lợi suất của bên đồng cấu theo đường cong lợi suất);

- (6) Lựa chọn phương thức tính ngày (Day-count Convention) phù hợp theo thông lệ thị trường và loại tài sản (ví dụ: Actual/Actual ICMA, Actual/Actual ISDA, Actual/365 Fixed, Actual/360, Actual/364, Actual/365L, Actual/Actual AFB, 30/360...);
- (7) Áp dụng công thức nêu trên để tính giá trái phiếu.

Ví dụ minh họa:

Mệnh giá Trái Phiếu (FV):	100.000 đồng
Ngày phát hành:	14/10/2025
Ngày đáo hạn (Maturity):	14/10/2032
Kỳ hạn:	7 năm
Kỳ trả lãi (Frequency):	vào ngày 14/10 hàng năm
Giá định ngày định giá (giá định cũng là ngày giao dịch đầu tiên trên sàn dự kiến)	24/12/2025
Số kỳ hưởng lãi và ngày nhận lãi còn lại	7 kỳ vào các ngày 14/10/2026, 14/10/2027, 14/10/2028, 14/10/2029, 14/10/2030, 14/10/2031, 14/10/2032
Lãi coupon đã xác định	7,6%/năm cho các kỳ thanh toán lãi vào ngày 14/10/2026
Lãi coupon chưa xác định	Giá định các kỳ tính lãi tiếp theo sau kỳ tính lãi đầu tiên, lãi suất trái phiếu bằng 7,6%/năm
Lợi suất yêu cầu ⁷ hay Lãi suất chiết khấu (k)	Lợi suất trái phiếu chính phủ kỳ hạn 07 năm là 3,40% (theo thông tin lợi suất trái phiếu chính phủ kỳ hạn 7 năm tại ngày 24/10/2025 tại https://hnx.vn/vi-vn/trai-phieu.html) Giá định mức biên chênh lệch giữa lợi suất Trái Phiếu và lợi suất trái phiếu chính phủ kỳ hạn 7 năm được yêu cầu bởi nhà đầu tư là 4% Như vậy mức lợi suất yêu cầu được xác định là 7,40%/năm
Cơ sở tính ngày (day count convention)	Actual/365

Với đặc điểm nêu trên, giá định ngày 24/12/2025 là ngày giao dịch đầu tiên của trái phiếu, thì giá tại ngày này được xác định như sau:

[Phần còn lại của trang được cô ý để trống]

⁷ Đây chỉ là một ví dụ tham khảo về các xác định lợi suất yêu cầu đối với trái phiếu doanh nghiệp trên cơ sở credit spread đối với trái phiếu chính phủ cùng kỳ hạn theo thông lệ quốc tế. Nhà đầu tư có thể tham khảo thêm lợi suất giao dịch của trái phiếu doanh nghiệp có cùng rating và cùng kỳ hạn hoặc các phương pháp khác để xác định lợi suất yêu cầu.

Ngày	Kỳ trả lãi	Số ngày năm giữ	Lãi suất coupon (CPN)	Dòng tiền lãi $CF(i) =$ Mệnh giá*CPN*Số ngày thực tế còn lại của Kỳ Tính Lãi/365	Gốc trái phiếu	$CF/(1+k)^i$	$FV/(1+k)^n$
14/10/2026	1	294	7,60%	7.600,00		7.175,30	
14/10/2027	2	659	7,60%	7.600,00		6.680,92	
14/10/2028	3	1.025	7,60%	7.620,82		6.236,41	
14/10/2029	4	1.390	7,60%	7.600,00		5.790,85	
14/10/2030	5	1.755	7,60%	7.600,00		5.391,86	
14/10/2031	6	2.120	7,60%	7.600,00		5.020,35	
14/10/2032	7	2.486	7,60%	7.620,82	100.000	4.686,33	61.493,77
Tổng					100.000	40.982,02	61.493,77

Với các đặc điểm và giả định nêu trên, tại ngày giao dịch đầu tiên trên sàn HNX dự kiến 24/12/2025, giá của Trái Phiếu là: 102.476 VND một trái phiếu (bằng tổng của các giá trị PV).

16. Phương pháp tính lợi suất khi đáo hạn

Lợi suất đáo hạn - YTM (Yield To Maturity) là đại lượng đo lường lợi suất (tỷ suất lợi nhuận) mà nhà đầu tư nhận được từ trái phiếu từ khi mua và nắm giữ trái phiếu đến khi đáo hạn. Nói cách khác, YTM là mức lãi suất làm cho giá trị hiện tại của các dòng tiền mà nhà đầu tư nhận được từ trái phiếu bằng với giá trị đầu tư ban đầu (giá thị trường của Trái Phiếu).

Để xác định YTM, nhà đầu tư có thể áp dụng công thức tương tự công thức định giá Trái Phiếu được trình bày tại mục trên đây.

$$PV = \sum_{i=1}^n \frac{CF_i}{(1+k)^i} + \frac{FV}{(1+k)^n}$$

Ví dụ minh họa:

Một Trái Phiếu có các đặc tính sau:

- Mệnh giá Trái Phiếu: 100.000 đồng/Trái Phiếu;
- Ngày phát hành: 14/10/2025;
- Ngày đáo hạn: 14/10/2032;
- Kỳ trả lãi: vào ngày 14/10 hàng năm;

- Lãi suất: 7,6%/năm cho kỳ tính lãi đầu tiên, các kỳ tính lãi sau kỳ tính lãi đầu tiên, giá định lãi suất trái phiếu là 7,6%/năm
- Ngày giao dịch dự kiến: **24/12/2025**
- Giá giao dịch dự kiến: **102.000 VND**
- Lợi suất yêu cầu hay lãi suất chiết khấu /năm: k

Với các đặc điểm trên, nếu nhà đầu tư giao dịch tại ngày 24/12/2025 với giá 102.000 VND và nắm giữ tới khi đáo hạn thì lợi suất trái phiếu khi đáo hạn (k) là:

$$PV = \sum_{i=1}^n \frac{CF_i}{(1+k)^i} + \frac{FV}{(1+k)^n}$$

Áp dụng phương pháp nội suy: k = 7,49%/năm

17. Đánh giá tác động của tình hình lạm phát đối với trái phiếu niêm yết:

Lạm phát được xác định là một trong những chỉ tiêu quan trọng trong điều hành kinh tế vĩ mô ở Việt Nam từ trước tới nay. Trong những năm qua, Chính phủ đã ban hành nhiều chính sách để kiểm chế lạm phát và ổn định kinh tế vĩ mô.

Giá trị trái phiếu được tính toán dựa trên cơ sở chiết khấu dòng tiền phát sinh trong tương lai về thời điểm hiện tại, do đó chịu tác động trực tiếp bởi lãi suất thị trường hay còn gọi là rủi ro lãi suất. Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị Trái phiếu sẽ giảm khi lãi suất thị trường tăng và ngược lại. Khi tỷ lệ lạm phát gia tăng, lãi suất thị trường sẽ có xu hướng tăng tương ứng khiến cho nhà đầu tư đòi hỏi mức sinh lời từ trái phiếu cao hơn, làm tăng lãi suất chiết khấu, do đó làm giảm giá trị hiện tại của Trái phiếu. Ngược lại, nếu tỷ lệ lạm phát giảm kéo theo lãi suất thị trường giảm làm giảm chi phí đi vay của doanh nghiệp, tăng khả năng thanh toán nợ và trực tiếp làm tăng giá trị trái phiếu.

Có thể kết luận rằng tỷ lệ lạm phát và lãi suất thị trường có mối quan hệ ngược chiều với giá của Trái phiếu. Trong trường hợp diễn biến nền kinh tế vĩ mô trong thời hạn Trái phiếu không biến động bất thường, Trái phiếu niêm yết dự kiến sẽ không chịu ảnh hưởng quá lớn đến từ tình hình lạm phát và lãi suất do một số nguyên nhân sau đây:

Trái phiếu được bán bằng mệnh giá và có mức biên độ cố định và kỳ xác định lãi suất 1 năm/lần sẽ giúp Tổ chức Đăng ký Niêm yết giảm thiểu những rủi ro tăng giảm lãi suất của thị trường.

Tỷ lệ lạm phát 5 năm vừa qua (từ năm 2020 đến năm 2024) lần lượt như sau:

- Năm 2020: tỷ lệ lạm phát ở mức 3,23%
- Năm 2021: tỷ lệ lạm phát ở mức 1,84%
- Năm 2022: tỷ lệ lạm phát ở mức 3,15%
- Năm 2023: tỷ lệ lạm phát ở mức 3,25%
- Năm 2024: tỷ lệ lạm phát ở mức 3,63%

Xét về tình hình vĩ mô, Việt Nam đang trong quá trình hồi phục sau khủng hoảng kinh tế.

Chính phủ luôn có những chính sách để kiểm chế lạm phát qua các năm. Tỷ lệ lạm phát trong 5 năm vừa qua ở mức không quá cao, do đó rủi ro lạm phát tăng trong các năm tới dự kiến sẽ không ở mức quá cao. Ảnh hưởng của lạm phát đối với trái phiếu được đánh giá là không đáng kể.

18. Cam kết về bảo đảm

Không có

19. Thông tin về các cam kết

19.1. Cam kết thực hiện nghĩa vụ của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết với nhà đầu tư về điều kiện phát hành, thanh toán, bảo đảm quyền lợi và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư

Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết cam kết thực hiện nghĩa vụ của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết đối với nhà đầu tư về điều kiện phát hành, thanh toán, bảo đảm quyền lợi và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư. Đồng thời, Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết cam kết với nhà đầu tư thực hiện nghiêm túc và đầy đủ các nghĩa vụ của mình, bao gồm nhưng không giới hạn các cam kết dưới đây:

- Cam kết về điều kiện phát hành: Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết cam kết thực hiện nghĩa vụ của mình đối với nhà đầu tư về điều kiện phát hành phù hợp với quy định của Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn Luật Chứng khoán;
- Cam kết thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán tiền gốc, lãi Trái Phiếu và các khoản tiền khác liên quan tới Trái Phiếu (nếu có) cho nhà đầu tư và bảo đảm việc thanh toán được thực hiện đầy đủ, chính xác và đúng hạn theo Các Điều Kiện Trái Phiếu được quy định cụ thể trong Bản Cáo Bạch này;
- Cam kết bảo đảm các quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư đối với và liên quan tới Trái Phiếu (bao gồm các quyền như: chuyển nhượng, bán, cho tặng, để lại thừa kế Trái Phiếu; sử dụng Trái Phiếu làm tài sản bảo đảm, cầm cố, chiết khấu hoặc tham gia các giao dịch dân sự, thương mại khác) theo Các Điều Kiện Trái Phiếu được quy định cụ thể trong Bản Cáo Bạch này, phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan.

19.2. Cam kết về thực hiện niêm yết Trái Phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán

- Sau khi kết thúc đợt phát hành, Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết sẽ thực hiện đăng ký niêm yết Trái Phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán, hoàn thiện hồ sơ đăng ký niêm yết Trái Phiếu trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày kết thúc mỗi đợt chào bán Trái Phiếu ra công chúng;
- Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết sẽ duy trì việc niêm yết Trái Phiếu chừng nào còn bất kỳ Trái Phiếu đang lưu hành trên cơ sở phù hợp với quy định của pháp luật.
- Kế hoạch niêm yết Trái Phiếu ra công chúng dự kiến sẽ được Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết thực hiện theo trình tự, thủ tục đã được pháp luật quy định, cụ thể:

TT	Nội dung công việc	Thời gian dự kiến (ngày)
1	Ngày kết thúc đợt chào bán Trái Phiếu	T

TT	Nội dung công việc	Thời gian dự kiến (ngày)
2	Hoàn thiện và nộp hồ sơ đăng ký, niêm yết Trái Phiếu tại VSDC và SGDCK (theo quy định của pháp luật là trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán Trái Phiếu)	Từ T+1 đến T+30
3	SGDCK ban hành quyết định chấp thuận việc niêm yết (theo quy định pháp luật, trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, SGDCK ra quyết định chấp thuận niêm yết)	Từ T+30 đến T+60
4	Đăng ký ngày giao dịch đầu tiên cho trái phiếu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày Sở giao dịch chứng khoán ban hành quyết định chấp thuận niêm yết trái phiếu	Từ T+60 đến T+65
5	Ngày giao dịch đầu tiên của Trái Phiếu (tối đa không quá 30 ngày kể từ ngày Sở giao dịch chứng khoán có quyết định chấp thuận niêm yết)	Từ T+65 đến T+90

20. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài:

Đối với loại trái phiếu do VAB phát hành và đăng ký niêm yết, hiện tại không có quy định giới hạn về tỷ lệ sở hữu người nước ngoài. Tuy nhiên, tùy thuộc vào tình hình thị trường, điều kiện kinh tế xã hội của Việt Nam, trong tương lai việc NHNN hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác có thể ban hành quy định về giới hạn tỷ lệ sở hữu trái phiếu đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài và khi đó có thể ảnh hưởng tới việc chuyển nhượng trái phiếu từ nhà đầu tư trong nước cho nhà đầu tư nước ngoài.

21. Các loại thuế có liên quan

Các loại thuế liên quan đến Trái Phiếu được xác định dựa trên các quy định pháp luật có hiệu lực tại thời điểm phát sinh các giao dịch liên quan đến Trái Phiếu. Những nội dung tóm tắt dưới đây là những phân tích dựa trên các quy định pháp luật hiện hành, không phải là những phân tích có tính toàn diện về các điểm cần lưu ý về thuế có thể ảnh hưởng tới quyết định mua, sở hữu hoặc bán Trái Phiếu và không nhằm mục đích giải quyết các vấn đề về thuế đối với các nhà đầu tư. Một số nhà đầu tư phải tuân theo các quy định riêng. Vì vậy, các nhà đầu tư Trái Phiếu nên tham khảo ý kiến các chuyên gia về các loại thuế có liên quan đến việc sở hữu và chuyển nhượng Trái Phiếu áp dụng riêng đối với những trường hợp cụ thể.

21.1 Thuế thu nhập cá nhân

Căn cứ theo hướng dẫn tại Thông tư số 111/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 15/8/2013 và có hiệu lực từ ngày 01/10/2013; được sửa đổi và bổ sung tại Thông tư số 92/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 15/6/2015 và có hiệu lực từ ngày 30/7/2015; và các văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung các văn bản đã nêu qua từng thời kỳ. Theo đó, thu nhập từ lãi Trái Phiếu và thu nhập từ việc chuyển quyền sở hữu Trái Phiếu của cá nhân được xem là thu nhập chịu thuế và sẽ được khấu trừ thuế với mức thuế như sau:

- Thu nhập từ lãi Trái Phiếu được xem là thu nhập từ đầu tư vốn. Thuế suất Thuế thu

nhập cá nhân với thu nhập từ đầu tư vốn là 5%; và

- Thu nhập từ chuyển nhượng Trái Phiếu được xem là khoản thu nhập từ chuyển nhượng vốn (chứng khoán). Thuế suất thuế thu nhập cá nhân với thu nhập từ chuyển nhượng vốn là 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần.

21.2 Thuế thu nhập doanh nghiệp

- a) Đối với các nhà đầu tư là tổ chức được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam và các tổ chức được thành lập và hoạt động theo pháp luật nước ngoài (tổ chức nước ngoài) đáp ứng đủ điều kiện áp dụng phương pháp kê khai và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp trên cơ sở kê khai doanh thu chi phí theo hướng dẫn tại Thông tư số 78/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 18/6/2014 và có hiệu lực từ ngày 02/8/2014; được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 96/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 22/6/2015 và có hiệu lực từ ngày 06/8/2015 và các văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung các văn bản đã nêu qua từng thời kỳ; thu nhập từ lãi Trái Phiếu và thu nhập từ chuyển nhượng Trái Phiếu được coi là thu nhập chịu thuế khác của doanh nghiệp và được cộng gộp với thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp để xác định thuế thu nhập doanh nghiệp chung cho doanh nghiệp theo mức thuế suất cụ thể được áp dụng cho doanh nghiệp đó.
- b) Đối với nhà đầu tư là các tổ chức nước ngoài không đáp ứng đủ điều kiện áp dụng phương pháp kê khai thuế thu nhập doanh nghiệp trên cơ sở kê khai doanh thu chi phí sẽ được khấu trừ và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập từ lãi thu được từ Trái Phiếu và thu nhập từ việc chuyển nhượng Trái Phiếu theo quy định tại Thông tư 103/2014/TT-BTC của Bộ Tài Chính ban hành ngày 06/8/2014 và có hiệu lực từ ngày 01/10/2014 với mức thuế suất áp dụng như sau:
 - Mức thuế suất áp dụng đối với lãi từ Trái Phiếu là 5%; và
 - Mức thuế suất áp dụng đối với thu nhập từ việc chuyển nhượng Trái Phiếu là 0,1% trên tổng doanh thu chuyển nhượng Trái Phiếu tại thời điểm chuyển nhượng.

21.3 Thuế giá trị gia tăng

Hiện tại, lãi Trái Phiếu và thu nhập từ việc chuyển nhượng Trái Phiếu không thuộc đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng. Trong trường hợp thuế giá trị gia tăng được áp dụng đối với việc chuyển nhượng Trái Phiếu theo luật Việt Nam sau Ngày Phát Hành, Người Sở Hữu Trái Phiếu có nghĩa vụ phải nộp thuế giá trị gia tăng theo quy định của pháp luật.

21.4 Khấu trừ thuế

- a) Trường hợp Trái Phiếu chưa được lưu ký tại Thành viên lưu ký của VSDC: Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết sẽ khấu trừ, giữ lại và nộp thuế theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam đối với tiền lãi và/hoặc bất kỳ khoản thanh toán khác (nếu có) liên quan đến Trái Phiếu trước khi thanh toán cho Người Sở Hữu Trái Phiếu. Việc khấu trừ thuế liên quan đến giao dịch chuyển quyền sở hữu Trái Phiếu của Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam.

- b) Trường hợp Trái Phiếu đã được lưu ký tại Thành viên lưu ký của VSDC: việc khấu trừ thuế sẽ theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam và quy định của VSDC.

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

VII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT

Tổ chức tư vấn, đại lý phát hành, Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu

Công ty cổ phần Chứng khoán MB

Địa chỉ: Khu vực 1 - Tầng 7-8, tòa nhà MB, số 21 Cát Linh, phường Ô Chợ Dừa, TP.Hà Nội

Điện thoại: 024 7304 5688

Website : www.mbs.com.vn

Tổ chức kiểm toán

Báo cáo tài chính năm 2023 được kiểm toán bởi:

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Địa chỉ: Số 01 Lê Phụng Hiểu, phường Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Điện thoại: (84.24) 3824 1990 Fax : (84.24) 3825 3973

Website : <https://aasc.com.vn/web/>

Báo cáo tài chính năm 2024 được kiểm toán bởi:

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học MOORE AISC

Địa chỉ: 389A Điện Biên Phủ, Phường Bàn Cờ, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3832 9129 – 3834 3346 Fax: (028) 3834 2957

Website: <https://aisc.com.vn/>

Tổ chức xếp hạng tín nhiệm

Công ty Cổ phần Xếp hạng Tín nhiệm Đầu tư Việt Nam

Địa chỉ: Phòng 2709, Tầng 27 – Tháp Tây, Tòa nhà Lotte Center Hà Nội, 54 Liễu Giai, phường Giảng Võ, thành phố Hà Nội.

Điện thoại: (84.24) 2288 6000

Website : <https://visrating.com/>

VIII. PHỤ LỤC

1. Phụ lục I: Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép thành lập.
2. Phụ lục II: Điều lệ Ngân hàng.
3. Phụ lục III: Sổ đăng ký người sở hữu trái phiếu của tổ chức đăng ký niêm yết được lập trong thời hạn 01 tháng trước thời điểm nộp hồ sơ đăng ký niêm yết
4. Phụ lục IV: Giới thiệu những văn bản pháp luật liên quan đến tổ chức niêm yết.
5. Phụ lục V: Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất kiểm toán năm 2023, năm 2024 và Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất Quý III năm 2025.
6. Phụ lục VI: Báo cáo về những tranh chấp pháp luật.
7. Phụ lục VII: Hợp đồng đại diện người sở hữu trái phiếu.

IX. NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT, TỔ CHỨC TƯ VẤN

Hà Nội, ngày 01 tháng 12 năm 2025 *nglona*

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT
NGÂN HÀNG TMCP VIỆT Á *hu*

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



myt
Phương Thành Long

TỔNG GIÁM ĐỐC

mm

Nguyễn Văn Trọng

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Chub

Nguyễn Thành Công

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB
QUYỀN GIÁM ĐỐC KHỎI DỊCH VỤ NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ



Lê Thị Thu Hiền

